



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN



JIS
JAPANESE
INDUSTRIAL
STANDARD

TIÊU CHUẨN NHẬT

ASTM

TIÊU CHUẨN MỸ

EN EUROPEAN
STANDARDS

TIÊU CHUẨN CHÂU ÂU

STANDARDS
Australia

TIÊU CHUẨN ÚC

nqa

ISO 9001

ISO 9001

nqa

ISO 14001

ISO 14001

MỤC LỤC

1

THÔNG TIN CHUNG

Thông tin công ty	006
Triết lý kinh doanh Định hướng phát triển	007
Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng Quản trị	009
Thông điệp của Tổng Giám đốc	011

2

GIỚI THIỆU THÉP NAM KIM

Lịch sử phát triển	015
Dấu ấn Thép Nam Kim 2020	017
Thành tựu và giải thưởng	019
Mô hình quản trị	021
Cơ cấu tổ chức	023
Hội đồng Quản trị	025
Ban Tổng Giám đốc	027
Ban Kiểm Soát	029
Dây chuyền sản xuất	031
Sản phẩm, dịch vụ	041
Thị trường và hệ thống phân phối	055

3

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG 2020

Vĩ mô 2020	059
Ngành thép 2020	061
Thép Nam Kim 2020	063
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	067

4

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Báo cáo của Hội đồng Quản trị	073
Hoạt động của Hội đồng Quản trị	075
Báo cáo của Ban Kiểm Soát	077
Quản trị rủi ro	079
Cổ phiếu NKG	083

5

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Tầm nhìn bền vững	089
Tối ưu hiệu quả kinh tế	091
Củng cố, phát triển nguồn nhân lực	093
Bảo vệ môi trường thiên nhiên	097
Đồng hành với cộng đồng xã hội	099

6

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	
Báo cáo kiểm toán độc lập	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	
Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất	
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	



THÔNG TIN CHUNG

Tư duy chất lượng Cuộc sống vững bền

"Cải tiến chất lượng không ngừng" là tinh thần nhất quán trong tất cả các mặt hoạt động của Thép Nam Kim nhằm nâng cao giá trị của sản phẩm và dịch vụ, gia tăng lợi ích của khách hàng. Từ đó mang lại sự tăng trưởng bền vững cho doanh nghiệp.

Thông tin công ty	006
Triết lý kinh doanh Định hướng phát triển	007
Thông điệp của Chủ tịch HĐQT	009
Thông điệp của Tổng Giám đốc	011



**Tư duy chất lượng
cuộc sống vững bền**



THÔNG TIN CÔNG TY

Tên tiếng Việt	:	CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM
Tên tiếng Anh	:	NAM KIM STEEL JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt	:	NAKISCO
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số	:	3700477019
Vốn điều lệ	:	1.819.998.680.000 VND
Mã cổ phiếu	:	NKG : HOSE



THÔNG TIN LIÊN HỆ

Địa chỉ	:	Lô A1, Đường Đ2, Khu công nghiệp Đồng An 2 Phường Hòa Phú, Thành phố Thủ Dầu Một Tỉnh Bình Dương, Việt Nam
Điện thoại	:	+84 27 43 748 848
Fax	:	+84 27 43 748 868
Website	:	www.tonnamkim.com





TRIẾT LÝ KINH DOANH ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2020
007



TẦM NHÌN

Sản phẩm mang thương hiệu Thép Nam Kim được khách hàng trong nước và quốc tế nhìn nhận ở phân khúc chất lượng cao.



MỤC TIÊU CHỦ YẾU

Với phương châm "Cải tiến và đổi mới không ngừng trong mọi hoạt động của doanh nghiệp", đem đến cho khách hàng những sản phẩm có chất lượng cùng với chính sách chăm sóc chu đáo và giá cả cạnh tranh. Thép Nam Kim sẽ không ngừng tích lũy, nâng cao năng lực tài chính, năng lực cạnh tranh, đổi mới năng lực quản lý, mô hình kinh doanh, nâng cao chất lượng sản phẩm theo chuẩn quốc tế để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường trong và ngoài nước. Thông qua đó, giữ vững vị trí là một trong 3 đơn vị đầu ngành về thị phần tôn thép mạ toàn quốc, với mục tiêu đạt và duy trì ở mức trên 20%.

Văn hóa học hỏi Thép Nam Kim luôn chú trọng công tác đào tạo nhằm nâng chất - nâng tầm cho CBCNV, từ đó xây dựng niềm tin và sự gắn bó lâu dài giữa nhân viên và công ty. Mỗi cá nhân đều luôn có cơ hội học hỏi trong mọi hoàn cảnh và bằng nhiều hình thức như đào tạo hội nhập, đào tạo trong công việc, đào tạo chuyên môn, đào tạo quản lý... người đi trước có nhiều kinh nghiệm truyền dẫn cho lớp trẻ để luôn tạo thành lớp nhân sự nguồn kế thừa, và đưa CBCNV đến học hỏi tại các Tập đoàn, Công ty lớn trên khắp các châu lục, tham gia các hội thảo chuyên ngành uy tín trong nước và quốc tế.



GIÁ TRỊ CỐT LÕI

VĂN HÓA HỌC HỎI, CẢI TIẾN VÀ ĐỔI MỚI KHÔNG NGỪNG

Tinh thần cải tiến chất lượng không ngừng được nhất quán xuyên suốt trong tất cả các mặt hoạt động, trở thành một nét văn hóa trong tất cả các bộ phận, tất cả các cấp trong doanh nghiệp. Thép Nam Kim đầu tư công nghệ hiện đại, xây dựng hệ thống quản trị khoa học, xây dựng các chương trình đào tạo nguồn lực con người nhằm giữ vững và phát huy giá trị cốt lõi.

Văn hóa học hỏi

Thép Nam Kim luôn chú trọng công tác đào tạo nhằm nâng chất - nâng tầm cho CBCNV, từ đó xây dựng niềm tin và sự gắn bó lâu dài giữa nhân viên và công ty. Mỗi cá nhân đều luôn có cơ hội học hỏi trong mọi hoàn cảnh và bằng nhiều hình thức như đào tạo hội nhập, đào tạo trong công việc, đào tạo chuyên môn, đào tạo quản lý... người đi trước có nhiều kinh nghiệm truyền dẫn cho lớp trẻ để luôn tạo thành lớp nhân sự nguồn kế thừa, và đưa CBCNV đến học hỏi tại các Tập đoàn, Công ty lớn trên khắp các châu lục, tham gia các hội thảo chuyên ngành uy tín trong nước và quốc tế. Việc là thành viên của Hiệp hội thép Việt Nam cũng tạo cơ hội cho CBCNV giao lưu học hỏi lẫn nhau giữa các doanh nghiệp trong nước.

Cải tiến và đổi mới không ngừng

Mỗi thành viên của Thép Nam Kim đều là người tiên phong trong lĩnh vực trách nhiệm của mình và sáng tạo mỗi ngày để tìm tòi ý tưởng mới và tạo điều kiện ảo dựng vào thực tế, nâng cao hiệu suất và chất lượng công việc. Tất cả con người Thép Nam Kim đều luôn nỗ lực không ngừng bám sát các quy chuẩn, quy trình trong sản xuất, kinh doanh, tổ chức. Tiên phong khám phá, đón đầu xu hướng và sáng tạo nên những sản phẩm đạt tiêu chuẩn chất lượng quốc tế, thẩm mỹ cao, chất lượng dịch vụ bán hàng và hậu mãi tốt.

Tiên phong đầu tư công nghệ máy móc hiện tại, sử dụng nguồn nguyên liệu từ các tập đoàn hàng đầu thế giới, luôn lắng nghe nhu cầu và xu thế khách hàng và người tiêu dùng cũng là các tôn chỉ để thực thi giá trị cốt lõi cải tiến và đổi mới liên tục.

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2020
008



THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



KÍNH GỬI QUÝ KHÁCH HÀNG, ĐỐI TÁC VÀ CỔ ĐÔNG,

Tôi rất hân hạnh được chia sẻ thông điệp của mình đến quý vị với tư cách là Chủ tịch Hội đồng quản trị của Thép Nam Kim.

Trong nửa đầu năm 2020, ngành thép toàn cầu phải đối mặt với nhiều thách thức do sự sụt giảm nhu cầu, sự gián đoạn của chuỗi cung ứng và biến động giá hàng hóa do sự bùng phát của đại dịch COVID-19, một đại dịch khủng khiếp đã làm thay đổi căn bản và sâu sắc mọi mặt của nền kinh tế - xã hội. Điều may mắn hơn cả, chính phủ, người dân toàn bộ nói chung và Thép Nam Kim nói riêng đã chung sức kiểm soát thành công dịch bệnh, mở ra một "trạng thái bình thường mới" buộc mọi thành phần, mọi ngành kinh doanh phải thay đổi, thích nghi.

Dưới tác động của đại dịch, tăng trưởng GDP thế giới đã giảm 4,3% trong năm 2020 so với mức tăng trưởng 2,4% của năm 2019, theo số liệu của World Bank. Tại Việt Nam, tăng trưởng chậm lại còn 2,9% năm 2020, thấp hơn đáng kể so với mức 7,0% trong năm 2019 nhưng World Bank đánh giá: "Việt Nam là một trong số ít nền kinh tế vẫn tăng trưởng trong đại dịch".

Tác động của nền kinh tế tăng trưởng chậm lại cũng được cảm nhận rõ rệt trong lĩnh vực thép toàn cầu. Sản lượng thép thô toàn cầu đạt 1,86 tỷ tấn vào năm 2020, ghi nhận mức giảm 0,9% so với mức 1,88 tỷ tấn trong năm 2019. Đây là lần đầu tiên kể từ năm 2015, sản lượng thép thô thế giới sụt giảm, theo Hiệp hội Thép Thế giới (WSA).

Ngành thép Việt Nam, sau nửa đầu năm ảm đạm, đã ghi nhận những con số khá quan trọng nửa cuối năm 2020. Theo Hiệp hội Thép Việt Nam (VSA), sản lượng thép thô nội địa cả năm 2020 đạt 17,2 triệu tấn, tăng 14% so với năm 2019. Tổng sản lượng thép các loại đạt hơn 25,9 triệu tấn, tăng 2,7% so với cùng kỳ 2019. Tổng tiêu thụ thép năm 2020 đạt 23,4 triệu tấn, trong đó xuất khẩu đạt 4,6 triệu tấn, lần lượt tăng 1,4% và giảm 0,9% so với năm ngoái. Giá thép tăng đột biến trong quý 4 - 2020 do kỳ vọng nền kinh tế vĩ mô phục hồi sau đại dịch, sự gián đoạn nguồn cung toàn cầu trong khi nhu cầu được cải thiện nhờ vào dòng vốn đầu tư công của Chính phủ các nước được giải ngân mạnh mẽ nhằm bù đắp cho sự sụt giảm của khối tư nhân.

"Việt Nam là một trong số ít nền kinh tế vẫn tăng trưởng trong đại dịch".

Năm bất cơ hội từ tình hình khó khăn chung, Thép Nam Kim đã ghi nhận kết quả kinh doanh ấn tượng trong năm nay. Công ty đã thành công trong việc phát triển sản phẩm mới, cải tiến sản xuất, kiểm soát chi phí và mang lại lợi nhuận. Năm 2020, dù doanh thu giảm 5% so với năm ngoái, đạt 11.614 tỷ VND nhưng tổng sản lượng đạt 703.843 tấn và lợi nhuận sau thuế đạt 295 tỷ VND, tăng lần lượt 5% và 526% so với năm 2019.

Sau cơn mưa, trời lại sáng. Năm 2021 đến với những kỳ vọng về vắc xin sẽ đẩy lùi đại dịch COVID-19. Sự phục hồi của nền kinh tế sau đại dịch, xu hướng dịch chuyển chuỗi cung ứng toàn cầu cùng tiềm năng của một quốc gia đang trong giai đoạn phát triển, công nghiệp hóa như Việt Nam tạo ra những cơ hội chưa từng có. Tôi và toàn thể 1.463 thành viên gia đình Thép Nam Kim, tự tin rằng thông qua kỷ luật tài chính vững chắc, quản lý dòng tiền chặt chẽ, nhà máy công nghệ tiên tiến,... sẽ nỗ lực hết mình để nắm bắt những cơ hội kinh doanh, đưa Thép Nam Kim phát triển lên những tầm cao mới.

Nhân cơ hội này, tôi xin được gửi lời cảm ơn chân thành đến Quý khách hàng, đối tác và cổ đông vì sự tin tưởng và ủng hộ của tất cả quý vị trong thời gian qua với Thép Nam Kim.

Trần trọng,

HỒ MINH QUANG
Chủ tịch

**Sau cơn mưa,
trời lại sáng.**

Sự phục hồi của nền kinh tế sau đại dịch, xu hướng dịch chuyển chuỗi cung ứng toàn cầu cùng tiềm năng của một quốc gia đang trong giai đoạn công nghiệp hóa như Việt Nam **tạo ra những cơ hội chưa từng có.**

Ưu tiên đầu tiên và cao nhất của Thép Nam Kim là sự an toàn và sức khỏe của cộng đồng, khách hàng, đối tác, nhân viên và gia đình họ.

Kính thưa Quý vị,

Dịch bệnh COVID-19 đã châm ngòi cho đợt khủng hoảng tồi tệ nhất kể từ cuộc Đại suy thoái 1930 và ngành thép là một trong những ngành chịu tác động mạnh nhất khi ảnh hưởng của các đợt giãn cách xã hội, suy giảm kinh tế khiến cho nhu cầu xây dựng sụt giảm, hàng loạt dự án bị đình trệ, thậm chí ngừng hoạt động.

Với tư cách là người điều hành toàn bộ hoạt động của Thép Nam Kim, ưu tiên đầu tiên và cao nhất của tôi và toàn bộ ban lãnh đạo Thép Nam Kim là sự an toàn và sức khỏe của cộng đồng, khách hàng, đối tác, nhân viên và gia đình họ.

Thép Nam Kim đã triệt để tuân thủ các nguyên tắc phòng chống dịch COVID-19 theo khuyến cáo 5K của Bộ Y Tế. Doanh nghiệp triển khai các biện pháp để nhân viên khởi giãn tiếp có thể làm việc từ xa tại nhà. Các cuộc họp được chuyển sang hình thức trực tuyến. Trong thời điểm dịch bệnh diễn biến hết sức phức tạp trong nửa đầu năm 2020, chúng tôi cho rằng trách nhiệm của Thép Nam Kim với cộng đồng và toàn thể 1.463 CBCNV không chỉ là về những con số kinh tế, đó còn là vấn đề trách nhiệm, an sinh xã hội, về sự phát triển bền vững của cả tập thể.

Tuy nhiên, Hội đồng Quản trị và Ban điều hành cũng hiểu rằng bên cạnh việc đảm bảo an toàn phòng chống dịch, việc ổn định sản xuất và đảm bảo lợi ích cho cổ đông và đời sống công nhân viên cũng là trách nhiệm chúng tôi phải nỗ lực thực hiện. Dịch bệnh đến ngay sau khi Thép Nam Kim trải qua giai đoạn kinh doanh không thuận lợi từ năm 2018 - 2019, chúng tôi ngay từ khi nhận được tin dịch bệnh đã đánh giá năm 2020 tràn ngập biến động. Do đó, Ban điều hành phải nhận trách nhiệm nặng nề, đồng lòng tiếp tục luôn dành mọi tâm huyết để đưa Thép Nam Kim vượt qua mọi khó khăn trong sản xuất kinh doanh.

Nhờ vào nhu cầu phục hồi, nguồn cung gián đoạn, giá HRC đã tăng mạnh lên mức trên 700 USD/tấn vào cuối năm 2020. Thép Nam Kim đã nhanh chóng nắm bắt cơ hội, nâng cao năng lực sản xuất, qua đó ghi nhận kết quả kinh doanh ấn tượng trong nửa cuối năm 2020, với doanh thu và lợi nhuận ròng nửa cuối năm 2020 lần lượt đạt 6.824 tỷ VND và 236 tỷ VND, tăng trưởng 9% và 1.670% so với cùng kỳ.

Chúng tôi cho rằng kết quả này không chỉ của riêng tập thể HĐQT và Ban điều hành, mà còn thuộc về toàn bộ CBCNV Thép Nam Kim. Tất cả đã cùng nhau đoàn kết, nỗ lực hết mình hoàn thành việc tái cấu trúc hoạt động Thép Nam Kim từ năm 2019, hoàn thành thắng lợi vượt kế hoạch kinh doanh năm 2020 với những kết quả đáng khích lệ.

Trong nguy có cơ

Hội đồng quản trị và ban điều hành đã nhìn thấy cơ hội từ việc gián đoạn nguồn cung từ các nước trên thế giới, qua đó biến năm 2020 trở thành một năm thành công, đặc biệt trong 6 tháng cuối năm.



Bước sang năm 2021 với niềm hy vọng nhân loại sẽ sớm đẩy lùi đại dịch COVID-19, mỗi thành viên gia đình Thép Nam Kim sẽ phải rất khẩn trương, đoàn kết, nỗ lực để nắm bắt những cơ hội kinh doanh, cải thiện năng suất lao động, gia tăng sản lượng, hiệu quả kinh doanh thông qua định hướng chiến lược **CÙNG CỐ NĂNG LỰC NỘI TẠI** của doanh nghiệp trong giai đoạn 2020 -2022, cụ thể:

- Nâng cao năng lực quản trị và điều hành;
- Cải thiện năng suất lao động, giảm chi phí;
- Khai thác tối đa năng lực thiết bị và nguồn nhân lực kỹ thuật để tạo ra những sản phẩm chất lượng cao, phục vụ nhu cầu nội địa và đẩy mạnh xuất khẩu sang các thị trường cao cấp như Bắc Mỹ và Châu Âu.

Nhất quán định hướng trên, Công ty đã phối hợp với đối tác triển khai thành công hệ thống ERP - SAP S/4 HANA sau 6 tháng chuẩn bị, đưa vào vận hành từ ngày 01/07/2020. Toàn bộ các hoạt động của doanh nghiệp được quản trị và vận hành có tính hệ thống, các dữ liệu hoạt động được cập nhật, báo cáo và phân tích phục vụ cho công tác dự báo và ra quyết định kịp thời. Đồng thời, trong năm qua, hoạt động xuất khẩu các sản phẩm chất lượng cao sang các thị trường Bắc Mỹ và Châu Âu đều gia tăng.

Trong hành trình tạo ra giá trị vững bền của Thép Nam Kim, tôi xin cảm ơn tất cả các Quý cổ đông đã đặt niềm tin vào Thép Nam Kim. Tôi cũng xin cảm ơn Quý khách hàng, Quý đối tác đã hỗ trợ không ngừng cho chúng tôi. Các nhân viên, công đoàn và các cấp quản lý đã làm việc rất chăm chỉ trong năm qua và tôi thật sự tri ân họ vì sự gắn bó không mệt mỏi với Thép Nam Kim trong giai đoạn khó khăn vừa qua.

Cuối cùng, tôi mong muốn tiếp tục nhận được sự ủng hộ quý báu của quý vị trong tương lai.

Trân trọng,

VÕ HOÀNG VŨ
Tổng Giám đốc



GIỚI THIỆU THÉP NAM KIM

Doanh nghiệp sản xuất tôn thép hàng đầu Việt Nam

Là một doanh nghiệp chuyên sản xuất tôn mạ hàng đầu tại Việt Nam, Thép Nam Kim luôn tiên phong trong đầu tư công nghệ để cung cấp những sản phẩm đạt tiêu chuẩn chất lượng tốt nhất đến khách hàng trong nước và quốc tế. Hiện sản phẩm của Thép Nam Kim được tin dùng trên toàn quốc và xuất khẩu đến hơn 50 quốc gia trên toàn cầu.

Lịch sử phát triển	015
Dấu ấn Thép Nam Kim 2020	017
Thành tựu và giải thưởng	019
Mô hình quản trị	021
Cơ cấu tổ chức	023
Hội đồng Quản trị	025
Ban Tổng Giám đốc	027
Ban Kiểm Soát	029
Dây chuyền sản xuất	031
Sản phẩm, dịch vụ	041
Thị trường và hệ thống phân phối	055

THÀNH LẬP

Công ty Cổ phần Thép Nam Kim được thành lập với đầy chuyên mạ kim loại công nghệ NOF đầu tiên tại Việt Nam.



KHỞI CÔNG NHÀ MÁY TÔN MẠ SỐ 1

Khởi công xây dựng Nhà máy tôn mạ số 1 tại KCN Đồng An 2, Thủ Dầu Một, Bình Dương.



NHÀ MÁY TÔN MẠ SỐ 1 HOẠT ĐỘNG

Nhà máy tôn mạ số 1 hoạt động, nâng tổng công suất Thép Nam Kim lên 350.000 tấn/năm.



KHỞI CÔNG NHÀ MÁY ỚNG LONG AN

Khởi công Nhà máy ống Long An tại KCN Vĩnh Lộc 2, Long An.



NHÀ MÁY TÔN MẠ SỐ 2 HOẠT ĐỘNG

Nhà máy tôn mạ số 2 hoạt động, tổng công suất của Công ty đạt 650.000 tấn/năm



CHỦ TRƯỞNG XÂY DỰNG NHÀ MÁY CHU LAI

Nhà máy tại Chu Lai - Quảng Nam chuyên sản xuất ống thép mạ kẽm, vốn đầu tư 150 tỷ VND, diện tích 30.000 m².



2002

2010

2011

2012

2014

2015

2016

2018

2019

2020



NIÊM YẾT CỔ PHIẾU

Thép Nam Kim niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu NKG



KHỞI CÔNG NHÀ MÁY TÔN MẠ SỐ 2

Khởi công Nhà máy tôn mạ số 2 tại KCN Đồng An 2, Thủ Dầu Một, Bình Dương



TỔNG CÔNG SUẤT 1 TRIỆU TẤN SẢN PHẨM/NĂM

Công suất mạ 1.000.000 tấn/năm
Công suất tẩy cặn 900.000 tấn/năm
Công suất ống kẽm 200.000 tấn/năm



TÁI CẤU TRÚC HƯỚNG ĐẾN TƯƠNG LAI

Thép Nam Kim tái cấu trúc thành công, vượt qua năm 2020 đầy thử thách với kết quả kinh doanh ấn tượng. Công ty tiếp tục định hướng chiến lược **CÙNG CỐ NĂNG LỰC NỘI TẠI** trong giai đoạn 2020 -2022, hướng đến phát triển bền vững.

ĐẤU ẨN THÉP NAM KIM 2020



VẬN HÀNH HỆ THỐNG SAP S/4 HANA NGÀY 01/07/2020 SAU 6 THÁNG TRIỂN KHAI

Công ty đã phối hợp với đối tác triển khai thành công hệ thống ERP - SAP S/4 HANA sau 6 tháng chuẩn bị, đưa vào vận hành từ ngày 01/07/2020. Toàn bộ các hoạt động của doanh nghiệp được quản trị và vận hành có tính hệ thống, các dữ liệu hoạt động được cập nhật, báo cáo và phân tích phục vụ cho công tác dự báo và ra quyết định kịp thời.



TOP 500 DOANH NGHIỆP LỚN NHẤT VIỆT NAM

Năm 2020, Thép Nam Kim tiếp tục được xếp hạng trong Top 500 doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam (hạng 53) và Top 500 doanh nghiệp Việt Nam (hạng 150). Đánh dấu năm thứ 11 liên tiếp Công ty có tên trong bảng xếp hạng này.

Bảng xếp hạng VNRS500 - Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam - do Vietnam Report phối hợp cùng Báo điện tử Vietnamnet bình chọn, nhằm tôn vinh những doanh nghiệp đã đạt được những thành tựu xuất sắc trong hoạt động kinh doanh.

TÔN NAM KIM

TÔN NAM KIM TỰ HÀO NĂM THỨ 11 LIÊN TIẾP
CÓ MẶT TRONG BẢNG XẾP HẠNG TOP 500 DOANH NGHIỆP VIỆT NAM



VỊ TRÍ Top 500 Doanh nghiệp
113 lớn nhất Việt Nam

Top 500 Doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam

VỊ TRÍ **53**

2020

TOP 3 DOANH NGHIỆP XUẤT KHẨU VẬT LIỆU XÂY DỰNG UY TÍN CỦA VIỆT NAM

Sau một thời gian dài đưa ra danh sách sơ duyệt để lấy ý kiến công luận, ngày 24/08/2020, Bộ công thương vừa chính thức phê duyệt danh sách "Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín". Trong đó, Thép Nam Kim vinh dự đứng thứ ba trong nhóm ngành vật liệu xây dựng.

Danh sách "Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín" không phải một giải thưởng thường niên. Đây là một cuộc sát hạch mang tầm cỡ quốc gia, do Bộ Công Thương tổ chức nhằm vinh danh các doanh nghiệp xuất khẩu uy tín. Để góp mặt trong danh sách này, doanh nghiệp phải qua nhiều vòng sơ loại từ địa phương tới cấp quốc gia.

TỰ HÀO ĐƯỢC VINH DANH THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA NĂM 2020

Tối 25/11/2020, Thép Nam Kim đã vinh dự được Bộ Công Thương trao tặng danh hiệu "Thương hiệu quốc gia" với các sản phẩm và thương hiệu: "Tôn mạ kẽm Tôn Nam Kim", "Tôn mạ lạnh Tôn Nam Kim", "Tôn mạ màu Tôn Nam Kim" và "Ông kẽm Nam Kim".

Với Thép Nam Kim, Thương hiệu Quốc gia và các giải thưởng đạt được trong năm nay là minh chứng cho sự nỗ lực phát triển không ngừng của đơn vị, khẳng định chất lượng sản phẩm cũng như trách nhiệm với người tiêu dùng và cộng đồng xã hội. Là một doanh nghiệp chuyên sản xuất tôn thép hàng đầu tại Việt Nam, Thép Nam Kim luôn tiên phong trong đầu tư công nghệ để cung cấp những sản phẩm đạt tiêu chuẩn chất lượng tốt nhất đến khách hàng trong nước và quốc tế.

R&D THÀNH CÔNG SẢN PHẨM MỚI: TÔN MẠ KẼM Z600, ĐỘ DÀY 3MM DUY NHẤT ĐƯỢC SẢN XUẤT TẠI VIỆT NAM*

Thép Nam Kim là doanh nghiệp nội địa đầu tiên sản xuất thành công dòng sản phẩm tôn kẽm công nghệ mạ liên tục lớp mạ dày Z600 với độ dày đến 3mm. Trên thế giới, chỉ một số nhà sản xuất danh tiếng mới sản xuất và cung cấp sản phẩm này.

Bên cạnh nhu cầu trong nước, trong thời gian qua, Công ty đã nhận được nhiều nhu cầu đơn hàng từ khách hàng quốc tế, đặc biệt từ Úc nên đã tiến hành nghiên cứu, hợp tác với nhiều đối tác công nghệ để hoàn thiện quy trình sản xuất và thành công. Sản phẩm này đã vượt qua các phương pháp kiểm tra khắt khe của Quatest 3, SGS theo tiêu chuẩn AS 1397 của Úc.





THÀNH TỰU VÀ GIẢI THƯỞNG



2015

Giải thưởng Sao vàng đất Việt năm 2015 cùng danh hiệu Top 100 Thương hiệu Việt Nam trong hội nhập quốc tế do Hội Doanh nhân trẻ Việt Nam trao tặng.

Vietnam Report phối hợp cùng Báo VietnamNet trao tặng các danh hiệu Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam VNR 500 năm 2015 (hạng 174), Fast 500 Doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam năm 2015 (hạng 297).

2016

UBND tỉnh Bình Dương trao tặng danh hiệu Doanh nghiệp thực hiện tốt Bộ luật lao động (2013-2015) và Đề án phát triển lao động giai đoạn (2014-2015).

UBND tỉnh Bình Dương tri ân Thép Nam Kim đã có nhiều hoạt động bảo trợ trẻ em khó khăn năm 2016.

Giấy khen đồng hành tốt cùng hoạt động Công Đoàn cơ sở năm 2015 do Ban Chấp hành Liên đoàn Lao động thị xã Thuận An khen tặng.

Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam VNR 500 năm 2016 (hạng 169), Top 500 Doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam VNR 500 năm 2016 (hạng 61), Top 50 Doanh nghiệp Việt Nam xuất sắc nhất năm 2016.

UBND tỉnh Bình Dương trao tặng danh hiệu Doanh nghiệp thực hiện tốt chăm lo đời sống người lao động năm 2016.

2017

Danh hiệu Top 100 Doanh nhân tiêu biểu tỉnh Bình Dương năm 2017 do UBND tỉnh Bình Dương trao tặng.

Bảng khen Doanh nghiệp thực hiện tốt việc kê khai và nộp thuế năm 2016 do Cục Hải quan tỉnh Bình Dương trao tặng.

Giải thưởng Doanh nghiệp tạo điều kiện tốt cho Công Đoàn hoạt động do Liên đoàn lao động thị xã Thuận An trao tặng.

Danh hiệu Top 50 Công ty kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam năm 2017 do Báo Nhip cầu đầu tư trao tặng.

Danh hiệu Doanh nghiệp đạt chỉ số tài chính tốt nhất năm 2017 do Viện Nghiên cứu và Phát triển Doanh nghiệp - Hội Kế toán và Kiểm toán Việt Nam - Báo Diễn đàn doanh nghiệp trao tặng.

Bảng khen đã tham gia tài trợ, góp phần vào sự thành công của Festival Đón ca tài tử Quốc gia lần thứ II - Bình Dương năm 2017 do Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương trao tặng.

Top 50 Doanh nghiệp tăng trưởng xuất sắc năm 2017, Top 50 doanh nghiệp xuất sắc nhất Việt Nam năm 2017, Fast 500 Doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam năm 2017 (hạng 317), Top 500 Doanh nghiệp lợi nhuận tốt nhất năm 2017 (hạng 110)



11 năm

THÉP NAM KIM TỰ HÀO
11 NĂM LIÊN TIẾP CÓ MẶT
TRONG BẢNG XẾP HẠNG
TOP 500 DOANH NGHIỆP
LỚN NHẤT VIỆT NAM

2018

Danh hiệu Top 50 công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam năm 2018 do FORBES Việt Nam bình chọn.

2019

Thành tích tốt trong công tác kê khai, nộp thuế và có nhiều đóng góp tích cực vào nhiệm vụ chung của Cục Hải quan tỉnh Bình Dương năm 2018 do Cục trưởng Cục Hải quan Bình Dương trao tặng.

Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam VNR 500 từ 2010 đến 2019.

2020

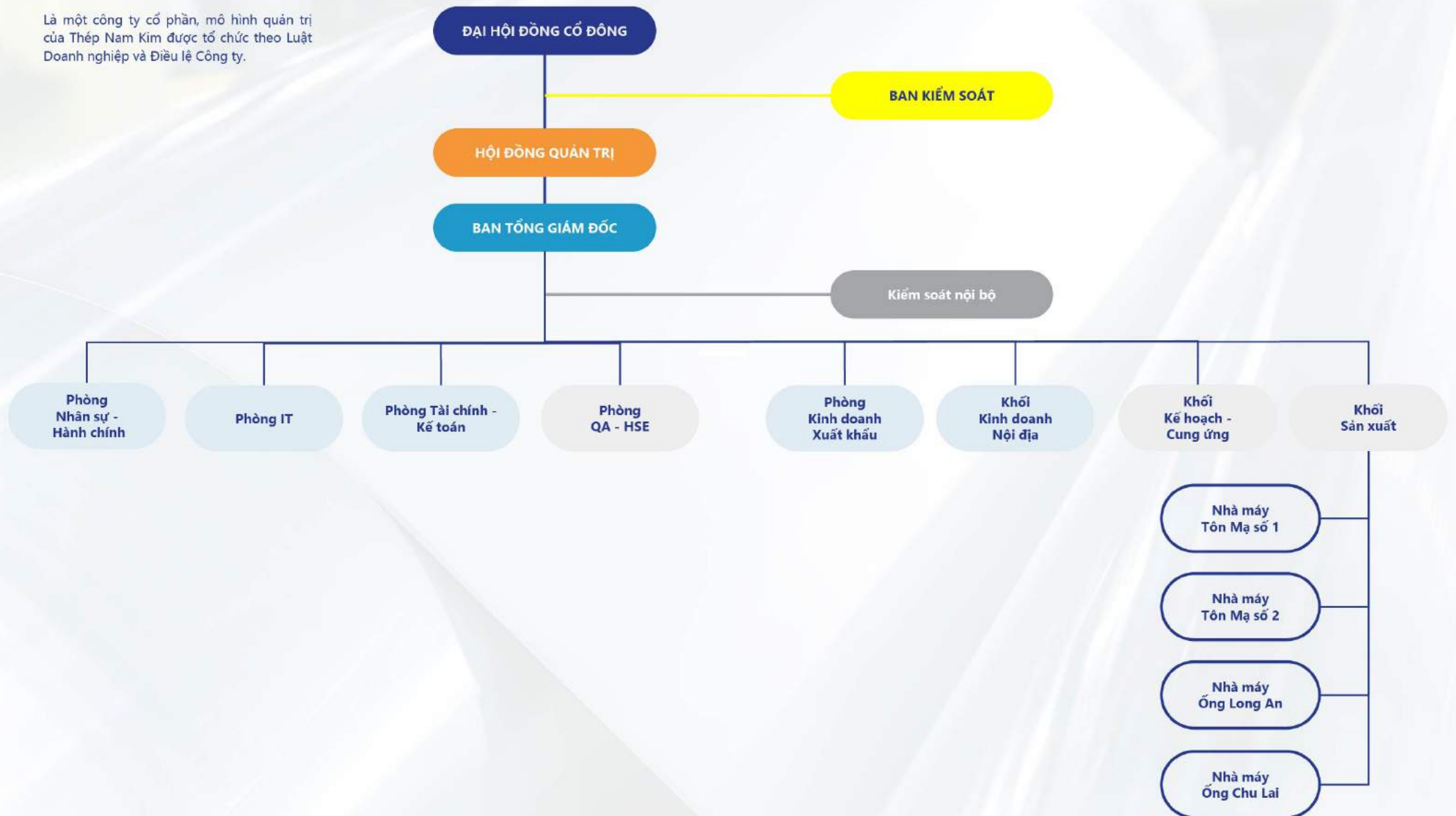
Thương hiệu Quốc gia 2020 do Bộ Công Thương trao tặng.

Top 3 doanh nghiệp xuất khẩu vật liệu xây dựng uy tín của Việt Nam do Bộ Công Thương bình chọn.



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

Là một công ty cổ phần, mô hình quản trị của Thép Nam Kim được tổ chức theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.





TRỤ SỞ CHÍNH

NHÀ MÁY TÔN MÀ SỐ 2

Diện tích	:	10 ha
Công suất	:	650.000 tấn/năm
Vốn đầu tư	:	2.300 tỷ VND
Sản phẩm	:	Tôn lạnh, tôn lạnh màu, tôn kẽm, tôn kẽm màu
Địa chỉ	:	Lô A1, Đường Đ2, KCN Đồng An 2, Hòa Phú, Thủ Dầu Một, Bình Dương



**CÔNG TY TNHH MTV
ỐNG THÉP NAM KIM**

NHÀ MÁY ỐNG LONG AN

Diện tích	:	3,2 ha
Công suất	:	120.000 tấn/năm
Vốn đầu tư	:	250 tỷ VND
Sản phẩm	:	Ống thép
Địa chỉ	:	Lô C2-16 đến Lô C2-20, Đường VL1, KCN Vĩnh Lộc 2, Xã Long Hiệp, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An



**CHI NHÁNH
CÔNG TY CỔ PHẦN
THÉP NAM KIM**

NHÀ MÁY TÔN MÀ SỐ 1

Diện tích	:	6,5 ha
Công suất	:	350.000 tấn/năm
Vốn đầu tư	:	1.000 tỷ VND
Sản phẩm	:	Tôn lạnh, tôn lạnh màu, tôn kẽm
Địa chỉ	:	Lô B2.2 - B2.3, Đường Đ3, KCN Đồng An 2, Phường Hòa Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

CÔNG SUẤT
1,000,000 tấn / năm



Ông HỒ MINH QUANG
CHỦ TỊCH HĐQT

Trên cương vị Chủ tịch HĐQT, Ông Hồ Minh Quang đã đồng hành với HĐQT và Ban Điều Hành đưa ra nhiều chủ trương và quyết sách đúng đắn dẫn dắt Thép Nam Kim trở thành doanh nghiệp luôn duy trì tốt thị phần trong top 3 ngành hàng tôn mạ tại thị trường Việt Nam trong hơn 10 năm qua.

TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN

Quản trị kinh doanh

CHỨC VỤ TẠI TỔ CHỨC KHÁC

Không



Ông VÕ HOÀNG VŨ
THÀNH VIÊN HĐQT, TGD

Gần 20 năm kinh nghiệm trong ngành thép.

TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN

Quản trị kinh doanh Ngoại thương

CHỨC VỤ TẠI TỔ CHỨC KHÁC

Chủ tịch kiêm Giám đốc
Công ty TNHH MTV Ông Thép Nam Kim Chu Lai

Thành viên HĐQT
CTCP Đầu tư Thương mại SMC



Ông NGUYỄN VINH AN
THÀNH VIÊN HĐQT, PTGD

Gần 20 năm kinh nghiệm trong ngành thép, phụ trách quản lý dự án, điều hành kỹ thuật – bảo trì – R&D.

TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN

Kỹ sư Kỹ thuật Công nghiệp

CHỨC VỤ TẠI TỔ CHỨC KHÁC

Chủ tịch
Công ty TNHH MTV Ông Thép Nam Kim



Bà NGUYỄN NGỌC Ý NHI
THÀNH VIÊN HĐQT

15 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tư vấn, đầu tư và quản lý tài chính cho các quỹ đầu tư, công ty ngành thép.

TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN

Thạc sĩ Tài chính – Ngân hàng

CHỨC VỤ TẠI TỔ CHỨC KHÁC

Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Khôi Tái chính Kế toán
CTCP Đầu tư Thương mại SMC



Ông VÕ THỜI
THÀNH VIÊN HĐQT

Nhiều năm kinh nghiệm quản lý, điều hành, lãnh đạo công ty.

TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN

Quản trị kinh doanh

CHỨC VỤ TẠI TỔ CHỨC KHÁC

Phó Tổng Giám đốc
Công ty TNHH Nam Hàn



Ông NGUYỄN HỮU KINH LUÂN
THÀNH VIÊN HĐQT

Gần 10 năm kinh nghiệm trong ngành thép qua nhiều vị trí quản lý, điều hành Công ty đại chúng.

TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN

Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

CHỨC VỤ TẠI TỔ CHỨC KHÁC

Thành viên HĐQT
CTCP Thép Tấm lá Thống Nhất



Ông VÕ HOÀNG VŨ
TỔNG GIÁM ĐỐC

Gần 20 năm kinh nghiệm trong ngành thép.

TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN

Quản trị kinh doanh Ngoại thương

CHỨC VỤ TẠI TỔ CHỨC KHÁC

Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty TNHH MTV Ống Thép Nam Kim Chu Lai

Thành viên HĐQT CTCP Đầu tư Thương mại SMC



Ông NGUYỄN VINH AN
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Gần 20 năm kinh nghiệm trong ngành thép, phụ trách quản lý dự án, điều hành kỹ thuật – bảo trì – R&D.

TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN

Kỹ sư Kỹ thuật Công nghiệp

CHỨC VỤ TẠI TỔ CHỨC KHÁC

Chủ tịch Công ty TNHH MTV Ống Thép Nam Kim



Bà TRẦN NGỌC DIỆU
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH

Hơn 20 năm kinh nghiệm điều hành, lãnh đạo trong ngành Thép phụ trách lĩnh vực kiểm soát, tài chính Công ty.

TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN

Cử nhân Quản trị Kinh doanh

CHỨC VỤ TẠI TỔ CHỨC KHÁC

Không



Ông QUẢNG TRỌNG LĂNG
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Hơn 20 năm kinh nghiệm trong ngành Thép qua nhiều vị trí quản lý, điều hành, lãnh đạo sản xuất.

TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN

Kỹ sư Cơ khí

CHỨC VỤ TẠI TỔ CHỨC KHÁC

Không



Bà NGUYỄN THỊ NGỌC LIÊN
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Gần 20 năm kinh nghiệm quản lý, điều hành lĩnh vực kinh doanh xuất khẩu.

TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN

Cử nhân Ngoại ngữ

CHỨC VỤ TẠI TỔ CHỨC KHÁC

Không



Bà VŨ THỊ HUYỀN
KẾ TOÁN TRƯỞNG

15 năm kinh nghiệm quản lý trong lĩnh vực kế toán kiểm toán.

TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN

Cử nhân Kế toán

CHỨC VỤ TẠI TỔ CHỨC KHÁC

Không



Bà NGUYỄN THỊ BÍCH NHI
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN

Cử nhân Kế toán kiểm toán

CHỨC VỤ TẠI TỔ CHỨC KHÁC

Không



Bà VÕ THỊ VUI
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN

Cử nhân Tài chính Kế toán

CHỨC VỤ TẠI TỔ CHỨC KHÁC

Không



Ông LÊ NHẬT TÂN
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN

Cử nhân Kế toán

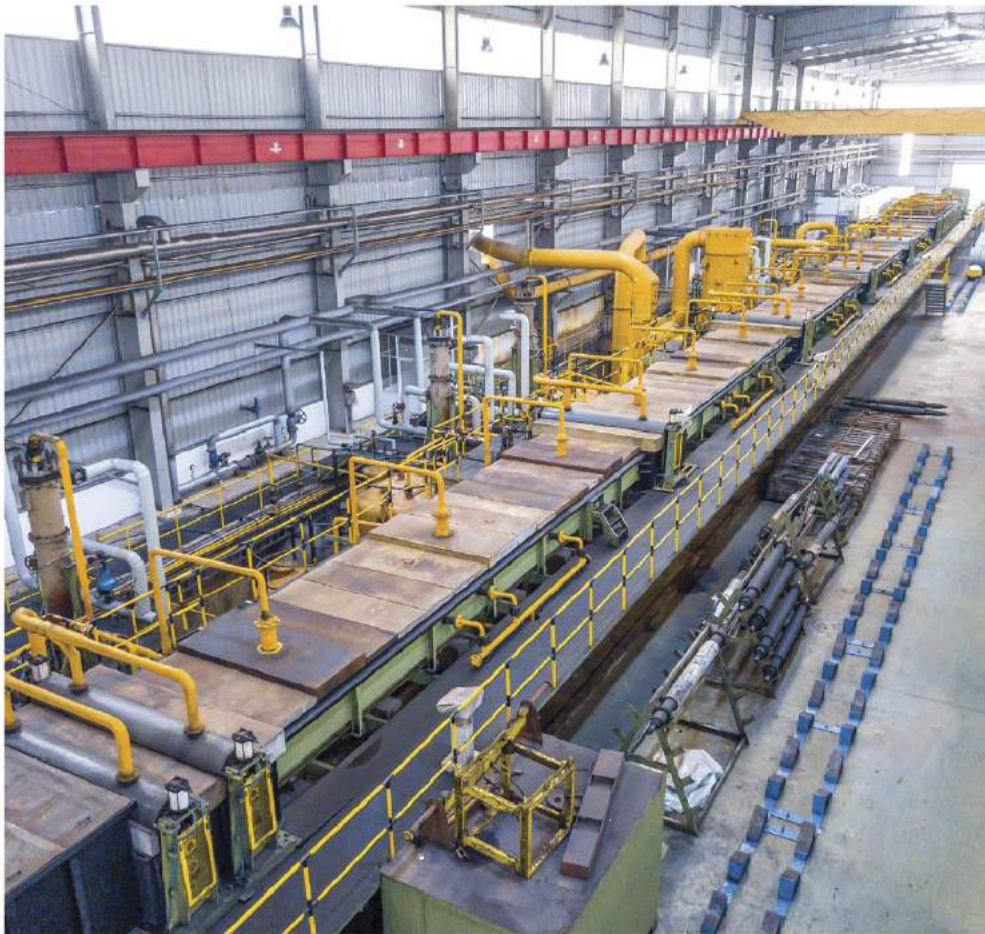
CHỨC VỤ TẠI TỔ CHỨC KHÁC

Không

DÂY CHUYỀN TẤY GI

Công suất
900.000
tấn/năm

Thép nguyên liệu có độ dày từ 1.5 mm - 5.0 mm, khổ rộng 750 mm - 1.300 mm được tẩy gỉ trên dây chuyền hiện đại của tập đoàn SMS Group (CHLB Đức). Đây là dây chuyền tiên tiến tại Việt Nam hiện nay được trang bị hệ thống tái sinh Axit thu hồi gỉ thép dạng viên thành phẩm, góp phần hiệu quả vào việc bảo vệ môi trường



DÂY CHUYỀN CÁN NGUỘI

Công suất
900.000
tấn/năm

Thép Nam Kim sở hữu dây chuyền cán nguội đôi 2 giá cán, 6 trục CVC đầu tiên ở Việt Nam, giúp công suất tăng gấp 2 lần và giảm thiểu nhân lực, chi phí vận hành sản xuất. Công nghệ cán nguội với hệ thống AFC tự động tính toán cho ra độ phẳng bằng tối ưu nhất ngay ở tốc độ cao.



DÂY CHUYỀN MẠ LẠNH HOẶC MẠ KẼM

Số dây chuyền
hiện đại **5**

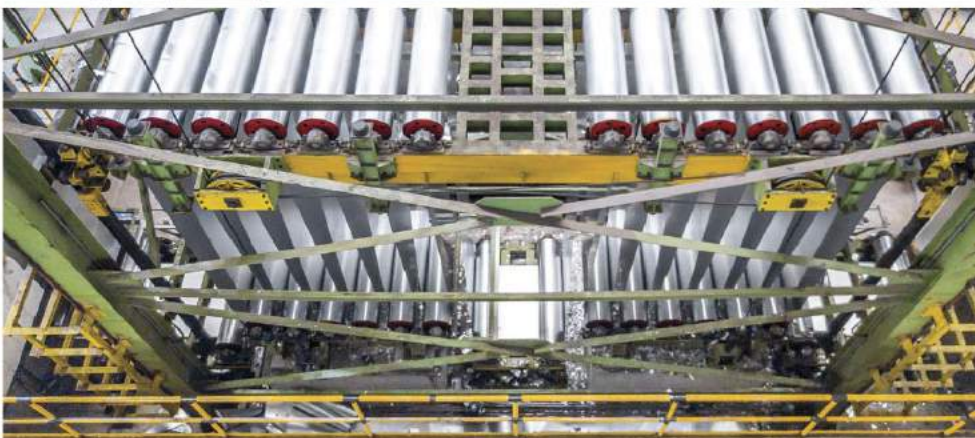
Công suất mạ lên đến
1.000.000
tấn/năm

Thép Nam Kim có 5 dây chuyền mạ kim loại công nghệ NOF có thể sản xuất tôn mạ kẽm, mạ lạnh theo nhiều tiêu chuẩn khác nhau. Các dây chuyền mạ được chế tạo bởi SMS (CHLB Đức) và được tích hợp các công nghệ hiện đại trong ngành như EMG (CHLB Đức), Drever (Bỉ), Ajax (Mỹ - Nhật) có thể kiểm soát tối ưu độ phẳng, độ đồng đều của bề mặt lớp mạ.

Chảo mạ sử dụng công nghệ ceramic và gia nhiệt cảm ứng bằng inductor của Ajax (Mỹ); đặc biệt dây chuyền mạ lò chữ L của Thép Nam Kim cho phép đốt nhiệt đều 2 mặt tôn tốt hơn và mang lại sản phẩm chất lượng với độ thẩm mỹ cao.

MẠ CHỐNG DẤU VÂN TAY

Sau khi mạ hợp kim, tôn được phủ một lớp chống oxy hóa, chống ăn mòn và tăng cường độ bền. Nguyên liệu mạ được cung cấp từ Unicoh (Hàn Quốc), công ty hoá chất hàng đầu thế giới trong ngành mạ kim loại.



DÂY CHUYỀN THÁP MẠ CHỮ L



DÂY CHUYỀN MẠ MÀU



Thép Nam Kim sở hữu 2 dây chuyền mạ màu tiên tiến được cung cấp bởi Paco Engineering (Hàn Quốc) và Shanghai JX với hệ thống điều khiển thông minh nhằm đảm bảo chất lượng sơn phủ đồng đều và bền màu. Dây chuyền có khả năng đáp ứng bất kỳ màu sắc nào do khách hàng yêu cầu, với thời gian bảo hành trên 15 năm.

Công suất
180.000
tấn/năm

SẢN PHẨM DỊCH VỤ

Thép Nam Kim sản xuất và phân phối các loại tôn lạnh, tôn mạ kẽm, tôn mạ màu và các loại sản phẩm thép công nghiệp. Sản phẩm Thép Nam Kim đa dạng chủng loại, có độ bền và tính thẩm mỹ cao, sử dụng trong các ứng dụng dân dụng cũng như công nghiệp.

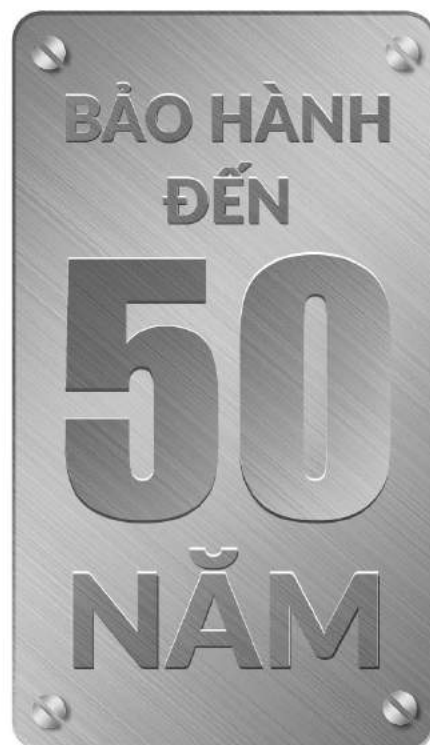
TÔN NAM KIM ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC CÁC TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG KHẮT KHE NHẤT TRÊN THẾ GIỚI:

 JIS JAPANESE INDUSTRIAL STANDARD Tiêu chuẩn Nhật <i>Japanese Industrial Standards</i>	 ASTM Tiêu chuẩn Mỹ <i>American Society for Testing and Materials</i>
 EUROPEAN STANDARDS Tiêu chuẩn Châu Âu <i>European Standards</i>	 STANDARDS Australia Tiêu chuẩn Úc <i>Standards Australia</i>
 nqa ISO 9001 ISO 9001	 nqa ISO 14001 ISO 14001

ĐƯỢC CẤP BỞI CÁC TỔ CHỨC:
 CERTIFICATION GRANTED BY:



THÉP NAM KIM ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC CÁC TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG KHẮT KHE NHẤT TRÊN THẾ GIỚI



TÔN LẠNH MÀU

PPGL AZ100 PE 20/10

TÔN LẠNH MÀU

PPGL AZ150 - PE/SPE 25/10

TÔN LẠNH MÀU

PPGL AZ150/AZ200
 PVDF 25/12



TÔN MẠ KẼM

GI

TÔN MẠ HỢP KIM NHÔM KẼM

GL



ỐNG THÉP



TÔN LẠNH MÀU

PPGL AZ100- PE 20/10



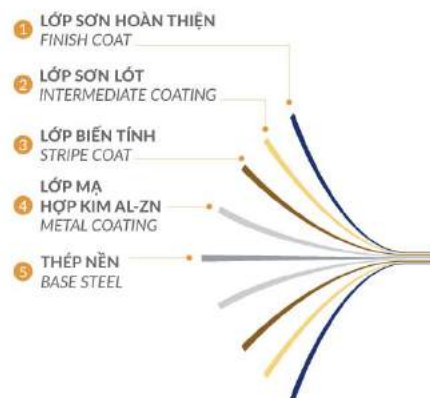
MÔ TẢ

Tôn lạnh mạ màu được sản xuất bởi Thép Nam Kim là sự kết hợp giữa lớp sơn cao cấp đảm bảo duy trì màu sắc lâu dài và khả năng chống ăn mòn vượt trội của lớp tôn nền hợp kim nhôm kẽm.

Sản phẩm được sản xuất trên dây chuyền công nghệ hiện đại của tập đoàn SMS Group - CHLB Đức.

ỨNG DỤNG

Làm tôn lợp sóng phẳng, tôn lợp Seamlock, tôn lợp Kliplock, tôn vách, máng xối, phụ kiện và cũng như các ứng dụng trong xây dựng khác.



Mặt cắt mô tả lớp mạ
The section describes the coating.

TIÊU CHUẨN STANDARDS

JIS 3322	ASTM A755	AS 2728	EN 10169
----------	-----------	---------	----------

QUI CÁCH SẢN XUẤT PRODUCTION SPECIFICATIONS

Độ dày thép nền Base steel thickness	Độ dày sau mạ Post-coating thickness	Khổ rộng Width	Trọng lượng (kg/md) Weight (kg/md)
0.35	0.40	1200	3.46
0.40	0.45	1200	3.93
0.45	0.50	1200	4.40
0.50	0.55	1200	4.87
0.55	0.60	1200	5.34

THÔNG SỐ KỸ THUẬT SƠN PAINT SPECIFICATIONS

Sơn mặt chính Top coat	Loại sơn Paint type	Độ dày lớp sơn Coating thickness
Lớp sơn hoàn thiện Finish coat	Polyester	15 micron
Lớp sơn lót Intermediate coat	Polyester	5 micron
Lớp biến tính Stripe coat	Chemical	20 - 40 mg/m ²
Sơn mặt lưng Back coat	Loại sơn Paint type	Độ dày lớp sơn Coating thickness
Lớp biến tính Stripe coat	Chemical	20 - 40 mg/m ²
Lớp sơn lót Intermediate coat	Polyester	5 micron
Lớp sơn hoàn thiện Finish coat	Polyester	5 micron

Lớp mạ hợp kim nhôm kẽm (Al 55% - Zn 43.5% - Si 1.5%) - khối lượng lớp mạ 150g/m² / 2 mặt.
Zinc aluminum alloy coating layer (Al 55% - Zn 43.5% - Si 1.5%) - coating layer weight 150g/m²/ 2 sides.

BẢO HÀNH GUARANTEE

Bảo hành theo điều kiện và điều khoản bảo hành của Tôn Nam Kim.
Terms and conditions of Nam Kim Steel warranty.

Bảo hành chống thủng
Warranty against perforation **15 năm years**

Bảo hành phai màu sơn
Warranty against paint color fading **5 năm years**

TÔN LẠNH MÀU PPGL AZ150 - PE/SPE 25/10



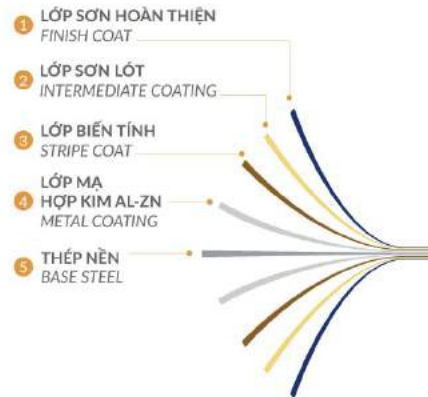
MÔ TẢ

Tôn lạnh mạ màu được sản xuất bởi Thép Nam Kim là sự kết hợp giữa lớp sơn cao cấp đảm bảo duy trì màu sắc lâu dài và khả năng chống ăn mòn vượt trội của lớp tôn nền hợp kim nhôm kẽm.

Sản phẩm được sản xuất trên dây chuyền công nghệ hiện đại của tập đoàn SMS Group - CHLB Đức.

ỨNG DỤNG

Làm tôn lợp sóng phẳng, tôn lợp Seamlock, tôn lợp Kliplock, tôn vách, mảng xối, phụ kiện và cũng như các ứng dụng trong xây dựng khác.



Mặt cắt mô tả lớp mạ
The section describes the coating.

TIÊU CHUẨN STANDARDS

JIS 3322	ASTM A755	AS 2728	EN 10169
----------	-----------	---------	----------

QUI CÁCH SẢN XUẤT PRODUCTION SPECIFICATIONS

Độ dày thép nền Base steel thickness	Độ dày sau mạ Post-coating thickness	Khối rộng Width	Trọng lượng (kg/md) Weight (kg/md)
0.35	0.40	1200	3.53
0.40	0.45	1200	4.00
0.45	0.50	1200	4.48
0.50	0.55	1200	4.95
0.55	0.60	1200	5.42

THÔNG SỐ KỸ THUẬT SƠN PAINT SPECIFICATIONS

Sơn mặt chính	Top coat		
Lớp sơn hoàn thiện	Finish coat	Polyester/ Super Polyester	20 micron
Lớp sơn lót	Intermediate coat	PE / SPE	5 micron
Lớp biến tính	Stripe coat	Chemical	20 - 40 mg/m ²
Sơn mặt lưng	Back coat		
Lớp biến tính	Stripe coat	Chemical	20 - 40 mg/m ²
Lớp sơn lót	Intermediate coat	Polyester	5 micron
Lớp sơn hoàn thiện	Finish coat	Polyester	5 micron

Lớp mạ hợp kim nhôm kẽm (Al 55% - Zn 43.5% - Si 1.5%) - khối lượng lớp mạ 150g/m² 2 mặt.
Zinc aluminum alloy coating layer (Al 55% - Zn 43.5% - Si 1.5%) - coating layer weight 100g/m²/ 2 sides

BẢO HÀNH GUARANTEE

Bảo hành theo điều kiện và điều khoản bảo hành của Tôn Nam Kim.
Terms and conditions of Nam Kim Steel warranty.

Bảo hành chống thủng Warranty against perforation		20 năm years
Sơn PE PE Paint	Bảo hành lớp sơn Warranty for paint layers	10 năm years
	Bảo hành phai màu sơn Warranty against paint color fading	8 năm years
Sơn SPE SPE Paint	Bảo hành lớp sơn Warranty for paint layers	15 năm years
	Bảo hành phai màu sơn Warranty against paint color fading	10 năm years

TÔN LẠNH MÀU PPGL AZ150/AZ200 - PVDF 25/12



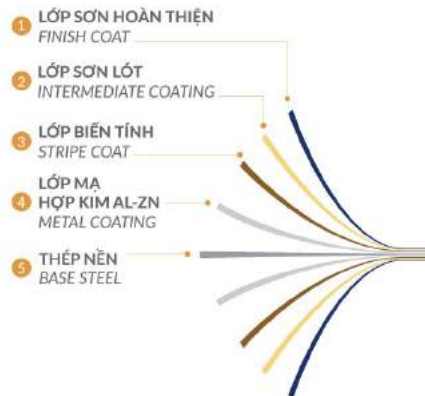
MÔ TẢ

Tôn lạnh mạ màu được sản xuất bởi Thép Nam Kim là sự kết hợp giữa lớp sơn cao cấp đảm bảo duy trì màu sắc lâu dài và khả năng chống ăn mòn vượt trội của lớp tôn nền hợp kim nhôm kẽm.

Sản phẩm được sản xuất trên dây chuyền công nghệ hiện đại của tập đoàn SMS Group - CHLB Đức.

ỨNG DỤNG

Làm tôn lợp sóng phẳng, tôn lợp Seamlock, tôn lợp Kliplock, tôn vách, mảng xối, phụ kiện và cũng như các ứng dụng trong xây dựng khác.



Mặt cắt mô tả lớp mạ
The section describes the coating.

TIÊU CHUẨN STANDARDS

JIS 3322	ASTM A755	AS 2728	EN 10169
----------	-----------	---------	----------

QUI CÁCH SẢN XUẤT PRODUCTION SPECIFICATIONS

Độ dày thép nền Base steel thickness	Độ dày sau mạ Post-coating thickness	Khổ rộng Width	Trọng lượng Weight AZ 150 (kg/md)	Trọng lượng Weight AZ210 (kg/md)
0.35	0.40	1200	3.53	3.61
0.40	0.45	1200	4.00	4.08
0.45	0.50	1200	4.48	4.55
0.50	0.55	1200	4.95	5.02
0.55	0.60	1200	5.42	5.49

THÔNG SỐ KỸ THUẬT SƠN PAINT SPECIFICATIONS

Sơn mặt chính	Top coat		
Lớp sơn hoàn thiện	Finish coat	PVDF	20 micron
Lớp sơn lót	Intermediate coat	Special Primer	5 micron
Lớp biến tính	Stripe coat	Chemical	20 - 40 mg/m ²
Sơn mặt lưng	Back coat		
Lớp biến tính	Stripe coat	Chemical	20 - 40 mg/m ²
Lớp sơn lót	Intermediate coat	Polyester	5 micron
Lớp sơn hoàn thiện	Finish coat	Polyester	7 micron

Lớp mạ hợp kim nhôm kẽm (Al 55% - Zn 43.5% - Si 1.5%) - khối lượng lớp mạ 150g/m² 2 mặt - 200g/m² 2 mặt.
Zinc aluminum alloy coating layer (Al 55% - Zn 43.5% - Si 1.5%) - coating layer weight 150g/m² 2 sides - 200g/m² 2 sides.

BẢO HÀNH GUARANTEE

Bảo hành theo điều kiện và điều khoản bảo hành của Tôn Nam Kim.
Terms and conditions of Ton Nam Kim warranty.

Bảo hành chống thủng Warranty against perforation	25 năm years
Bảo hành lớp sơn Warranty for paint layers	20 năm years
Bảo hành phai màu sơn Warranty against paint color fading	20 năm years

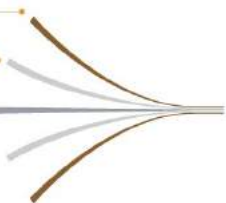
TÔN MẠ KẼM

GL

CHROMATE

KẼM / ZINC 99%

THÉP NỀN
BASE STEEL



MÔ TẢ

Tôn mạ kẽm là thép dạng cuộn được phủ 2 lớp bề mặt bằng kẽm nguyên chất (99%), sử dụng công nghệ nhúng nóng liên tục, thông qua nhiệt độ lò NOF để kiểm soát cơ tính phù hợp với các ứng dụng khác nhau.

ỨNG DỤNG

Làm sàn deck, ống HVAC, xà gồ kết cấu thép, các chi tiết trong sản phẩm điện gia dụng, sản phẩm trang trí nội thất, các sản phẩm xây dựng khác.



TIÊU CHUẨN STANDARDS

JIS 3302	SGCC, SGC340, SGC400, SGC440, SGC570
AS 1397	G250, G300, G350, G450, G550
ASTM A653/A653M	CSA, CSB, SS33, SS37, SS50, SS60, SS70, SS80
EN 10346	DX51, S220GD, S250GD, S280GD, S320GD, S350GD, S550GD

TIÊU CHUẨN MẮC THÉP CHI TIẾT STANDARD STEEL DETAILS

Mác thép Steel Grade	YS [N/mm ²]	TS [N/mm ²]	E [%]
CHÂU ÚC AUSTRALIA - AS 1397			
G250	250	320	25 (22)
G300	300	340	20 (18)
G350	350	420	15 (14)
G450	450	480	10 (9)
G500	500	520	8 (7)
G550	550	550	2 (2)
CHÂU MỸ AMERICA - ASTM A653M			
CS Type A	205 - 410		20
CS Type B	245 - 410		20
SS 33	230	310	20
SS 37	255	360	18
SS 40	275	380	16
SS 50 - class 1	340	450	12
SS 50 - class 2	340	...	12
SS 60	410	480	10B
SS 70	480	550	9B
SS 80 - class 1	550	570	...

THÔNG SỐ KỸ THUẬT SẢN PHẨM PRODUCT SPECIFICATIONS

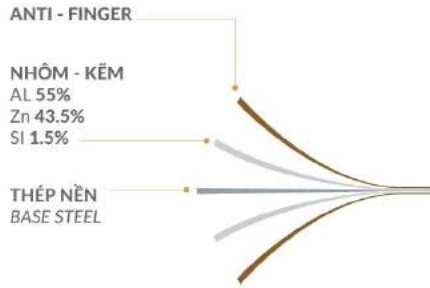
Độ dày tôn nền Base steel thickness	0.25 mm - 3.00 mm
Khổ rộng Width	860 mm - 1250 mm
Khối lượng lớp mạ Coating mass weight	80 - 500 g/m ² 2 mặt
Xử lý bề mặt Surface processing	Skin pass - NON Skin pass
Xử lý bảo vệ lớp mạ Coating protection	Cr 6+, Cr 3+, Antifinger không màu, Antifinger có màu, Oiling CR 6+, Cr 3+, Colorless anti-fingerprint, Colored anti-fingerprint, Oiling

Mác thép Steel Grade	YS [N/mm ²]	TS [N/mm ²]	E [%]
NHẬT BẢN JAPAN - JIS 3302			
SGCC	-	-	-
SGCD1	-	270	34 + 38
SGC 340	245	340	20
SGC 400	295	400	18
SGC 440	335	440	18
SGC 570	560	570	-
CHÂU ÂU EUROPE - EN 10346			
DX51D	-	270 - 500	22
DX52D	140 - 300 (c)	270 - 420	26
DX53D	140 - 260	270 - 380	30
S220GD	220	300	(20)
S250GD	250	330	(19)
S280GD	280	360	(18)
S320GD	320	390	(17)
S350GD	350	420	(16)
S450GD	450	510	(14)
S550GD	550	560	-

BẢO HÀNH

Bảo hành chống thủng theo điều kiện và điều khoản bảo hành của Tôn Nam Kim.

TÔN MẠ HỢP KIM NHÔM - KẼM GL

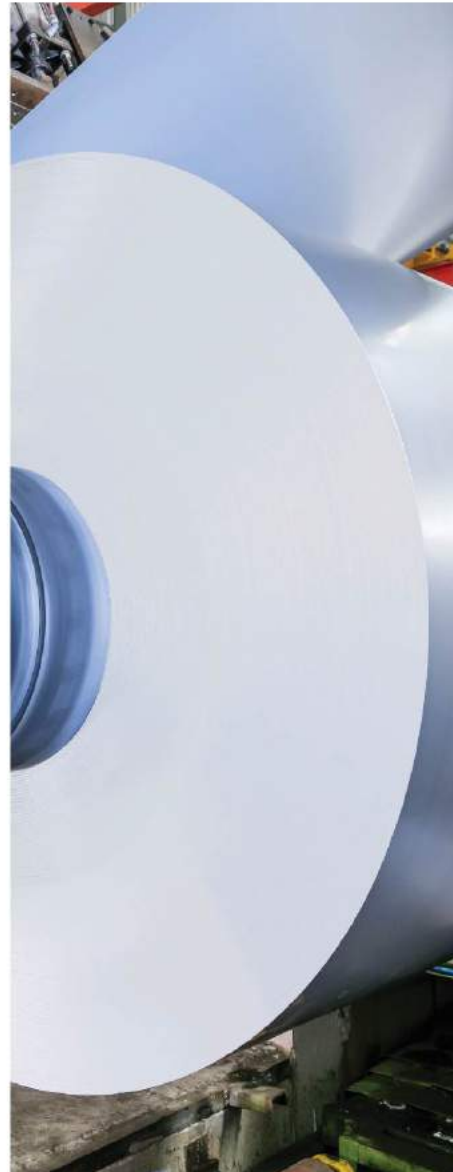


MÔ TẢ

Tôn mạ hợp kim nhôm kẽm là thép dạng cuộn được phủ 2 lớp bề mặt bằng hợp kim (55% Nhôm 43.5% Kẽm 1.5% Silic), sử dụng công nghệ nhúng nóng liên tục, thông qua nhiệt độ lò NOF để kiểm soát cơ tính phù hợp với các ứng dụng khác nhau.

ỨNG DỤNG

Làm sàn deck, ống HVAC, xà gồ kết cấu thép, các chi tiết trong sản phẩm điện gia dụng, sản phẩm trang trí nội thất, các sản phẩm xây dựng khác.



TIÊU CHUẨN STANDARDS

JIS 3302	SGCC, SGC340, SGC400, SGC440, SGC570
AS 1397	G250, G300, G350, G450, G550
ASTM A653/A653M	CSA, CSB, SS33, SS37, SS50, SS60, SS70, SS80
EN 10346	DX51, S220GD, S250GD, S280GD, S320GD, S350GD, S550GD

TIÊU CHUẨN MẮC THÉP CHI TIẾT STANDARD STEEL DETAILS

Mức thép Steel Grade	YS [N/mm ²] ^(a)	TS [N/mm ²]	E [%] ^(a)
CHÂU ÚC AUSTRALIA- AS 1397			
G250	250	320	25 (22)
G300	300	340	20 (18)
G350	350	420	15 (14)
G450	450	480	10 (9)
G500	500	520	8 (7)
G550	550	550	2 (2)
CHÂU MỸ AMERICA- ASTM A653M			
CS Type A	205 - 410		20
CS Type B	245 - 410		20
SS 33	230	310	20
SS 37	255	360	18
SS 40	275	380	16
SS 50 - class 1	340	450	12
SS 50 - class 2	340	...	12
SS 60	410	480	10B
SS 70	480	550	9B
SS 80 - class 1	550	570	...

THÔNG SỐ KỸ THUẬT SẢN PHẨM PRODUCTION SPECIFICATIONS

Độ dày tôn nền Base steel thickness	0.20 mm - 2.00 mm
Khổ rộng Width	860 mm - 1250 mm
Khối lượng lớp mạ Coating mass weight	50 - 200 g/m ² 2 mặt
Xử lý bề mặt Surface processing	Skin pass - NON Skin pass
Xử lý bảo vệ lớp mạ Coating protection	Cr 6+, Cr 3+, Antifinger không màu, Antifinger có màu, Oiling CR 6+, Cr 3+, Colorless anti-fingerprint, Colored anti-fingerprint, Oiling

Mức thép Steel Grade	YS [N/mm ²] ^(a)	TS [N/mm ²]	E [%] ^(a)
NHẬT BẢN JAPAN- JIS 3302			
SGCC	-	-	-
SGCD1	-	270	34 ± 38
SGC 340	245	340	20
SGC 400	295	400	18
SGC 440	335	440	18
SGC 570	560	570	-
CHÂU ÂU EUROPE- EN 10346			
DX51D	-	270 - 500	22
DX52D	140 - 300 (c)	270 - 420	26
DX53D	140 - 260	270 - 380	30
S220GD	220	300	(20)
S250GD	250	330	(19)
S280GD	280	360	(18)
S320GD	320	390	(17)
S350GD	350	420	(16)
S450GD	450	510	(14)
S550GD	550	560	-

BẢO HÀNH

Bảo hành chống thủng theo điều kiện và điều khoản bảo hành của Tôn Nam Kim.

ỐNG THÉP

TIÊU CHUẨN SẢN XUẤT

JIS G3466 & G3444 Coating Z80 - Z275





THỊ TRƯỜNG VÀ HỆ THỐNG PHÂN PHỐI



Trên

50

Quốc gia và vùng lãnh thổ

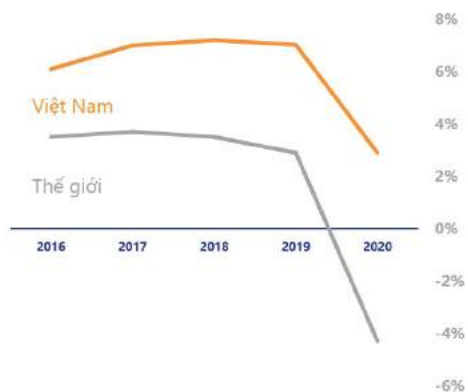
Hiện Tháp Nam Kim đã được tin dùng tại thị trường nội địa và xuất khẩu đến hơn 50 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới như Úc, Châu Âu và Mỹ, Đông Nam Á, Nam Á, Trung Đông, Châu Phi.



TÌNH HÌNH KINH DOANH NĂM 2020

Là một doanh nghiệp chuyên sản xuất tôn mạ hàng đầu tại Việt Nam, Thép Nam Kim luôn tiên phong trong đầu tư công nghệ để cung cấp những sản phẩm đạt tiêu chuẩn chất lượng tốt nhất đến khách hàng trong nước và quốc tế. Hiện sản phẩm của Thép Nam Kim được tin dùng trên toàn quốc và xuất khẩu đến hơn 50 quốc gia trên toàn cầu.

Vị mô 2020	059
Ngành thép 2020	061
Thép Nam Kim 2020	063
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	067

Tăng trưởng GDP

BÓNG ĐÊM COVID PHỦ KHẮP NĂM CHÂU

Đại dịch COVID-19 xuất hiện đầu năm 2020 là một "thiên nga đen" điển hình và hung tợn, đẩy nền kinh tế toàn cầu vốn đang trong giai đoạn phục hồi mong manh sa lầy vào đợt suy thoái tồi tệ nhất kể từ sau cuộc Đại suy thoái 1930. Chưa bao giờ mọi hoạt động kinh tế - xã hội từ công nghiệp, giao thông vận tải đến các lĩnh vực dịch vụ, vui chơi giải trí... đồng loạt bị ảnh hưởng, đình trệ.

Kinh tế thế giới bỗng chốc "bốc hơi" hàng nghìn tỷ USD, kéo theo là nhiều thành quả gây dựng trong nhiều năm qua đã bị tiêu tan. Theo số liệu của World Bank, GDP toàn cầu đã sụt giảm 4,3%, ghi nhận mức suy giảm lớn nhất kể từ khi tổ chức này ghi nhận số liệu tăng trưởng GDP vào năm 1961.

Bỏ lại những khó khăn, hướng đến tương lai, năm 2021 được kỳ vọng sẽ là năm bản lề cho sự phục hồi kinh tế với yếu tố ảnh hưởng chính là tiến độ nghiên cứu và triển khai tiêm vắc xin ngừa COVID-19 đại trà. Theo đó, World Bank dự báo GDP thế giới sẽ đạt mức tăng trưởng 1,6% trong năm nay nếu tình hình diễn biến không thuận lợi, dịch bệnh chưa được kiểm soát và việc nghiên cứu, triển khai vắc xin bị trì hoãn. Tuy vậy, nếu tình hình diễn biến thuận lợi, con số tăng trưởng GDP có thể đạt mức 4,0% trong kịch bản bình thường và hướng đến mức 5,0% trong kịch bản tốt.


Lạm phát của Việt Nam

VIỆT NAM - ĐIỂM SÁNG KINH TẾ

Con số 2,9%, dù là mức thấp nhất kể từ năm 1987, đã đưa Việt Nam lọt vào nhóm các nước có tốc độ tăng trưởng GDP cao nhất thế giới năm 2020. Con số đó, một mặt phản ánh những khó khăn mà nền kinh tế quốc gia phải đối mặt dưới tác động của cuộc khủng hoảng COVID-19, một mặt chứng minh sức đề kháng, năng lực nội tại của Việt Nam trước mọi sóng gió; chứng minh năng lực điều hành, định hướng chỉ đạo chính xác, kịp thời của Đảng và Nhà nước ta đã dẫn dắt quốc gia đạt được mục tiêu kép vừa phòng chống dịch bệnh, vừa phát triển kinh tế - xã hội.

Chỉ số sản xuất công nghiệp tăng trưởng trở lại trong tháng 12-2020, sau đợt sụt giảm ngắn trong tháng 11-2020. Chỉ số này đã tăng 11,1% so với cùng kỳ năm trước và là mức tăng trưởng cao nhất kể từ khi đại dịch bùng phát. Chỉ số nhà quản trị mua hàng (PMI) của Việt Nam tăng từ 49,9 điểm trong tháng 11-2020 lên 51,7 điểm trong tháng 12/2020, báo hiệu sự mở rộng của ngành công nghiệp chế biến. Lạm phát được kiểm soát chặt chẽ, duy trì mức tăng thấp dần trong suốt năm 2020 và chốt năm ở mức 3,23%, hoàn thành tốt mục tiêu giữ lạm phát dưới 4,0% được Quốc Hội đề ra.

Bất chấp dịch bệnh, xuất khẩu của Việt Nam vẫn duy trì tăng trưởng dương. Xuất siêu hàng hóa đạt mức cao kỷ lục 19,1 tỷ USD và cán cân thương mại duy trì xuất siêu 5 năm liên tiếp. Trong năm, Việt Nam đã thành công ký kết Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - Liên minh Châu Âu (EVFTA), mở ra cơ hội bứt phá cho hoạt động xuất khẩu của Việt Nam vào thị trường phát triển thu nhập cao với quy mô 500 triệu dân, chiếm 22% GDP toàn cầu.



NGÀNH THÉP 2020



THỊ TRƯỜNG NỘI ĐỊA

Tổng kết cho giai đoạn 2015 – 2020, thị trường thép lần đầu tiên đã trải qua những cơn sóng khác biệt. Giai đoạn 2015 – 2017, khi Trung Quốc cố gắng cắt giảm sản lượng HRC trong khi nhu cầu tồn mại - ống thép toàn thị trường tăng mạnh đã khiến giá HRC tăng cao, các doanh nghiệp ngành thép – tồn mại liên tục được hưởng lợi.

Tuy nhiên, từ giữa năm 2017 khi giá HRC sụt giảm cộng với nhu cầu nội địa bị chững lại từ giữa năm 2018 nguồn cung dư thừa từ máng xuất khẩu trong bối cảnh chiến tranh thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc leo thang căng thẳng. Chính yếu tố này đã khiến tất cả các doanh nghiệp ngành thép quyết định tái cấu trúc và thoái vốn các dự án tồn mại thiếu hiệu quả. Từ đầu giữa năm 2019, tình hình tài chính toàn bộ các doanh nghiệp dần cải thiện, tuy nhiên việc siết chặt nguồn cung bắt buộc sản xuất khiến sản lượng nội địa có phần giảm tốc.

Bước vào năm 2020, ngành thép đã phải đón nhận cơn sóng dữ đầu tiên mang tên Covid-19 khiến toàn bộ chuỗi sản xuất – cung ứng thép nội địa bị ngắt quãng. Nhưng với sự khống chế dịch nhanh chóng, ngành thép – tồn mại đã kiên cường vượt qua khó khăn và phát triển mạnh mẽ trong nửa cuối năm 2020. Lũy kế đến hết năm 2020, tổng sản lượng thép Việt Nam đã sản xuất đạt 17,219 triệu tấn, tăng trưởng 14% so với cùng kỳ năm 2019. Trong đó, sản lượng tiêu thụ đạt 16,984 triệu tấn, tăng trưởng 12% so với cùng kỳ năm ngoái. Ngành thép Việt Nam đã thực sự trở mình vươn dậy mạnh mẽ, tự hào là một trong những quốc gia hiếm hoi, cùng với Thổ Nhĩ Kỳ, Trung Quốc, Iran, là bốn quốc gia có mức tăng trưởng dương.

Trong năm 2021, theo dự báo của các chuyên gia kinh tế và trong ngành, triển vọng ngành thép nội địa sẽ tiếp tục đà thăng hoa khi thị trường bất động sản khu công nghiệp lần đầu tiên sẽ lấy lại đà tăng trưởng dưới sự dẫn dắt của làn sóng đầu tư công mạnh mẽ. Với hàng loạt dự án hạ tầng của chính phủ, có thể kể đến tiêu biểu như hệ thống hơn 500km đường cao tốc Bắc Nam và khu vực đồng bằng Sông Cửu Long, sân bay quốc tế Long Thành, sân bay Phan Thiết hứa hẹn sẽ là đầu tàu thúc đẩy ngành thép trong thời gian sắp tới.



THỊ TRƯỜNG XUẤT KHẨU

Trong năm 2020 vừa qua, xuất khẩu ngành thép có thể gói gọn trong bốn chữ “Thành công rực rỡ”. Theo thống kê của Tổng cục Hải quan, xuất khẩu sắt thép cả nước trong năm 2020 đạt 9,86 triệu tấn, trị giá gần 5,26 tỷ USD. Giá trung bình xuất khẩu ngành thép cả năm 2020 đạt 533,4 USD/tấn, tăng mạnh 47,9% về lượng, tăng 25% về kim ngạch nhưng giảm 15,5% về giá so với năm 2019.

Đây là kết quả hết sức đáng khích lệ, minh chứng rõ ràng trong việc các doanh nghiệp ngành thép đã thực sự giải quyết được bài toán chuỗi cung ứng gián đoạn và nắm bắt thời cơ xuất khẩu sang các nước thiếu nguồn cung. Trong đó, câu chuyện về việc là cơ may thuộc về Tổ Quốc xứng đáng được trao cho máng xuất khẩu ngành thép.

Trong quá khứ, việc thép Trung Quốc nhập khẩu về Việt Nam thực sự là nỗi ám ảnh, nhưng điều đó đã không còn hiện diện trong năm 2020. Chỉ tính riêng thị trường Trung Quốc, Việt Nam đã xuất khẩu 3,54 triệu tấn trong năm 2020, chiếm 35,9% tổng sản lượng xuất khẩu, tương đương với 28,2% trong tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước năm 2020 với giá trị đạt 1,48 tỷ USD.

Trong đó, nội tại ngành thép Việt Nam đã tận dụng rất tốt việc Trung Quốc thúc đẩy mạnh mẽ đầu tư công với các kế hoạch về công tác tạo bọt.

TRUNG QUỐC DÀNH MỌI NGUỒN LỰC ĐỂ THỨC ĐẨY ĐẦU TƯ CÔNG

Từ tháng 03/2020, Trung Quốc đã công bố kế hoạch thúc đẩy đầu tư công và các chính sách tài khóa kích thích nền kinh tế. Theo báo cáo của Metrics, tính đến tháng 07/2020, Trung Quốc đã huy động thành công 530 tỷ USD (+150% sv. 2019) trái phiếu chính quyền địa phương.

Trong đó, chúng tôi nhận thấy sự khác biệt lớn nằm ở tỷ lệ giải ngân cơ sở hạ tầng và khu công nghiệp tăng rất mạnh trong tổng số vốn huy động từ trái phiếu, lần lượt đạt 29% và 5%, so với tỷ lệ giải ngân năm 2018 chỉ đạt 1% và 0,3%. Trong 2020, chúng tôi tính toán tỷ trọng phân bổ cho cơ sở hạ tầng đạt mức 163 tỷ USD, trong khi cả năm 2019 chỉ đạt 22,5 tỷ USD.

Theo báo cáo của S&P Global, Trung Quốc đã duyệt 14 dự án sân bay với tổng mức đầu tư đạt 15,3 tỷ USD chỉ trong 7/2020. Ngoài ra, dự kiến sẽ có 38 dự án đường sắt sẽ được phê duyệt, với tổng chiều dài dự kiến đạt 5,801km bổ sung vào quy hoạch phát triển cơ sở hạ tầng năm 2020. Dựa trên số liệu từ Hiệp hội thép Việt Nam (VSA), sản lượng thép của Trung Quốc năm 2020 đạt 1,049 triệu tấn, tăng 5,2% so với cùng kỳ 2019, chiếm 61,4% nhu cầu toàn thế giới.

TRIỂN VỌNG NGÀNH THÉP TOÀN CẦU

Tuy nhiên cho năm 2021, các chuyên gia kinh tế nêu quan điểm lạc quan hơn khi Vaccine đã dần được tiêm chủng đại trà ở các nước Châu Âu, Châu Mỹ và Nga. Đồng thời cho rằng tiến trình tiêm vaccine ngừa dịch Covid-19 sẽ nhanh chóng được thực hiện cả ở các nước phát triển của Châu Á, qua đó tạo động lực thúc đẩy cho sản lượng ngành thép toàn cầu phục hồi trong năm 2021. Năm 2020 ngành thép toàn cầu ghi nhận mức sản lượng thép thô đạt 1,86 tỷ tấn, giảm 1% so với cùng kỳ năm 2019. Với nền tảng trưởng âm trong 2020 kèm theo hàng loạt các chính sách kích cầu hạ tầng trong năm 2021, dự kiến sản lượng thép toàn cầu đạt 1,958 tỷ tấn, tăng trưởng 5% so với cùng kỳ năm 2020.

CHÍNH SÁCH THUẾ QUAN XUẤT KHẨU TRONG NĂM 2020

Trong năm 2020 các chính sách thuế quan đối với ngành thép tương đối hài hòa. Trong đó tích cực nhất đối với các doanh nghiệp sản xuất tồn mại trong nước đó là việc Bộ Công Thương đã ban hành quyết định số 3390/QĐ-BCT về việc áp dụng biện pháp chống bán phá giá (CBPG) chính thức đối với một số sản phẩm thép cán nguội dạng cuộn hoặc tấm có xuất xứ từ Trung Quốc. Trong kỳ điều tra bắt đầu từ 03/09/2019, Bộ Công Thương đã kết luận thép Trung Quốc bán phá giá vào Việt Nam với tổng khối lượng 272.073 tấn, chiếm 65,5% tổng lượng thép cuộn cán nguội nhập khẩu vào Việt Nam cùng kỳ, gây thiệt hại tới ngành sản xuất trong nước và có dấu hiệu giả nguồn gốc xuất xứ xuất khẩu sang Mỹ, gia tăng nguy cơ đối với ngành xuất khẩu tồn mại Việt Nam sang Mỹ.

Qua đó, Quyết định 3390/QĐ-BCT sẽ áp mức thuế chống bán phá giá từ 4,43% đến 25,22% cho từng dòng sản phẩm thép cán nguội từ Trung Quốc. Ngoài ra một số sản phẩm thép hợp kim cán phẳng, ống thép đến từ Malaysia, Trung Quốc và Hàn Quốc cũng bị gia hạn thuế chống bán phá giá theo Quyết định số 3023/WĐ-BCT ngày 20/11/2020 với mức thuế suất từ 3,17% đến 38,34%.

Ở chiều ngược lại, chỉ duy nhất Malaysia có quyết định áp thuế CBPG đối với Việt Nam với mức thuế suất từ 1,56% đến 37,14%. Đây là quyết định gia hạn, không gây quá nhiều khó khăn trong bối cảnh rất nhiều doanh nghiệp thép Việt Nam đã tìm được thị trường thay thế. Ngoài ra, tin vui còn đến với các công ty xuất khẩu tồn mại, đặc biệt là thị trường Canada khi Cơ quan Dịch vụ Biên giới Canada (CBSA) thông báo không áp thuế CBPG mặt hàng tồn mại chứng minh nguồn gốc Việt Nam. Đồng thời, với các doanh nghiệp xuất khẩu thép COR sẽ được giảm mức thuế CBPG hiện hành từ 36,3% đến 91,8% xuống còn 2,3% -16,2% theo kết luận cuối cùng từ CBSA.



Chi tiêu (Triệu VND)	TH 2019	KH 2020	TH 2020	%TH/KH 2020	%TH 2020/2019
Doanh thu thuần	12,176,797	12,000,000	11,559,675	96%	95%
Vốn điều lệ	1,819,999	1,819,999	1,819,999	100%	100%
Lợi nhuận sau thuế	47,334	200,000	295,270	148%	624%
Biên lợi nhuận sau thuế (%)	0.4%	1.7%	2.6%	153%	657%
Tỷ suất lợi nhuận trên vốn (%)	1.6%	6.3%	9.3%	148%	581%

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Kết thúc năm tài chính 2020, doanh thu của Công ty đạt 11,559 tỷ đồng, tương đương 96% kế hoạch đề ra và giảm 5% so với cùng kỳ. Lợi nhuận sau thuế của công ty tăng mạnh rất mạnh, đạt 295 tỷ đồng trong năm 2020, tăng trưởng 624% so với cùng kỳ 2019 và đạt 148% so với kế hoạch đề ra cho năm 2020. Kết quả kinh doanh hết sức đáng khích lệ này đến từ nhiều nguyên nhân, trong đó:

- Hàng tồn kho được tối ưu, giảm rủi ro lỗ khi giá HRC giảm nhưng vẫn tăng lợi nhuận khi giá HRC tăng. Qua đó giúp biên lợi nhuận gộp năm 2020 đạt 6.2%, tăng 3% so với cùng kỳ 2019.
- Tăng cường trả nợ sau khi thanh lý tài sản không khả thi năm 2019, giảm bớt tỷ trọng nợ giúp tiết kiệm thêm 86 tỷ tiền lãi vay.
- Giữ ổn định sản xuất kể cả trong quá trình dịch bệnh, tận dụng tối đa thời cơ trong 2020 khi giá HRC tăng mạnh.
- Đầu tư hệ thống ERP – SAP S/4 HANA từ 01/07/2020, qua đó kiểm soát chi phí và giảm bớt lãng phí trong sản xuất, thúc đẩy năng suất lao động.

Năm 2021 hứa hẹn doanh thu lẫn lợi nhuận sau thuế của Nam Kim tiếp tục tăng trưởng mạnh thông qua việc tối ưu hệ thống sản xuất thông qua việc đầu tư nhà kho mới ở Bình Dương, nhằm gia tăng công suất cần cho các nhà máy Nam Kim II & III hiện hữu. Chiến lược bán hàng tiếp tục đẩy mạnh và đa dạng hóa khách hàng, phân tán rủi ro. Trong tương lai, Nam Kim sẽ thúc đẩy việc gia tăng an toàn tài chính, củng cố nội lực và luôn đổi mới cả trong sản xuất và quản trị, đáp ứng nhu cầu phát triển của thị trường.

CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN

Trong năm 2020, Nam Kim tập trung thanh toán các khoản nợ dài hạn dài hạn cho các nhà máy Nam Kim II và III, đồng thời chuyển dịch qua các khoản nợ ngắn hạn giúp hệ số thanh toán của công ty có sự cải thiện nhẹ. Cụ thể tổng dư nợ năm 2020 giảm hơn 220 tỷ, giúp chỉ phí lãi vay giảm hơn 86 tỷ đồng trong năm 2020. Hệ số thanh toán ngắn hạn và thanh toán nhanh đã tăng lên lần lượt là 1.1x và 0.5x, qua đó vẫn giữ được tốt tính ổn định trong thanh toán các khoản vay ngắn hạn lần trung hạn.



CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN

Cơ cấu vốn và khả năng trả nợ của Nam Kim trong năm 2020 thực sự kỳ tích. Với sự nỗ lực và định hướng đúng đắn, bất chấp việc giá HRC giảm và đi ngang trong giai đoạn 2018 – 2019, Nam Kim vẫn ổn định được tình hình tài chính. Bức tranh tài chính của Nam Kim 2020 thể hiện qua sự gia tăng tỷ trọng nhanh chóng của vốn chủ/tổng nguồn vốn.

Năm 2020 tỷ lệ vốn chủ sở hữu/tổng nguồn vốn đạt 41%, tăng 12% so với năm 2017. Qua đó, giúp tỷ lệ nợ ròng/vốn chủ sở hữu năm 2020 giảm rất mạnh về mức 90%, so với mức 210% trong năm 2017. Ngoài ra, trong năm 2020 tỷ lệ lợi nhuận giữ lại/vốn chủ sở hữu đã tăng 50%, lên mức 576 tỷ đồng, tương đương 18% vốn chủ sở hữu. Qua đó, Nam Kim dự kiến từ năm 2021 Nam Kim có thể dần tăng tỷ lệ cổ tức tiền mặt từ 7-10%/năm.

Đồng thời, Nam Kim tự hào cho rằng sự khó khăn về thanh khoản đã qua. Thép Nam Kim đã tích cực thanh toán nợ dài hạn, qua đó giúp tỷ lệ thanh toán lãi vay năm 2020 tăng mạnh lên mức 230%, cao gấp 11.5 lần so với cùng kỳ 2019. Trong chiến lược tương lai năm 2021 – 2025, Nam Kim sẽ tiếp tục thay cơ cấu trả nợ dài hạn và giảm lãi vay.

**Cơ cấu vốn và khả năng trả nợ
của Thép Nam Kim trong năm 2020
THỰC SỰ KỲ TÍCH**

CHỈ TIÊU VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG

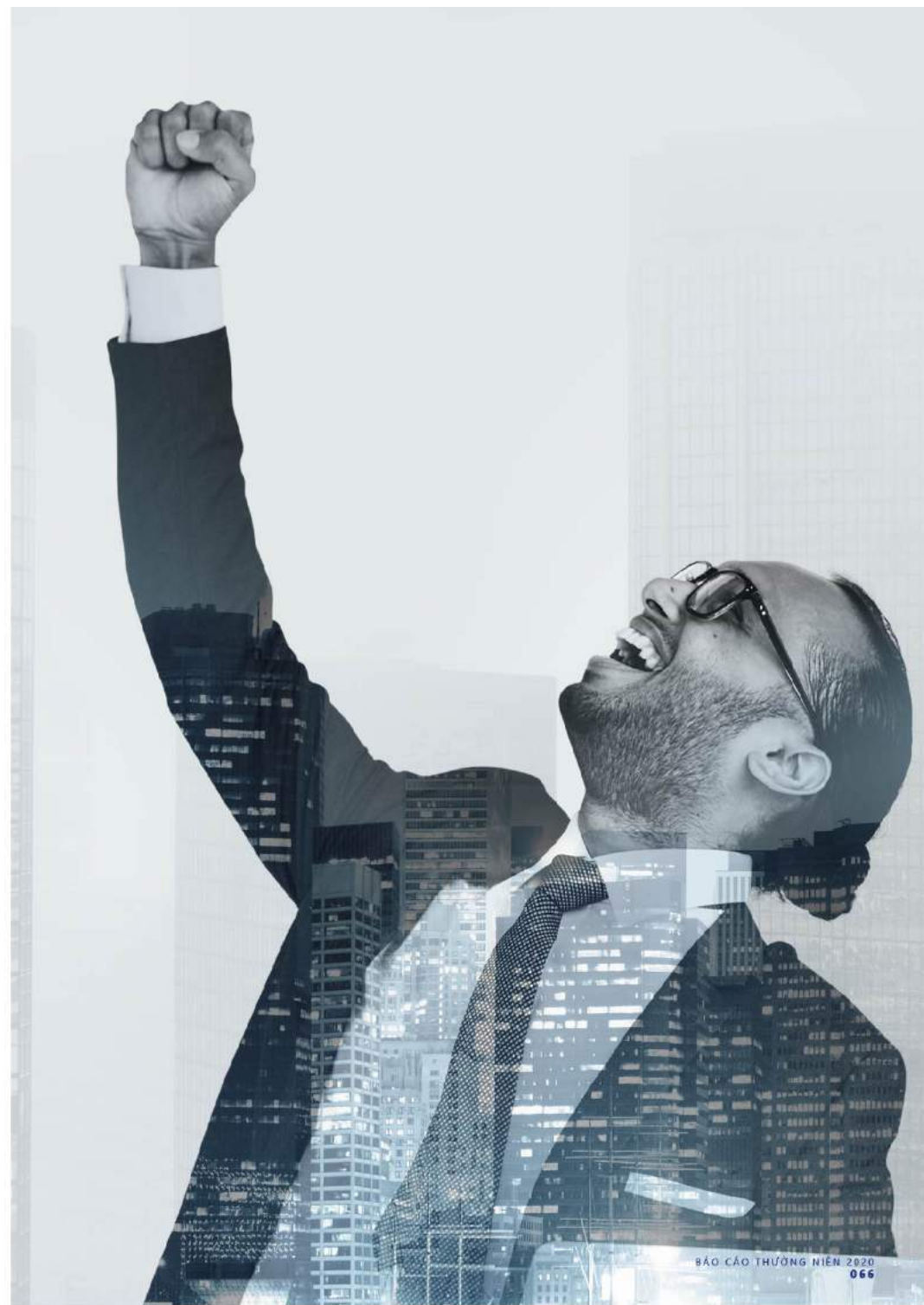
Trong năm 2020, vòng quay hàng phải trả bị ảnh hưởng do việc nguồn cung HRC trở nên khan hiếm, khiến yêu cầu về thanh toán đối với các nhà cung cấp ngày càng ngắn. Đồng thời, tác động tiêu cực của dịch Covid-19 khiến thị trường nội địa không tăng trưởng và cạnh tranh gay gắt ở thị trường xuất khẩu khiến vòng quay phải thu đã tăng lên 38 ngày. Tuy nhiên, Nam Kim đã thực hiện rất tốt quản trị hàng tồn kho khiến vòng quay hàng tồn kho năm 2020 vẫn giữ ở mức 73 ngày, tương đương năm 2019. Tổng hợp vòng quay tiền mặt của Nam Kim trong năm 2020 đã tăng lên 82 ngày (so với 45 ngày năm 2019). Tuy nhiên, so với giai đoạn ngành thép tăng trưởng mạnh giai đoạn 2016 – 2017, vòng quay tiền năm 2020 của Nam Kim vẫn ở mức thấp hơn mức trung bình của ngành (87 ngày) giai đoạn 2016 – 2017.

CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI

Về hiệu suất sinh lời, năm 2020 Nam Kim đã tăng trưởng hết sức ấn tượng. Bỏ qua năm 2019 khi lợi nhuận đến chính từ việc thanh lý nhà máy Nam Kim I, năm 2020 biên lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh của Nam Kim đã tăng lên mức 4.4% (so với 0.5% trong năm 2019). Qua đó, tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu (ROE) và tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản (ROA) đều tăng trưởng vượt bậc trong năm 2020, lần lượt đạt 9.3% và 3.9%. Trong đó, điểm rất tích cực rằng dù tổng tài sản giảm nhưng tỷ suất sinh lời trên tài sản vẫn duy trì tăng trưởng. Nhờ đó, hệ số thu nhập trên vốn sử dụng (ROCE) và hệ số sinh lợi trên tổng mức đầu tư (ROIC) đều cải thiện mạnh, lần lượt đạt 6.8% và 8.2% trong năm 2020 (so với 1.6% và 1% trong năm 2019).

Chỉ tiêu	2019	2020
Khả năng thanh toán (x)		
Hệ số thanh toán ngắn hạn	1.0x	1.1x
Hệ số thanh toán nhanh	0.4x	0.5x
Hệ số thanh toán tiền mặt	0.2x	0.2x
Chỉ tiêu cơ cấu vốn (%)		
Nợ/Tổng tài sản	38%	39%
Nợ/Vốn chủ sở hữu	102%	94%
Chỉ tiêu về vòng quay tiền (Ngày)		
Vòng quay khoản phải trả	48 ngày	29 ngày
Vòng quay khoản phải thu	21 ngày	38 ngày
Vòng quay hàng tồn kho	72 ngày	73 ngày
Vòng quay tiền mặt	45 ngày	82 ngày
Tỷ suất sinh lời (%)		
ROE	1.6%	9.3%
ROA	0.6%	3.9%
ROCE	1.6%	6.8%
ROIC	1.0%	8.2%

Chỉ tiêu (Tỷ VND)	2019	2020	Tăng trưởng %
Tổng tài sản	8,064,358	7,763,093	-4%
Doanh thu thuần	12,176,797	11,559,675	-5%
Lợi nhuận gộp	341,749	869,210	154%
Lợi nhuận từ HDKD	(105,227)	317,182	-401%
Lợi nhuận khác	195,336	3,630	-98%
Lợi nhuận trước thuế	90,109	320,812	256%
Lợi nhuận sau thuế	47,334	295,270	524%





BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

TỔNG QUAN

Trong năm 2020, dưới sự định hướng chiến lược của HĐQT, BTGD tiếp tục tập trung tái cấu trúc hoạt động của doanh nghiệp, trong đó trọng tâm là nâng cao tính hiệu quả công tác quản trị trong tất cả các mặt hoạt động, đặc biệt trong sản xuất, bán hàng, hoạt động tài chính và quản trị luân chuyển hàng tồn kho. Năm 2020, BTGD đã hoàn thành tốt việc giữ cả bốn nhiệm vụ trọng tâm, bao gồm:

- (1) Hoạt động sản xuất kinh doanh tăng trưởng trong bối cảnh thị trường tiêu thụ trong nước và quốc tế bị ảnh hưởng nặng nề do dịch bệnh
- (2) Lợi nhuận vượt chỉ tiêu trình đại hội cổ đông
- (3) Tái cơ cấu nợ vay
- (4) Nâng cao hiệu quả điều hành và quản trị.

Tựu chung, năm 2020 là năm nhiều biến cố, đặc biệt dịch bệnh đã khiến ngành xây dựng toàn cầu bị chững lại, các nhà đầu tư FDI gặp rất nhiều khó khăn trong việc đầu tư và triển khai dự án, ảnh hưởng lớn đến sức tiêu thụ tại thị trường trong nước và quốc tế. Nhưng với sự quyết tâm và tập trung cao độ của toàn bộ HĐQT, BTGD và đội ngũ tại Thép Nam Kim đã vượt qua những khó khăn thách và đạt những kết quả sau:

Kết quả hoạt động			
Chỉ tiêu	2019	2020	Thay đổi
Doanh thu thuần	12,176,796,914,657	11,559,674,520,160	-5.1%
Giá vốn hàng bán	(11,835,048,249,482)	(10,690,464,691,531)	-9.7%
Lợi nhuận gộp	341,748,665,175	869,209,828,629	154.3%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(105,227,266,996)	317,182,449,660	401.4%
Lợi nhuận khác	195,336,050,392	3,629,666,504	-98.1%
Lợi nhuận sau thuế	47,333,714,465	295,397,203,923	524.1%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	260	1,799	591.9%



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2020

VỀ SẢN XUẤT, KINH DOANH

Trong năm Thép Nam Kim đã tiêu thụ 703.843 tấn sản phẩm, trong đó bao gồm 562.069 tấn tôn mạ và 141.774 tấn ống thép.

Về kết quả kinh doanh, tổng doanh thu thuần toàn đạt 11.614 tỷ VND, giảm 5% so với năm 2019 nhưng lợi nhuận sau thuế đạt mức cao nhất 3 năm, đạt 295 tỷ VND, tăng 524% so với cùng kỳ năm ngoái. Biên lợi nhuận gộp đạt 7,52% so với mức 2,81% của năm 2019 nhờ vào việc quản lý hiệu quả hàng tồn kho, kiểm soát tốt chi phí cũng như hưởng lợi từ diễn biến giá thép phục hồi trong nửa cuối năm 2020.

LỢI NHUẬN SAU THUẾ CAO NHẤT 3 NĂM

295 tỷ VND

VỀ TÌNH HÌNH TÀI SẢN

Năm 2020, tổng tài sản đạt 7.544 tỷ VND, giảm 6,45% so với cùng kỳ chủ yếu do ghi nhận khấu hao tài sản cố định. Cơ cấu tài sản khá đồng đều với tài sản ngắn hạn chiếm 56,62% (chủ yếu gồm hàng tồn kho, các khoản phải thu và tiền), tài sản dài hạn chiếm 43,38% (chủ yếu là tài sản cố định nhà máy, dây chuyền và quyền sử dụng đất).

VỀ TÌNH HÌNH NGUỒN VỐN

Thực hiện định hướng tái cấu trúc tài chính, giảm nợ vay, tổng nợ phải trả của Thép Nam Kim đã giảm 686 tỷ VND (13,59%) so với năm 2019, ghi nhận giá trị 4.362 tỷ VND năm 2020. Trong đó, nợ ngắn hạn giảm 10,71%, nợ dài hạn giảm 31,35%. Cơ cấu nợ chủ yếu là nợ ngắn hạn với giá trị 3.878 tỷ VND, chiếm 88,90% tổng nợ. Trong đó, nợ vay ngân hàng, các khoản phải trả người bán và người mua trả trước chiếm tỷ lệ chủ đạo lần lượt là 57,77%, 19,49% và 7,93% trong cơ cấu nợ ngắn hạn. Đối với khoản mục nợ dài hạn, cơ cấu chủ yếu là giá trị dư nợ vay ngân hàng.

Giá trị vốn chủ sở hữu cuối năm 2020 của Thép Nam Kim đạt 3.181 tỷ VND, tăng 5,47% so với năm 2019 chủ yếu nhờ lợi nhuận tích lũy. Giá trị sổ sách mỗi cổ phiếu NKG theo đó cũng đạt 18.494 VND, tăng 11,56% so với năm ngoái.



HOẠT ĐỘNG MUA CỔ PHIẾU QUỸ - BẢO VỆ LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG

Trước diễn biến của dịch Covid-19, nửa đầu năm 2020 thị trường chứng khoán đã chứng kiến mức giảm kỷ lục của sản VN-Index. Không nằm ngoài tác động chung của thị trường, thị giá cổ phiếu Thép Nam Kim (HSX: NKG) cũng đã chịu những ảnh hưởng chung từ thị trường. Nhận thấy cần bảo vệ cổ đông trước việc thị giá cổ phiếu NKG đã không phản ánh đúng giá trị nội tại của công ty, HĐQT và Ban BTGD đã quyết định mua 10 triệu cổ phiếu quỹ (cpq) với tổng trị giá 78 tỷ VND trong tháng 6/2020.

Thị giá cổ phiếu NKG đã dần ổn định và phản ánh đúng giá trị thực tại của công ty. Kết thúc năm 2020, cổ phiếu NKG đã tăng 255% so với mức đáy trong tháng 4/2020. So sánh cùng thời điểm, cổ phiếu NKG đã có sự trở lại và tăng trưởng mạnh mẽ hơn rất nhiều so với mức tăng 66% từ đáy của VN-Index.

78 Tỷ VND

Giá trị cổ phiếu quỹ mua vào Trong năm 2020



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH VÀ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ NĂM 2020

Dịch COVID-19 đã tác động mạnh mẽ và sâu sắc lên nền kinh tế, xã hội toàn cầu. Một mặt, dịch bệnh khiến cho sản xuất đình trệ, kinh tế khủng hoảng, hàng loạt lĩnh vực sản xuất kinh doanh lâm vào cảnh khó khăn, người lao động thất nghiệp. Mặt khác, dịch bệnh đã làm thay đổi căn bản môi trường kinh doanh, mở ra một “trạng thái bình thường mới” với những quy tắc về giãn cách xã hội, thúc đẩy quá trình chuyển đổi số và mở ra những cơ hội mới khi dịch bệnh được kiểm chế.

Nhận thức rõ những khó khăn, thách thức phải đối mặt cũng như tiềm năng, cơ hội cần nắm bắt trong bối cảnh mới, Ban Tổng Giám đốc Thép Nam Kim đã, đang và sẽ kiên định, khẩn trương thực hiện những giải pháp sau :

GIA TĂNG NĂNG LỰC NỘI TẠI CỦA DOANH NGHIỆP THÔNG QUA NÂNG CAO NĂNG LỰC QUẢN TRỊ

Xây dựng và vận hành thành công hệ thống quản trị toàn diện ERP – SAP S/4 HANA từ ngày 1/7/2020, sau 6 tháng triển khai. Toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp được hệ thống hóa trên nền tảng dữ liệu thống nhất, tức thời. Chi phí sản xuất, bán hàng, luân chuyển hàng tồn kho, vật tư nguyên liệu được truy vết từ đầu vào đến đầu ra.

Các quyết định liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh dựa trên số liệu được phân tích cập nhật tức thời. Chính sách quản lý hàng tồn kho hợp lý, kiểm soát rủi ro biến động giá trong mỗi giai đoạn được tuân thủ triệt để nhằm giảm thiểu tình trạng giá nguyên vật liệu biến động ảnh hưởng lớn đến kết quả kinh doanh.



CẢI THIỆN NĂNG SUẤT LAO ĐỘNG, GIẢM GIÁ THÀNH, NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM

Cùng với việc ứng dụng hệ thống ERP, các quy trình vận hành sản xuất và kinh doanh được chuẩn hóa giúp thúc đẩy năng suất lao động và các định mức tiêu hao trong quá trình sản xuất được theo dõi tức thời. Toàn bộ nguyên liệu, vật tư, bán thành phẩm và thành phẩm được quản lý, truy vết trên từng công đoạn. Chính vì vậy, chi phí sản xuất được kiểm soát chặt chẽ và chất lượng sản phẩm được cải thiện, đạt các tiêu chuẩn khắt khe một cách ổn định, thúc đẩy hoạt động bán hàng ở phân khúc chất lượng cao tại thị trường nội địa cũng như xuất khẩu sang các thị trường Châu Âu và Bắc Mỹ.

THÉP NAM KIM TRIỂN KHAI THÀNH CÔNG

**HỆ THỐNG ERP
SAP S/4 HANA**

PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG, BẢO VỆ VÀ GIA TĂNG THỊ PHẦN

Hoạt động bán hàng xuất khẩu đang thuận lợi nhưng Thép Nam Kim vẫn chú trọng xây dựng và phát triển thị trường nội địa, qua đó giữ vững thị phần trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng gay gắt.

Trong 6 tháng đầu năm 2020, giãn cách xã hội rộng khắp trong nước và quốc tế, tiêu thu suy giảm, Thép Nam Kim đã tận dụng công suất các chuyên suy giảm và mọi nguồn lực để nghiên cứu phát triển sản phẩm mới chất lượng cao. Qua đó, sản lượng bán hàng chất lượng cao khởi dự án trong nước và xuất khẩu theo các tiêu chuẩn khắt khe sang các thị trường Châu Âu và Bắc Mỹ đã gia tăng mạnh mẽ trong 6 tháng cuối năm khi nhu cầu phục hồi.

THỊ PHẦN TỶ LỆ 2020
14,3%

KẾ HOẠCH KINH DOANH VÀ ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC NĂM 2021

KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2021

Tiếp bước thành công của năm 2020, Ban Tổng Giám đốc và tập thể CBCNV Thép Nam Kim quyết tâm đoàn kết, nỗ lực hết mình để hoàn thành kế hoạch kinh doanh được Hội đồng Quản trị giao phó với các chỉ tiêu sau:

ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC NĂM 2021

Để thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2021, Ban Tổng Giám đốc đề ra định hướng chiến lược “**CÙNG CỐ NỘI LỰC**” với những giải pháp như sau:

- Khai thác hiệu quả nhất nguồn lực hiện có, tối ưu hóa năng lực các dây chuyền sản xuất để hướng đến công suất trên 1 triệu tấn/năm, qua đó gia tăng năng suất, tiết giảm chi phí sản xuất trên mỗi đơn vị sản phẩm, gia tăng năng lực cạnh tranh.
- Đầu tư kho hàng tập trung cho thị trường nội địa và nhà máy ống thép hàn trên diện tích 5ha tại Bình Dương với tổng mức đầu tư 250 tỷ đồng. Thông qua việc đầu tư này một số hoạt động phụ trợ, logistic, sản xuất ống thép được di dời ra khỏi nhà máy tôn mạ, tăng không gian cho hoạt động sản xuất, luân chuyển bán thành phẩm và thành phẩm trong nhà máy nhằm mục đích nâng cao công suất tối đa của các dây chuyền.
- Tiếp tục nghiên cứu các sản phẩm mới hướng đến phân khúc chất lượng cao cho thị trường trong nước và quốc tế.
- Đa dạng hóa thị trường xuất khẩu, tập trung các thị trường Châu Âu, Bắc Mỹ và Australia với các dòng sản phẩm chất lượng cao.
- Kiện toàn toàn bộ bộ máy quản lý giúp nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Nhất quán chính sách quản lý hàng tồn kho, xây dựng các kích bản thị trường nguyên liệu nhằm kiểm soát rủi ro do biến động giá.
- Xây dựng chính sách luân chuyển hàng tồn kho hiệu quả nhằm tiết kiệm chi phí tài chính và kiểm soát rủi ro.
- Chú trọng quản lý sử dụng vốn và chi phí lãi vay hiệu quả.





QUẢN TRỊ CÔNG TY

Mô hình quản trị tiên tiến

Minh bạch và hiệu quả là những mục tiêu quan trọng hàng đầu mà mô hình quản trị doanh nghiệp của Thép Nam Kim hướng đến.

Báo cáo của Hội đồng Quản trị	073
Hoạt động của Hội đồng Quản trị	075
Báo cáo của Ban Kiểm Soát	077
Quản trị rủi ro	079
Cổ phiếu NKG	083



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

TÌNH HÌNH CHUNG

Năm 2020, đại dịch COVID-19 phủ bóng đêm lên nền kinh tế toàn cầu, khiến cho sản xuất đình trệ, tác động mạnh mẽ lên ngành công nghiệp thép toàn cầu nói chung và Việt Nam nói riêng.

Dù vậy, nhờ vào sự phục hồi của giá HRC và dòng vốn đầu tư công được Chính phủ giải ngân mạnh mẽ, ngành thép Việt Nam đã ghi nhận những con số khá quan trọng nửa cuối năm 2020 với tổng sản lượng thép các loại đạt hơn 25,9 triệu tấn, tăng 2,7% so với cùng kỳ 2019. Tổng tiêu thụ thép năm 2020 đạt 23,4 triệu tấn, trong đó xuất khẩu đạt 4,6 triệu tấn, lần lượt tăng 1,4% và giảm 0,9% so với năm ngoái.

THÉP NAM KIM CHÍNH THỨC HOÀN THÀNH TÁI CẤU TRÚC, HƯỚNG ĐẾN TƯƠNG LAI PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ KINH DOANH

Năm bất cơ hội từ tình hình khó khăn chung, Thép Nam Kim đã ghi nhận kết quả kinh doanh ấn tượng trong năm nay. Công ty đã thành công trong việc phát triển sản phẩm mới, cải tiến sản xuất, kiểm soát chi phí và mang lại lợi nhuận. Năm 2020, dù doanh thu giảm 5% so với năm ngoái, đạt 11.614 tỷ VND nhưng tổng sản lượng đạt 703.843 tấn và lợi nhuận sau thuế đạt 295 tỷ VND, tăng lần lượt 5% và 526% so với năm 2019.

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT

Năm 2020, Thép Nam Kim tiêu thụ tổng cộng 703.843 tấn sản phẩm các loại. Công ty không ngừng cải thiện chất lượng sản phẩm, nhằm nâng cao vị thế cạnh tranh trong ngành. Đầu tư đầy chuyên sản xuất hiện đại, sử dụng công nghệ tiên tiến đến từ Hàn Quốc, Đài Loan và Đức nhằm nâng cao năng suất.

Tính đến năm 2020, Công ty có 04 nhà máy sản xuất các sản phẩm tôn mạ, ống thép, với công suất sản xuất lên đến 1,2 triệu tấn/năm

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG BÁN HÀNG

Với mục tiêu tối ưu hiệu quả kinh doanh, giữ vững và phát triển thị phần, Thép Nam Kim đã thực hiện các biện pháp sau đối với hoạt động bán hàng:

- Thường xuyên nghiên cứu thị trường để nắm bắt kịp thời nhu cầu của khách hàng;
- Liên tục cập nhật những biến động của thị trường để nhanh chóng đưa ra kế hoạch;
- Đáp ứng được yêu cầu về nguồn gốc nguyên vật liệu khi xuất khẩu, với nguồn nguyên vật liệu sản xuất mua từ Formosa và Nippon Steel (đây đang là ưu thế của Công ty);
- Tiếp tục tìm tòi, nghiên cứu để đưa ra thị trường những sản phẩm mới đạt chất lượng cao với mẫu mã bắt mắt;
- Đẩy mạnh việc xây dựng thương hiệu Thép Nam Kim trên thị trường, giữ vững uy tín và vị thế trong ngành.

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỐI VỚI BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

HDQT thực hiện việc giám sát định kỳ và thường xuyên đối với Tổng Giám đốc và các thành viên Ban Tổng Giám đốc thông qua các báo cáo tại các cuộc họp HDQT, các báo cáo bổ sung, các báo cáo tháng, các báo cáo bất thường về tình hình triển khai các chiến lược và kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được HDQT phê duyệt;

Trên cơ sở công tác giám sát, HDQT đã có những đánh giá và kết luận kịp thời để Tổng Giám đốc và Ban Tổng Giám đốc triển khai, điều hành hoạt động kinh doanh hiệu quả.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỐI VỚI BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo đánh giá của Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và Ban Tổng Giám đốc đã xây dựng phương án kinh doanh, thích ứng và điều chỉnh linh hoạt với diễn biến của thị trường; công tác quản trị được chú trọng, tiết giảm chi phí tài chính, chi phí sản xuất, chi phí bán hàng; hoạt động xuất khẩu đã được tổ chức hiệu quả, đa dạng thị trường, giảm thiểu tối đa các rủi ro do chính sách phòng vệ thương mại, chống phá giá từ các thị trường xuất khẩu.

Tổng Giám đốc và Ban Tổng giám đốc đã tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ và các quy chế hoạt động của Công ty, cải tiến và hoàn thiện hệ thống kiểm soát và quản lý.

Hội đồng Quản Trị đánh giá Ban Tổng Giám đốc đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao phó.

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2021	% so với 2020
Tổng doanh thu	16.000 tỷ VND	138%
Lợi nhuận sau thuế	600 tỷ VND	203%
Trả cổ tức 2021 (dự kiến)	Tối đa 10% bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu	

ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm 2021 đến với những kỳ vọng về việc xin sẽ đẩy lùi đại dịch COVID-19. Sự phục hồi của nền kinh tế sau đại dịch, xu hướng dịch chuyển chuỗi cung ứng toàn cầu cùng tiềm năng của một quốc gia đang trong giai đoạn phát triển, công nghiệp hóa như Việt Nam tạo ra những cơ hội chưa từng có.

Hiểu được điều đó, Hội đồng quản trị chủ động, tích cực thực hiện những định hướng chiến lược sau để có thể phát huy tối đa nội lực của Thép Nam Kim, nắm bắt cơ hội, hướng đến sự phát triển bền vững.

- Tiếp tục sửa đổi, bổ sung quy chế bổ nhiệm, tái bổ nhiệm, luân chuyển, của đội ngũ cán bộ quản lý các cấp cho phù hợp với quy mô, đặc thù Công ty;
- Thực hiện công tác quản trị tài chính doanh nghiệp theo các quy định của pháp luật hiện hành và quy chế tài chính của công ty, sử dụng hợp lý các nguồn vốn vay;
- Cơ cấu, sắp xếp lại các nguồn lực;
- Kiểm tra, kiểm soát và giám sát chặt chẽ chi phí hoạt động sản xuất, kinh doanh và chi phí đầu tư để đạt được hiệu quả;
- Nâng cao hiệu quả của các kênh bán hàng bằng việc mở rộng tìm kiếm thị trường mới, khách hàng mới; Tiếp tục nghiên cứu thị trường để nắm bắt thị hiếu khách hàng.
- Tăng tỷ trọng những mặt hàng có biên lợi nhuận tốt dựa trên quy trình sản xuất khép kín của Thép Nam Kim;
- Theo dõi sản lượng, giá bán, lợi nhuận, tồn kho, quy cách của từng mặt hàng của mỗi thị trường để có kế hoạch sản xuất, điều chuyển hàng hóa và đưa ra các giải pháp phù hợp, kịp thời.



HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

06 cuộc họp

HĐQT đã tổ chức 6 cuộc họp với sự tham dự của BKS và BTGD

Thành viên HĐQT	Số lần tham dự	Tỷ lệ
Ông Hồ Minh Quang	6/6	100%
Ông Võ Hoàng Vũ	6/6	100%
Ông Nguyễn Vĩnh An	6/6	100%
Bà Nguyễn Ngọc Ý Nhi	6/6	100%
Ông Võ Thời	2/2	100%
Ông Nguyễn Hữu Kính Luân	2/2	100%
Ông Phạm Mạnh Hùng (*)	0/6	0%

Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2020 – 2025 được bầu vào ngày 18/06/2020.

(*) Ông Phạm Mạnh Hùng xin từ nhiệm vì lý do cá nhân từ ngày 01/09/2019 và đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua vào ngày 18/06/2020.



07 nghị quyết / quyết định

HĐQT đã ban hành 7 nghị quyết để định hướng, chỉ đạo kịp thời các vấn đề quan trọng của Công ty. Danh sách các nghị quyết / quyết định được thể hiện trong bảng bên dưới.

STT	Số Nghị quyết / Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/2020/NQ-HĐQT	05/03/2020	Thông qua việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020
2	02/2020/NQ-HĐQT	20/03/2020	Thông qua việc hoãn và xin gia hạn thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020
3	NQ-HĐQT/20002	24/04/2020	Thông qua phương án mua lại cổ phiếu làm cổ phiếu quỹ
4	04/2020/NQ-HĐQT	07/05/2020	Thông qua việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020
5	06/2020/NQ-HĐQT	18/06/2020	Thông qua việc bầu Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2020 – 2025
6	07/2020/NQ-HĐQT	17/11/2020	Thông qua hoạt động đầu tư
7	08/2020/NQ-HĐQT	17/11/2020	Thông qua tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2020 bằng tiền mặt

HOẠT ĐỘNG ĐIỀU HÀNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM 2020

Hội đồng Quản trị vẫn bảo đảm các cuộc họp thường kỳ trong năm 2020, từng thành viên đều nắm bắt tốt tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty để cùng nhau đưa ra những quyết định kịp thời chỉ đạo thực hiện kế hoạch, cũng như khắc phục các vấn đề khó khăn gặp phải. Luôn tập trung vào mục tiêu, nhiệm vụ mà Đại hội đồng cổ đông giao phó, Hội đồng Quản trị đã có sự giám sát chặt chẽ đối với hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc. Năm qua, các cuộc họp của Hội đồng Quản trị tập trung vào những nội dung sau:

- Xây dựng phương án kinh doanh, chủ động ứng phó kịp thời với các diễn biến của thị trường, tập trung phát triển thành công mũi nhọn của công ty là tôn và thép;
- Tiếp tục hoàn thiện hơn nữa công tác quản trị, tăng cường thực hiện công tác kiểm tra quy trình sản xuất để giảm chi phí;
- Đẩy mạnh xuất khẩu, tiếp tục chiếm lĩnh thị trường xuất khẩu truyền thống, và mở rộng thị phần sang thị trường giàu tiềm năng; tùy tình hình thị trường linh hoạt, điều tiết sản lượng cung ứng giữa thị trường trong nước và xuất khẩu nhằm đảm bảo hoàn thành các mục tiêu sản xuất kinh doanh;

• Ban Tổng Giám đốc đã theo sát tình hình và diễn biến chung của thị trường có những giải pháp cụ thể để thích ứng điều kiện xuất khẩu của từng thị trường;

• Nâng cao chất lượng, nâng cao vị thế trên thị trường trong và ngoài nước;

• Ban Tổng Giám đốc đã theo sát tiến độ thực hiện Dự án nhà máy Thép Nam Kim 3 và đầu tư bổ sung thêm các dây chuyền ống thép nhằm đáp ứng kịp thời sản lượng cho các đơn vị hàng xuất khẩu và nội địa để nâng cao tính cạnh tranh

CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Không có.

DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN HĐQT CÓ CHỨNG CHỈ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Không có.





BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Trong năm 2020, BKS đã tiến hành kiểm tra, giám sát thông qua các mặt hoạt động chính như sau:

- Tham gia các buổi họp của Ban Lãnh đạo Công ty về việc triển khai dự án, theo dõi tiến độ dự án, cũng như kế hoạch kinh doanh hàng tháng, quý và báo cáo tình hình thực hiện kết quả kinh doanh.
- Giám sát tiến độ thực hiện dự án triển khai Hệ thống quản trị doanh nghiệp SAP S4/HANA (gọi tắt là phần mềm quản lý ERP).
- Kiểm tra công tác kế toán, thống kê, lập Báo cáo tài chính đảm bảo tính đầy đủ, hệ thống và nhất quán.
- Xem xét các báo cáo và thư quản lý của tổ chức kiểm toán.
- Giám sát việc thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước và người lao động.
- Giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết Hội đồng quản trị, Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.
- Giám sát việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên.
- Kiểm tra, giám sát các hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và những người điều hành khác.

CÁC CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

06 cuộc họp

Giữa hai kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 - năm 2021, BKS đã tổ chức 4 cuộc họp với sự tham gia đầy đủ của các thành viên và thống nhất các vấn đề sau:

- Bầu Trưởng BKS nhiệm kỳ 2020 – 2025.
- Thẩm định Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2020 của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu năm 2020.
- Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 đã được kiểm toán.
- Thống nhất Báo cáo của BKS về tình hình và kết quả hoạt động trong năm 2020 để trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

KẾT QUẢ GIÁM SÁT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ

BKS không thấy có bất kỳ điều gì bất thường trong hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý Công ty.

BKS nhất trí thông qua Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và phương án phân phối lợi nhuận, trích lập quỹ của HĐQT trình Đại hội.

BKS đánh giá cao HĐQT, Ban Tổng Giám Đốc đã có chiến lược và chính sách hợp lý, hiệu quả trong thời kỳ khó khăn chung của nền kinh tế toàn cầu do ảnh hưởng bởi dịch bệnh COVID-19 như:

- Gia tăng năng lực sản xuất, cải thiện năng suất lao động, nâng cao chất lượng sản phẩm.
- Kiểm soát hiệu quả chi phí, tăng khả năng cạnh tranh về giá.
- Phát triển thị trường, bảo vệ và gia tăng thị phần.
- Bám sát tiến độ thực hiện và đưa Dự án phần mềm quản lý ERP vào áp dụng đúng kế hoạch.
- Chỉ đạo, giám sát việc thực hiện tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2020 bằng tiền mặt đúng thủ tục và thời gian quy định;
- Chọn đơn vị kiểm toán độc lập theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Thành viên BKS	Số lần tham dự	Tỷ lệ
Bà Nguyễn Thị Bích Nhi	4/4	100%
Bà Võ Thị Vui	4/4	100%
Ông Lê Nhật Tân	4/4	100%

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BKS VÀ TỪNG KIỂM SOÁT VIÊN

Các Kiểm soát viên luôn nỗ lực phát huy năng lực chuyên môn, kinh nghiệm về kế toán, tài chính cũng như hiểu biết pháp luật của mình trong công tác giám sát.

Các Kiểm soát viên đã hoàn thành thẩm định Báo cáo tài chính năm 2020.

Các Kiểm soát viên đều tích cực tham dự đầy đủ các cuộc họp BKS, cử đại diện BKS tham dự hầu hết các cuộc họp Hội đồng quản trị với tư cách quan sát viên.

KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY

BKS đã thực hiện giám sát HĐQT, Ban Tổng Giám Đốc trong việc thực hiện các định hướng và mục tiêu kinh doanh được ĐHCĐ thông qua, đồng thời theo dõi thường xuyên việc thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh do HĐQT, Ban Tổng Giám Đốc giao cho các đơn vị trong toàn hệ thống nhằm đạt mục tiêu do ĐHCĐ giao phó.

Thực hiện theo quy định của Luật, BKS đã thực hiện thẩm định báo cáo tài chính giữa niên độ và báo cáo tài chính năm của Công ty nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của các số liệu báo cáo tài chính trình ĐHCĐ thường niên theo đúng quy định của pháp luật và quy định nội bộ.

Lược trích những số liệu cơ bản thực hiện trong năm 2020 và trình bày tại bảng dưới đây:

Chỉ tiêu	Giá trị (VND)
Kết quả kinh doanh năm 2020	
Doanh thu thuần	11.559.674.520.160
Tổng lợi nhuận trước thuế	320.812.116.164
Lợi nhuận sau thuế	295.269.532.668
Tình hình tài sản tại 31/12/2020	
Tổng tài sản	295.269.532.668
Tài sản ngắn hạn	4.492.264.536.968
Tài sản dài hạn	3.270.828.788.280
Tình hình vốn chủ sở hữu	
Số đầu năm (01/01/2020)	3.016.814.179.518
Số cuối năm (31/12/2020)	3.181.020.162.631

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BKS VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CỔ ĐÔNG

BKS luôn phối hợp chặt chẽ với HĐQT, Ban Tổng giám đốc nhưng trên nguyên tắc đảm bảo tính độc lập, vì lợi ích tối đa của cổ đông và tuân thủ quy định pháp luật. Thông qua việc tham dự các cuộc họp quan trọng, nắm bắt kịp thời các chiến lược, mục tiêu và kế hoạch đầu tư kinh doanh của Công ty. Từ đó, có điều kiện đóng góp ý kiến và thực hiện tốt nhiệm vụ được ĐHCĐ giao phó.

Trong năm qua, HĐQT, Ban Tổng giám đốc và các phòng ban tạo điều kiện thuận lợi cho BKS trong việc thu thập thông tin, tài liệu. BKS nhận được đầy đủ và kịp thời các nghị quyết của Hội đồng quản trị.

Trong năm 2020, BKS không nhận được yêu cầu nào của cổ đông / nhóm cổ đông gửi đến Công ty.

KẾ HOẠCH NĂM 2021 CỦA BKS

Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình HĐQT xem xét và phê duyệt. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý công ty, theo dõi việc khắc phục theo khuyến nghị của cơ quan kiểm toán.

Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc.

CÁC KIẾN NGHỊ CỦA BKS ĐỐI VỚI ĐHCĐ, HĐQT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Tăng cường quản lý chi phí hoạt động theo kế hoạch đã đề ra. Tăng cường hoạt động giám sát, kiểm soát nội bộ để phát hiện, cảnh báo và đưa ra biện pháp chấn chỉnh, phòng ngừa kịp thời.

Tiếp tục rà soát, hoàn thiện các quy chế, quy định của Công ty đảm bảo phù hợp với các văn bản pháp luật hiện hành và những thay đổi trong mục tiêu kinh doanh của hoạt động Công ty.



QUẢN TRỊ RỦI RO



QUY TRÌNH QUẢN TRỊ RỦI RO

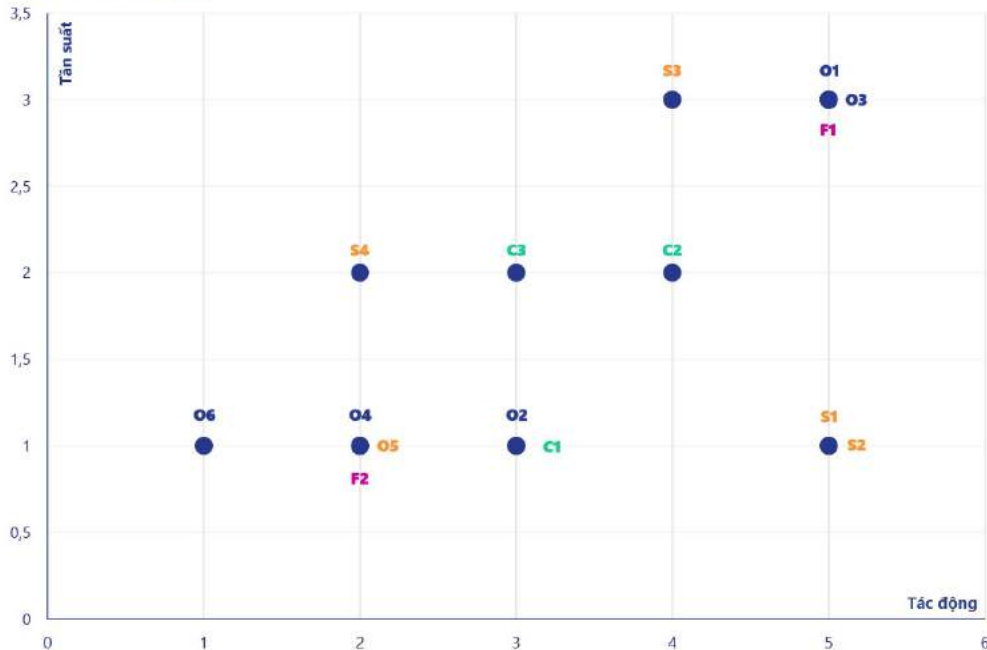
Là một trong những doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam trong ngành sản xuất tôn thép, là ngành công nghiệp xương sống của nền kinh tế, phụ thuộc rất lớn với chu kỳ kinh tế, diễn biến giá hàng hóa, nguyên vật liệu. Sản phẩm của Nam Kim là vật liệu thiết yếu, phục vụ hoạt động xây dựng cơ sở hạ tầng, chất lượng sản phẩm có ảnh hưởng lớn đến chất lượng công trình, thậm chí tính mạng con người. Do đó, có thể nói Nam Kim luôn phải đối diện với những rủi ro đặc thù, thường trực.

Mặt khác, "high risk, high return", mọi rủi ro đều đi kèm với cơ hội. Việc nhận diện và đánh giá chính xác rủi ro giúp Tập đoàn không chỉ hạn chế thiệt hại mà còn kịp thời nắm bắt những cơ hội kinh doanh tiềm năng.

Chính vì thế, hoạt động quản trị rủi ro luôn được Nam Kim xem là một nhiệm vụ chiến lược ưu tiên hàng đầu. Công ty xây dựng một quy trình quản trị rủi ro toàn diện, hiệu quả, hướng đến tiêu chuẩn quốc tế ISO 31000:2018 về quản trị rủi ro và tiêu chuẩn COSO về kiểm soát nội bộ.

Rủi ro được phân loại theo hướng dẫn của tiêu chuẩn COSO về kiểm soát nội bộ. Tiêu chí "xác suất" và "tác động" được đo lường theo mức độ tăng dần trên thang điểm từ 1 đến 5.

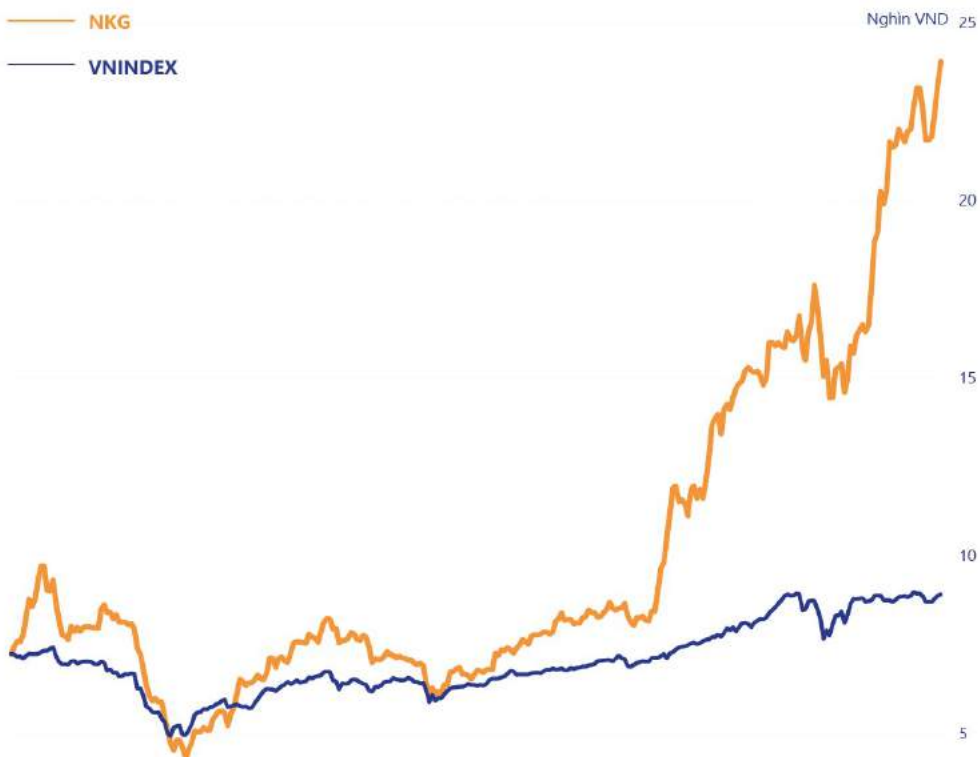
MA TRẬN RỦI RO



Nhận diện rủi ro	Phân tích rủi ro	Đánh giá rủi ro		Quản lý rủi ro
		Tác động	Xác suất	
RỦI RO CHIẾN LƯỢC				
Rủi ro vĩ mô [S1]	Bất kỳ rủi ro nào ở cấp độ vĩ mô như rủi ro kinh tế, chính trị, xã hội,... cũng có khả năng ảnh hưởng sâu sắc lên tất cả thành phần của nền kinh tế, bao gồm Nam Kim.	5	1	Liên tục theo dõi, giám sát những biến động kinh tế, chính trị, xã hội trong nước và quốc tế. Phân tích, đánh giá các kịch bản biến động của các nhân tố vĩ mô để có quyết định phù hợp.
Rủi ro định hướng chiến lược [S2]	Chiến lược của Nam Kim có thể chưa phù hợp với tình hình thực tiễn.	5	1	Liên tục theo dõi, giám sát các mục tiêu, kế hoạch, định hướng chiến lược và thực hiện các thay đổi kịp thời.
Rủi ro cạnh tranh [S3]	Nam Kim có thể suy yếu hoặc đánh mất lợi thế cạnh tranh của chính mình. Mức độ cạnh tranh của ngành sản xuất tôn thép có thể gia tăng nếu tăng trưởng của ngành giảm và/hoặc số lượng đối thủ cạnh tranh tăng. Sự xâm lấn thị phần của đối thủ cạnh tranh.	4	3	Thường xuyên theo dõi, phân tích môi trường kinh doanh. Chủ động khảo sát, nghiên cứu cung cầu thị trường. Duy trì và phát triển lợi thế cạnh tranh nội tại, cải thiện chất lượng sản phẩm, xây dựng thương hiệu, bảo đảm giữ vững và mở rộng thị phần.
Rủi ro truyền thông [S4]	Nam Kim có thể không ngăn chặn, xử lý kịp thời và hợp lý các thông tin tiêu cực xuất hiện bên ngoài doanh nghiệp.	2	2	Liên tục cập nhật các thông tin bên ngoài Tập đoàn và có biện pháp ứng xử kịp thời, phù hợp. Thực hiện tốt hoạt động PR, IR. Duy trì quan hệ tốt với các cơ quan truyền thông.
RỦI RO HOẠT ĐỘNG				
Rủi ro nguyên vật liệu [O1]	Sự thiếu hụt của nguyên vật liệu đầu vào có thể làm gián đoạn hoạt động kinh doanh của Nam Kim. Bên cạnh đó, biến động giá nguyên vật liệu cũng ảnh hưởng đáng kể đến Tập đoàn.	5	3	Quản lý hiệu quả hàng tồn kho. Đàm phán kế hoạch cụ thể với nhà cung cấp về nhu cầu và mức giá ổn định.
Rủi ro chất lượng [O2]	Sản phẩm của Nam Kim có thể không bảo đảm chất lượng, độ bền.	3	1	Chuẩn hoá và thực hiện đầy đủ, nghiêm túc quy trình quản lý chất lượng.
Rủi ro biến động giá thành phẩm [O3]	Giá bán các sản phẩm của Nam Kim thường xuyên biến động, phụ thuộc vào thị trường hàng hóa toàn cầu...	5	3	Kiểm soát tốt chi phí đầu vào, hạ giá thành sản phẩm. Sử dụng các hợp đồng hạn chế biến động giá...
Rủi ro an toàn lao động [O4]	Nhân viên của Nam Kim, đặc biệt là nhân viên làm việc tại nhà máy, đối diện với nguy cơ chấn thương, tai nạn lao động.	2	1	Thực hiện nghiêm túc các quy định về an toàn lao động. Thường xuyên tổ chức đào tạo, huấn luyện cho nhân viên về an toàn lao động.
Rủi ro thực thi [O5]	Việc thực thi các kế hoạch kinh doanh có thể không thành công	2	1	Theo dõi, giám sát về hiệu quả, tiến độ thực thi các kế hoạch kinh doanh để có các biện pháp ứng phó kịp thời.
Rủi ro công nghệ thông tin [O6]	Hệ thống công nghệ thông tin của Nam Kim có thể bị tấn công hoặc lỗi kỹ thuật.	1	1	Duy trì và phát triển hệ thống công nghệ thông tin hiện đại, bảo mật.

Nhận diện rủi ro	Phân tích rủi ro	Đánh giá rủi ro		Quản lý rủi ro
		Tác động	Xác suất	
RỦI RO TÀI CHÍNH				
Rủi ro lãi suất [F1]	Biến động của lãi suất sẽ ảnh hưởng đến chi phí tài chính của Nam Kim.	5	3	Theo dõi biến động của lãi suất, lập kế hoạch dòng tiền, thanh toán nợ. Đảm bảo giữ, giảm lãi suất cho vay với các bên cấp tín dụng. Tập trung hướng tới cân bằng các chỉ số thanh toán, giảm đòn bẩy tài chính, giảm nợ.
Rủi ro tín dụng thương mại [F2]	Nam Kim có thể gặp khó khăn trong việc thu hồi tín dụng thương mại từ các đối tác.	2	1	Giám sát chặt chẽ các khoản tín dụng thương mại. Tích cực đôn đốc thu hồi nợ đến hạn. Xem xét cẩn trọng năng lực của đối tác trước khi quyết định.
RỦI RO TUẦN THỦ				
Rủi ro pháp lý [C1]	Nam Kim chịu sự điều chỉnh của hệ thống pháp luật Việt Nam như Luật doanh nghiệp, Luật đầu tư, các chính sách thuế, hải quan. Bên cạnh đó, với tư cách là một công ty đại chúng niêm yết, NAM KIM còn chịu tác động bởi hệ thống khung pháp lý của Thị trường chứng khoán Việt Nam. Hiện tại một số luật, chế tài, chính sách đang được đổi mới, do vậy Nam Kim cần có sự chuẩn bị kỹ lưỡng hơn để đáp ứng những yêu cầu này. Ngoài khung pháp lý chung, Tập đoàn còn chịu sự chi phối của các chế tài, quy định đặc thù ngành như: Quy định về bảo vệ môi trường	3	1	Nam Kim có Ban Pháp chế thường xuyên cập nhật các văn bản pháp luật để kịp thời dự báo vào giúp Tập đoàn hoạt động tuần thủ theo quy định pháp luật.
Rủi ro thuế quan [C2]	Tôn thép là ngành công nghiệp được nhiều quốc gia bảo hộ. Nam Kim thường xuyên phải đối mặt với nguy cơ các chính quyền tại các thị trường xuất khẩu áp các hàng rào thuế quan (thuế chống bán phá giá...)	4	2	Ban Pháp chế thường xuyên cập nhật các diễn biến, quy định về thuế quan tại các thị trường xuất khẩu. Nghiên cứu, đàm phán với các bên liên quan để hạn chế, xử lý khi bị áp dụng những quy định về thuế quan chưa thật sự phù hợp.
Rủi ro môi trường [C3]	Hoạt động sản xuất tôn thép của Nam Kim có nguy cơ phát sinh các loại chất thải, ảnh hưởng đến môi trường.	3	2	Tập đoàn luôn tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về bảo vệ môi trường. Đầu tư hệ thống xử lý thải hiện đại tại mỗi nhà máy...





02-01-2020 03-04-2020 30-06-2020 23-09-2020 16-12-2020 18-03-2021



GIÁ CỔ PHIẾU TĂNG TRƯỞNG MẠNH MẼ

▲ 455%

So với giá thấp nhất năm 2020

CỔ PHIẾU THANH KHOẢN CAO

2,9 Triệu
cổ phiếu **36** Tỷ
VND

Khối lượng và giá trị giao dịch bình quân phiên

ĐỊNH GIÁ CỔ PHIẾU HẤP DẪN

6,9x

P/E DỰ PHÓNG 2021

VỐN HÓA THỊ TRƯỜNG

4.111 Tỷ VND

SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU LƯU HÀNH

171.999.868

GIÁ TRỊ SỐ SÁCH MỖI CỔ PHIẾU

18.494 VND

HOẠT ĐỘNG IR



CUNG CẤP THÔNG TIN MINH BẠCH, KỊP THỜI

Thép Nam Kim bảo đảm việc minh bạch thông tin đến mọi cổ đông, nhà đầu tư. Công ty luôn chủ động công bố thông tin kịp thời về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính và bất kỳ thông tin bất thường quan trọng khác thông qua các báo cáo tài chính, báo cáo quản trị, báo cáo thường niên, thông cáo báo chí trên website của Công ty tại www.tonnamkim.com, website của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và các kênh truyền thông khác.

THƯỜNG XUYÊN TIẾP XÚC, TRAO ĐỔI, LẮNG NGHE CỔ ĐÔNG

Ban lãnh đạo Thép Nam Kim luôn cố gắng duy trì sự tương tác thường xuyên, trực tiếp trao đổi và lắng nghe ý kiến của cổ đông thông qua Đại hội đồng cổ đông thường niên, các cuộc gặp gỡ trực tiếp, trao đổi qua điện thoại và email nhằm giúp cổ đông, nhà đầu tư nắm bắt kịp thời, chính xác, khách quan và toàn diện về tình hình hoạt động, triển vọng phát triển của Công ty.

**THÔNG TIN LIÊN HỆ
VỀ QUAN HỆ CỔ ĐÔNG
VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN**

Email: congbothongtin@namkimgroup.vn

TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHIẾU CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu	Ghi chú
1	Hồ Minh Quang	Chủ tịch HĐQT	23.466.044	13,64%	-
2	Võ Hoàng Vũ	Thành viên HĐQT Tổng Giám đốc	19.010.000	11,05%	-
3	Nguyễn Vĩnh An	Thành viên HĐQT Phó Tổng Giám đốc	554.999	0,32%	-
4	Nguyễn Ngọc Ý Nhi	Thành viên HĐQT	-	-	-
5	Võ Thời	Thành viên HĐQT	-	-	-
6	Nguyễn Hữu Kính Luân	Thành viên HĐQT	563.010	0,33%	-
7	Phạm Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT	-	-	Xin từ nhiệm ngày 01/09/2019

TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHIẾU CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

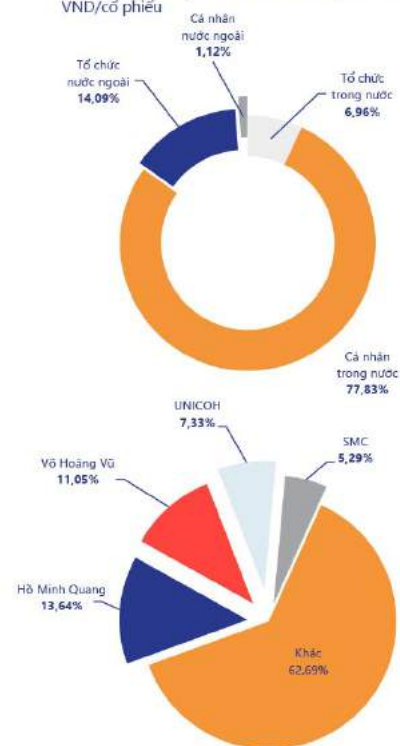
STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu	Ghi chú
1	Võ Hoàng Vũ	Thành viên HĐQT Tổng Giám Đốc	19.010.000	11,05%	-
2	Nguyễn Vĩnh An	Thành viên HĐQT Phó Tổng Giám Đốc	554.999	0,32%	-
3	Nguyễn Thị Ngọc Liên	Phó Tổng Giám Đốc	365.596	0,21%	-
4	Quảng Trọng Lãng	Phó Tổng Giám Đốc	50.372	0,03%	-
5	Trần Ngọc Diệu	Phó Tổng Giám Đốc	1.286.966	0,75%	-
6	Vũ Thị Huyền	Kế toán trưởng	28.000	0,02%	-

TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHIẾU CỦA BAN KIỂM SOÁT

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Bích Nhi	Trưởng BKS	-	-	-
2	Võ Thị Vui	Thành viên BKS	28.000	0,02%	-
3	Lê Nhật Tân	Thành viên BKS	-	-	-
4	Vũ Đình Hân	Thành viên BKS	37.000	0,02%	Thời nhiệm ngày 18/06/2020

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUÝ

Trong năm, Thép Nam Kim đã tiến hành mua lại 10.000.000 cổ phiếu làm cổ phiếu quỹ. Giao dịch được thực hiện từ ngày 02/06/2020 đến 30/06/2020 với giá mua vào bình quân 7.800 VND/cổ phiếu


CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ
Cổ đông nhà nước	-	-	-
Cổ đông nước ngoài	120	26.154.977	15,21%
+ Tổ chức	23	24.234.540	14,09%
+ Cá nhân	97	1.920.437	1,12%
Cổ đông trong nước	7.143	145.844.891	84,79%
+ Tổ chức	32	11.971.012	6,96%
+ Cá nhân	7.111	133.873.879	77,83%

SỐ CỔ PHIẾU ĐANG LƯU HÀNH 7.263 171.999.868 100,00%

Cổ phiếu quỹ 10.000.000

SỐ CỔ PHIẾU ĐÃ PHÁT HÀNH 181.999.868

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN

STT	Cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ
1	Hồ Minh Quang	23.466.044	13,64%
2	Võ Hoàng Vũ	19.010.000	11,05%
3	UNICOH SPECIALTY CHEMICALS CO.,LTD	12.600.000	7,33%
4	CTCP Đầu tư Thương mại SMC	9.100.000	5,29%

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU TRONG KỲ CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu giao dịch	Loại giao dịch
1	Hồ Minh Quang	Chủ tịch HĐQT	2.000.000	Mua
2	Quảng Trọng Lãng	Phó Tổng Giám Đốc	200.000	Bán
3	Võ Thời	Thành viên HĐQT	775.090	Bán



PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Báo cáo phát triển bền vững theo tiêu chuẩn GRI - G4

Với tầm nhìn phát triển bền vững, Thép Nam Kim luôn đặt mục tiêu phát triển kinh tế gắn liền với việc thực hiện trách nhiệm đối với nhân viên, cộng đồng xã hội và môi trường.

Báo cáo này được xây dựng theo Hướng dẫn lập Báo cáo phát triển bền vững GRI, phiên bản G4 của Tổ chức sáng kiến toàn cầu (Global Reporting Initiative).

Tầm nhìn bền vững	089
Tối ưu hiệu quả kinh tế	091
Củng cố, phát triển nguồn nhân lực	093
Bảo vệ môi trường tự nhiên	097
Đồng hành với cộng đồng xã hội	099

Tối ưu hiệu quả kinh tế

Không chỉ là trách nhiệm đem lại giá trị kinh tế cao nhất cho cổ đông, tối ưu hiệu quả kinh tế, hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh là nền tảng cho quá trình phát triển bền vững của Thép Nam Kim



Củng cố, phát triển nguồn nhân lực

Thép Nam Kim xác định "con người là yếu tố cốt lõi", là chìa khóa then chốt quyết định sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp.



Bảo vệ môi trường thiên nhiên

Nhận thức rõ vai trò của môi trường đối với hoạt động sản xuất và hướng đến mục tiêu phát triển bền vững, Thép Nam Kim nỗ lực triển khai các giải pháp sử dụng tiết kiệm, hiệu quả năng lượng, tài nguyên, giảm thiểu tác động lên môi trường tự nhiên.



Đồng hành với cộng đồng, xã hội

Phụng sự cộng đồng xã hội không chỉ là trách nhiệm cao cả mà còn là vinh dự to lớn của Thép Nam Kim thông qua những hoạt động ý nghĩa, đóng góp thiết thực đến khách hàng, đối tác, cộng đồng, xã hội và đất nước.





TỐI ƯU HIỆU QUẢ KINH TẾ

Là một trong những doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực tôn thép, Thép Nam Kim luôn ý thức được tầm quan trọng của các mục tiêu phát triển bền vững. Công ty luôn xem việc phát triển bền vững là kim chỉ nam xuyên suốt trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh

PHÁT TRIỂN KINH TẾ NỀN TẢNG HƯỚNG ĐẾN SỰ BỀN VỮNG

Nền tảng kinh tế vững chắc là điều kiện tiên quyết để phát triển bền vững. thấu hiểu điều đó, Thép Nam Kim luôn nỗ lực tối ưu hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm tạo ra những lợi ích tốt nhất cho cán bộ công nhân viên, tạo ra giá trị cho cổ đông, nhà đầu tư đồng thời góp phần phát triển kinh tế đất nước.

TẠO GIÁ TRỊ CHO CỔ ĐÔNG VÀ NHÀ ĐẦU TƯ

Với phương châm "Tư duy chất lượng, cuộc sống vững bền", Thép Nam Kim luôn hoạt động với mục tiêu vì lợi ích phát triển bền vững của doanh nghiệp và lợi ích lâu dài của các cổ đông, nhà đầu tư. Năm 2020 kinh tế toàn cầu nói chung và ngành thép nói riêng đã trải qua những khó khăn, thách thức chưa từng thấy do tác động của dịch COVID-19.

Tuy nhiên, Thép Nam Kim đã có những quyết sách, chiến lược kinh doanh linh hoạt, kịp thời phù hợp với diễn biến tình hình thị trường. Trong đó đẩy mạnh tái cấu trúc, phát huy những thế mạnh cốt lõi, đón đầu xu thế, chủ động tạo ra động tiền ổn định bằng việc duy trì và phát triển các hoạt động kinh doanh hiệu quả.

Nhờ đó đã không chỉ bảo vệ được tài sản của cổ đông mà còn gia tăng giá trị cho cổ đông, nhà đầu tư với kết quả kinh doanh ấn tượng.



NÂNG CAO HIỆU QUẢ KINH TẾ BẰNG CÁC GIẢI PHÁP THỰC TIỄN

Cải tiến chất lượng không ngừng

là tinh thần nhất quán trong tất cả các mặt hoạt động của Thép Nam Kim nhằm nâng cao giá trị của sản phẩm và dịch vụ, gia tăng lợi ích của khách hàng. Từ đó mang lại sự tăng trưởng bền vững cho doanh nghiệp.

CỔ TỨC, CỔ PHIẾU THƯỜNG CHO CỔ ĐÔNG NĂM 2020

395,6 Tỷ VND

(*)
Gồm dự kiến 10% cổ tức năm 2020
và chia thưởng cổ phiếu tỷ lệ 13%

CÙNG CỐ NĂNG LỰC NỘI TẠI

Sau gần 20 năm hình thành và phát triển, Thép Nam Kim đã trở thành một doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực tôn thép, là "thương hiệu quốc gia" uy tín với hệ thống nhà máy hiện đại và thị phần cao. Nguồn nội lực vô cùng to lớn này chính là nền móng cho sự phát triển nhanh và bền vững của Công ty trong tương lai.

Ví thế, "củng cố năng lực nội tại" được Công ty xem là nhiệm vụ trọng yếu, mục tiêu chiến lược trong giai đoạn 2020 -2022 với những định hướng cụ thể như sau:

- Nâng cao năng lực quản trị và điều hành;
- Cải thiện năng suất lao động, giảm chi phí;
- Khai thác tối đa năng lực thiết bị và nguồn nhân lực kỹ thuật để tạo ra những sản phẩm chất lượng cao, phục vụ nhu cầu nội địa và đẩy mạnh xuất khẩu sang các thị trường cao cấp như Mỹ và Châu Âu.

CHÚ TRỌNG R&D - ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM MỚI

Hoạt động R&D là vô cùng quan trọng, tạo lợi thế cạnh tranh vững chắc cho Thép Nam Kim trong thị trường cạnh tranh khốc liệt. Năm 2020, Thép Nam Kim doanh nghiệp tôn mạ trong nước đầu tiên sản xuất thành công đồng sản phẩm tôn kẽm công nghệ mạ liên tục lớp mạ dày Z600 với độ dày đến 3mm. Bên cạnh đó, Công ty cũng hợp tác với các đối tác để phát triển các đồng sản phẩm tôn lạnh màu AZ200, sơn phủ cao cấp được bảo hành trên 30 năm.

Những thành công trong hoạt động R&D này một lần nữa chứng minh nội lực của Công ty, khẳng định vị thế của Thép Nam Kim trong ngành tôn thép Việt Nam và khu vực.

ÁP DỤNG CÁC SÁNG KIẾN VÀ TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ

Đúng với tinh thần "cải tiến chất lượng không ngừng", việc bảo đảm hiệu quả quản trị, sử dụng hợp lý nguồn lực, kiểm soát quy trình sản xuất kinh doanh luôn là yếu tố được Thép Nam Kim chú trọng. Mọi sản phẩm của Công ty đều được sản xuất trên dây chuyền, máy móc tiên tiến hiện đại nhất với tiêu chuẩn chất lượng cao nhất.

Công ty cũng triển khai áp dụng nhiều sáng kiến và quy chuẩn quản trị quốc tế, điển hình là hệ thống quản trị ERP - SAP S/4 HANA.

CÙNG CỐ, PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC



Nhân lực là nền tảng kiến thiết nên thành công của doanh nghiệp, là yếu tố bảo đảm nguồn sáng tạo cũng như trực tiếp vận hành bộ máy hoạt động của tổ chức.

Nhận thức được nguyên lý này, Thép Nam Kim đặc biệt coi trọng công tác xây dựng chính sách nhân sự và môi trường làm việc chất lượng, an toàn, hiệu quả

QUẢN TRỊ HIỆU QUẢ NGUỒN NHÂN LỰC

Nguồn lực con người đóng vai trò quan trọng trong hoạt động của doanh nghiệp. Do đó việc khai thác tốt, quản trị hiệu quả nguồn lực này là một vấn đề quan trọng trong việc quản trị, điều hành doanh nghiệp.

Hoạt động quản trị nguồn nhân lực phải tạo điều kiện để con người phát huy hết khả năng tiềm ẩn, giảm lãng phí nguồn lực, tăng hiệu quả của tổ chức. Vì vậy, Thép Nam Kim luôn chủ động phân tích nhu cầu về lực lượng lao động cần thiết với tiêu chí nhằm bảo đảm đáp ứng đúng, đủ nhu cầu nhân sự. Công ty cũng luôn chú trọng cải tiến chính sách nhân sự nhằm củng cố, phát triển đội ngũ nhân sự, giữ chân người tài...

Năng lực của cấp quản lý trong hoạt động quản trị nguồn nhân lực được bảo đảm. Đội ngũ Ban lãnh đạo và cán bộ quản lý các cấp của Thép Nam Kim có chuyên môn sâu, gắn bó lâu dài và luôn với tinh thần "Quản trị chuẩn mực, Kiểm soát trách nhiệm, Điều hành chuyên nghiệp, Đào tạo tận tâm".



CHÍNH SÁCH TUYỂN DỤNG

Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút người lao động có năng lực vào làm việc, đáp ứng nhu cầu mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh. Tùy theo từng vị trí cụ thể mà Công ty đề ra những tiêu chuẩn bắt buộc riêng, song tất cả các chức danh đều phải đáp ứng các yêu cầu cơ bản như: có trình độ chuyên môn, có ý thức phát triển nghề nghiệp và có tính kỷ luật cao.

Thép Nam Kim trân trọng sự đa dạng và đề cao các cơ hội công bằng, không phân biệt giới tính, tôn giáo hay quốc tịch. Các nhân viên nữ được tạo điều kiện làm việc, phát triển năng lực và thăng chức như nam giới.

CHÍNH SÁCH ĐÀO TẠO

Thép Nam Kim chú trọng đào tạo nâng cao trình độ, kiến thức và kinh nghiệm cho đội ngũ nhân sự, đặc biệt là kỹ sư, chuyên viên và công nhân trẻ, đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực để vận hành dây chuyền, nắm bắt và làm chủ công nghệ sản xuất, mở rộng quy mô. Các khóa đào tạo liên tục được tổ chức, không chỉ đội ngũ kỹ sư, công nhân mà cả đội ngũ cán bộ quản lý và Ban lãnh đạo để nắm bắt công nghệ sản xuất, học hỏi về quản trị và điều hành.



Trong năm, Công ty đã thực hiện các hoạt động đào tạo sau:

- Tổ chức các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp;
- Xây dựng kế hoạch, nội dung đào tạo cụ thể, phù hợp cho từng đối tượng;
- Dành kinh phí cho các hoạt động đào tạo;
- Khuyến khích mọi người tham gia các hoạt động đào tạo;
- Tổ chức các khóa đào tạo nội bộ và bên ngoài;
- Theo dõi, đánh giá, ghi nhận kết quả đào tạo của người lao động.

CỦNG CỐ, PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC



MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC CHẤT LƯỢNG, AN TOÀN, HIỆU QUẢ

Thép Nam Kim nỗ lực xây dựng một môi trường làm việc chất lượng, an toàn, hiệu quả. Chính sách lương, thưởng, phúc lợi của Công ty được thực hiện đầy đủ, hợp lý, minh bạch dựa trên năng suất lao động và mức độ đóng góp cho Công ty. Mỗi năm Công ty đều tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn thể cán bộ nhân viên. Bên cạnh đó, Công ty cũng luôn đặt công tác bảo đảm an toàn lao động lên hàng đầu. Môi trường làm việc được trang bị đầy đủ các trang thiết bị cần thiết phục vụ cho lao động, đặc biệt là thiết bị bảo hộ và phòng cháy chữa cháy.

AN TOÀN LAO ĐỘNG

Với mục tiêu bảo vệ an toàn cho người lao động tránh khỏi những ảnh hưởng của những yếu tố nguy hiểm có hại và tạo ra điều kiện làm việc thuận lợi nhằm bảo đảm sức khỏe cho người lao động, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả góp phần thúc đẩy quá trình phát triển chung của Công ty, việc bảo đảm an toàn về sinh lao động là một chính sách lớn của Công ty, là một phần quan trọng, là bộ phận không thể tách rời của chiến lược phát triển của Công ty.

Trong bối cảnh dịch bệnh COVID-19, Thép Nam Kim đã nghiêm túc thực thi các biện pháp phòng chống dịch. Trách nhiệm của Công ty không chỉ là phải bảo đảm an toàn, sức khỏe cho người lao động mà còn là góp phần hạn chế sự lây lan của dịch bệnh trong cộng đồng, xã hội.

CHĂM SÓC SỨC KHỎE CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG

Hàng năm Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho CBCNV, tham gia chế độ bảo hiểm sức khỏe dành cho cán bộ quản lý.



HOẠT ĐỘNG GẮN KẾT NHÂN VIÊN

Bên cạnh các thi đua khen thưởng của Công ty, Ban chấp hành Công đoàn Thép Nam Kim thường xuyên phát động các phong trào thi đua theo tùy thuộc vào tình hình sản xuất, kinh doanh và có các phần thưởng khen thưởng cho người lao động có thành tích xuất sắc trong phong trào để động viên, khích lệ người lao động. Hàng năm, Công đoàn cũng xem xét đánh giá thi đua để khen thưởng các giải như: Cá nhân Đoàn viên xuất sắc, Cá nhân Đoàn viên có hoàn cảnh khó khăn, Tập thể Đoàn viên xuất sắc. Tổ chức chương trình Hiến máu nhân đạo và duy trì thành hoạt động cộng đồng hàng năm, ủng hộ chống lũ lụt...

Ngoài ra, Công ty cũng thường xuyên tổ chức các hoạt động văn nghệ, thể thao, tạo sân chơi để nâng cao đời sống tinh thần của CBCNV, tạo sự gắn kết giữa các đồng nghiệp, phòng ban. Đây là cơ hội để các thành viên trong Công ty chia sẻ những quan tâm trong cuộc sống chứ không đứng lại ở mối liên hệ công việc.

CHÍNH SÁCH KHEN THƯỞNG, ĐÃI NGỘ

Chính sách khen thưởng, chế độ đãi ngộ của Thép Nam Kim nhằm tạo động lực khuyến khích cá nhân và tập thể phát huy tối đa khả năng của bản thân nhằm gia tăng hiệu quả công việc. Đồng thời, nhằm ghi nhận và tưởng thưởng xứng đáng với năng lực làm việc, sự nỗ lực và thành tích đóng góp vào hiệu quả chung và sự phát triển của Công ty.

Định kỳ hàng tháng, Công ty thực hiện công tác đánh giá thi đua để chi thêm lương bổ sung cho Người lao động. Từ kết quả hàng tháng này, Công ty tổng hợp và hội đồng thi đua xem xét phê duyệt kết quả cả năm của cá nhân và đơn vị để xét thưởng vào cuối năm, trong đó đặc biệt là giải thưởng Cá nhân xuất sắc và Tập thể xuất sắc.



Hiện tại, Thép Nam Kim đang thực hiện các chính sách khen thưởng và chế độ đãi ngộ cho CBCNV gồm:

- Chính sách khen thưởng hàng tháng, hàng quý, hàng năm theo hiệu quả công việc, khen thưởng ngày lễ tết, ngày thành lập Công ty...;
- Chính sách khen thưởng cá nhân có quá trình cống hiến, đóng góp vào sự phát triển Công ty (theo thâm niên làm việc); khen thưởng đột xuất: có sáng kiến ý tưởng và giải pháp sáng tạo trong việc phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty; có những đóng góp nổi bật hoặc có những thành tích vượt trội trong việc triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách của Công ty; hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, chương trình, dự án do HĐQT hoặc Ban Tổng Giám đốc giao phó;
- Chính sách khen thưởng cổ phần ESOP;
- Tham gia đầy đủ chế độ bảo hiểm theo quy định pháp luật gồm BHXH, BHYT, BHTN. Ngoài ra, Công ty còn áp dụng chế độ bảo hiểm tai nạn 24/24 CBCNV, bảo hiểm sức khỏe dành cho CBQL;
- Thu nhập cạnh tranh theo vị trí công việc, bao gồm Tiền lương thời gian, Tiền lương sản phẩm, Hỗ trợ nhà ở, Hỗ trợ đi lại, Hỗ trợ sức khỏe...;
- Dây chuyền công nghệ sản xuất của Nhà máy hiện đại, được đào tạo thường xuyên trong công việc để nâng cao tay nghề;
- Nhiều cơ hội thăng tiến, phát triển lâu dài trong công việc.





BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG THIÊN NHIÊN

TIẾT KIỆM NĂNG LƯỢNG VÀ TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN, GIẢM THIỂU TÁC ĐỘNG LÊN MÔI TRƯỜNG

Trong quá trình hoạt động trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp, Thép Nam Kim không tránh khỏi các tác động đến môi trường. Vì vậy, Công ty rất chú trọng đến công tác bảo vệ môi trường vì môi trường chính là một trong những yếu tố quan trọng nhất tác động đến sự phát triển bền vững. Công ty luôn có các hoạt động thiết thực nhằm bảo vệ môi trường, phấn đấu xây dựng một môi trường sản xuất và làm việc xanh, sạch.

CÁC SÁNG KIẾN, GIẢI PHÁP CHUNG

Sử dụng dây chuyền công nghệ hiện đại, thân thiện với môi trường, nhằm tiết kiệm nhiên liệu và giảm hao phí nguyên vật liệu.

Nghiên cứu cải tiến hệ thống, định kỳ bảo trì hệ thống trong quá trình sản xuất, nhằm hạn chế thấp nhất mức độ ảnh hưởng đến môi trường.

Bên cạnh các giải pháp về máy móc, Công ty kết hợp với yếu tố con người bằng việc liên tục xây dựng và cải tiến đội ngũ nhân sự để nâng cao trình độ chuyên môn; thường xuyên mở các khoá đào tạo để mỗi con người của Thép Nam Kim thấm nhuần các cam kết chung về môi trường.

CÁC SÁNG KIẾN, GIẢI PHÁP CỤ THỂ

Thực hiện nghiêm ngặt công tác bảo quản nguyên vật liệu, xử lý chất thải nhà máy sản xuất.

Khống chế khí thải dưới ngưỡng tiêu chuẩn xả thải theo quy định của nhà nước. Tái sử dụng nước sau hệ thống xử lý nước thải cho quá trình rửa nguyên liệu.

Lắp đặt hệ thống tái sinh axit thải, đầu vào của hệ thống tái sinh là axit thải ra từ dây chuyền tẩy rỉ. Sản phẩm của hệ thống là axit HCL 18% được cung cấp ngược lại làm nguyên vật liệu cho quá trình tẩy rỉ tại dây chuyền tẩy rỉ.



Thép Nam Kim thực thi tiết kiệm sử dụng giấy, in ấn tài liệu bằng giấy hai mặt. Công ty từng bước triển khai Báo cáo Phát triển bền vững và các tài liệu, báo cáo khác bằng bản mềm trên thiết bị điện tử, hạn chế việc in ấn, tránh lãng phí giấy.

SẢN XUẤT XANH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

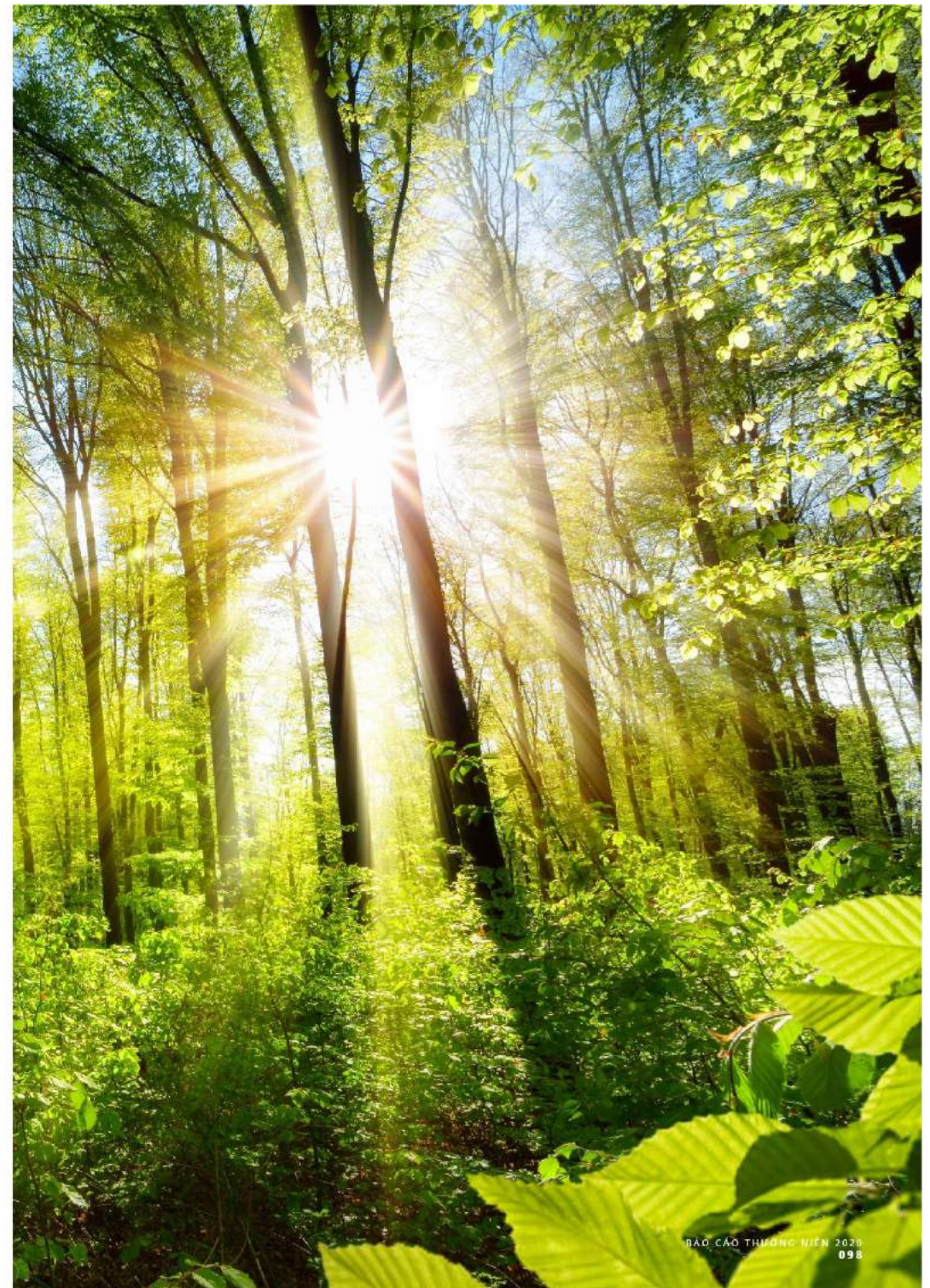
SMS group

Thép Nam Kim đầu tư dây chuyền tái sinh acid hiện đại của SMS - CHLB Đức. Do vậy, toàn bộ hoạt động tại các nhà máy của công ty không phát sinh acid thải. Đồng thời, thông qua dây chuyền tái sinh, toàn bộ mac gít thép được thu hồi đạt chuẩn sản phẩm và được cung cấp cho doanh nghiệp khác tái sử dụng trong luyện thép hoặc các ngành công nghiệp khác, thay vì là dạng chất thải tái xử lý.

TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ MÔI TRƯỜNG

Thép Nam Kim tuân thủ nghiêm ngặt theo quy định của Nhà nước về môi trường, thường xuyên liên tục cập nhật các quy định pháp luật mới về hoạt động môi trường.

Trong năm, Công ty không có bất kỳ hoạt động vi phạm nào về pháp luật môi trường.





ĐỒNG HÀNH VỚI CỘNG ĐỒNG XÃ HỘI

TẠO CÔNG AN VIỆC LÀM, GÓP PHẦN PHÁT TRIỂN KINH TẾ ĐỊA PHƯƠNG VÀ ĐẤT NƯỚC

Sự phát triển, thịnh vượng của Thép Nam Kim phải gắn liền trách nhiệm với cộng đồng, xã hội và đất nước. Hoạt động kinh doanh của Công ty đã tạo việc làm ổn định cho gần 1.500 con người. Hàng năm, Công ty đều thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế với Nhà nước. Năm 2020, Thép Nam Kim đã nộp ngân sách tổng cộng 409 tỷ VND, đóng góp một phần vào phát triển kinh tế của đất nước.



LUÔN SONG HÀNH CÙNG HẠNH PHÚC CỘNG ĐỒNG

Một xã hội ổn định và thịnh vượng là nền tảng cho nền kinh tế phát triển, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp phát triển. Vì vậy, bên cạnh mục tiêu tối ưu hoá lợi nhuận, Công ty luôn xem trọng trách nhiệm đối với cộng đồng. Công ty luôn sẵn sàng chia sẻ một phần lợi nhuận nhằm đóng góp cho sự phát triển của xã hội bằng những hành động thiết thực.

- Hỗ trợ, giúp đỡ cho các hoàn cảnh khó khăn, tạo điều kiện cho các gia đình và cá nhân có cơ hội vươn lên;
- Cùng với những doanh nghiệp khác tổ chức các chương trình hoạt động tình nguyện, an sinh xã hội nhằm phát triển môi trường sống;
- Chung tay giúp đỡ những người gặp khó khăn nhằm nâng cao hơn nữa hình ảnh của công ty trong lòng người tiêu dùng.



TẤM LÒNG THÉP NAM KIM VỚI TUYẾN ĐÀU CHỐNG DỊCH COVID-19

Thấu hiểu sự vất vả, khó khăn của lực lượng phòng chống dịch COVID-19, Thép Nam Kim đã ủng hộ 300 triệu VND thông qua Bảo Thanh Niên để hỗ trợ cuộc chiến chống lại dịch bệnh mà cả nước đang cùng chung tay.

Ông Quảng Trọng Lăng, Phó tổng Giám đốc Công ty, chia sẻ:

"Trong nhiều tháng qua, lực lượng tuyến đầu chống dịch gồm đội ngũ y bác sĩ, quân đội, các tình nguyện viên đã vô cùng vất vả khi ngày đêm chống dịch. Chúng tôi rất cảm kích trước sự hy sinh đó. Hưởng ứng lời kêu gọi của Bảo Thanh Niên, chúng tôi mong muốn chia sẻ phần nào khó khăn vất vả ấy. Đây chỉ là một đóng góp rất nhỏ cho công cuộc phòng chống dịch mà cả nước đang cùng chung tay".



HOẠT ĐỘNG HIẾN MÁU NHÂN ĐẠO

Hưởng ứng lời kêu gọi hiến máu nhân đạo cứu người của Chính phủ và Ban chấp hành Công đoàn Công ty, từ sáng sớm hơn 100 CBCNV Thép Nam Kim tích cực tham gia chương trình đầy ý nghĩa nhân văn "Một giọt máu cho đi - Một cuộc đời ở lại".



TRAO TẶNG XE CỨU THƯƠNG CHO TỈNH QUẢNG NGÃI

Ngày 9/6/2020, Ông Hồ Minh Quang – Chủ tịch Hội đồng quản trị Thép Nam Kim đã trao tặng xe cứu thương trị giá 800 triệu VND cho Trung tâm y tế Huyện Nghĩa Hành, Quảng Ngãi. Đây là xe cứu thương thứ hai Ông Quang tặng cho tỉnh Quảng Ngãi, xe đầu tiên được Ông trao tặng cho Trung tâm y tế Huyện Mộ Đức vào đầu năm 2018.

NAM KIM HỖ TRỢ ĐỒNG BẢO MIỀN TRUNG

Đến với bà con nghèo và các trường học miền Trung bị thiệt hại sau bão lũ, Thép Nam Kim đã chia nhiều nhánh đi cứu trợ với tổng số tiền hỗ trợ bằng tiền mặt và tồn loại gần 1 tỷ VND.

Ở một nhánh đi hỗ trợ khác, Công ty đã kịp tặng 4000m tôn, trị giá 400 triệu VND cho đồng bào vùng bão Quảng Ngãi tại 2 huyện Mộ Đức và Nghĩa Hành. Cùng với chuyến đi của Công ty với tổng số tiền 530 triệu VND do cán bộ công nhân viên đóng góp từ lời kêu gọi vận động của Ban Chấp hành Công đoàn Công ty, tổng cộng Thép Nam Kim đã hỗ trợ đồng bào miền Trung 930 triệu VND. Đó là nghĩa tình trong mỗi một thành viên công ty khi thấy đồng bào hoạn nạn.





BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kiểm toán bởi PWC

Các báo cáo tài chính của Thép Nam Kim luôn được kiểm toán bởi những đơn vị hàng đầu thế giới. Thép Nam Kim luôn nỗ lực bảo đảm các số liệu tài chính phản ánh đầy đủ, trung thực, đáp ứng các chuẩn mực tài chính kế toán cao nhất.

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Báo cáo kiểm toán độc lập

Bản cân đối kế toán hợp nhất

Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Giám đốc của Công ty Cổ phần Thép Nam Kim ("Công ty") chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở Tập đoàn hoạt động liên tục trừ khi giả định Tập đoàn hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Tập đoàn và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm từ trang 5 đến trang 42. Báo cáo tài chính hợp nhất này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Giám đốc



Võ Hoàng Vũ
Tổng Giám đốc

Tỉnh Bình Dương, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 2 tháng 4 năm 2021

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Thép Nam Kim ("Công ty") và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") được lập ngày 31 tháng 12 năm 2020 và được Ban Giám đốc Công ty phê chuẩn ngày [xxx]. Báo cáo tài chính hợp nhất này bao gồm: bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 42.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)



Nguyễn Hoàng Nam
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
0849-2018-006-1
Chữ ký được ủy quyền

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM10772
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 2 tháng 4 năm 2021



Trương Phước Lộc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
4173-2017-006-1

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM

Mẫu số B 01 – DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2020 VND	2019 VND
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		4.492.264.536.968	4.435.465.874.629
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	219.161.716.845	76.042.177.746
111	Tiền		45.471.716.845	63.666.975.089
112	Các khoản tương đương tiền		173.690.000.000	12.375.202.657
120	Đầu tư tài chính ngắn hạn		369.526.402.595	702.161.632.011
121	Chứng khoán kinh doanh	4(a)	9.353.176	9.353.176
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4(b)	369.517.049.419	702.152.278.835
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		1.437.540.466.313	876.685.199.236
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	1.218.090.460.560	692.875.071.303
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	204.796.849.338	170.954.142.018
136	Phải thu ngắn hạn khác	7(a)	17.411.507.841	15.214.337.341
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5	(2.758.351.426)	(2.358.351.426)
140	Hàng tồn kho		2.371.077.179.239	2.589.368.506.519
141	Hàng tồn kho	8	2.371.077.179.239	2.589.368.506.519
150	Tài sản ngắn hạn khác		94.958.771.976	191.208.359.117
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	9(a)	9.213.413.509	26.321.912.877
152	Thuế Giá trị Gia tăng ("GTGT") được khấu trừ	15	85.745.358.467	153.077.866.590
153	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	-	11.808.579.650

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 42 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM

Mẫu số B 01 – DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN (tiếp theo)	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2020 VND	2019 VND
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		3.270.828.788.280	3.628.892.228.639
210	Các khoản phải thu dài hạn		3.470.966.092	3.453.843.850
216	Phải thu dài hạn khác	7(b)	3.470.966.092	3.453.843.850
220	Tài sản cố định		3.126.532.591.606	3.457.519.368.197
221	Tài sản cố định hữu hình	10(a)	2.726.909.254.185	3.048.944.248.274
222	Nguyên giá		4.637.592.539.327	4.602.093.971.370
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(1.910.683.285.142)	(1.553.149.723.096)
224	Tài sản cố định thuê tài chính	10(b)	150.636.097.026	161.933.804.303
225	Nguyên giá		169.433.832.365	169.433.832.365
226	Giá trị khấu hao lũy kế		(18.797.735.339)	(7.500.028.062)
227	Tài sản cố định vô hình	10(c)	248.987.240.395	246.641.315.620
228	Nguyên giá		279.429.712.657	269.659.536.657
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(30.442.472.262)	(23.018.221.037)
240	Tài sản dở dang dài hạn		58.575.728.261	49.070.606.991
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	58.575.728.261	49.070.606.991
250	Đầu tư tài chính dài hạn		23.180.000.000	48.370.000.000
255	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4(c)	23.180.000.000	48.370.000.000
260	Tài sản dài hạn khác		59.069.502.321	70.478.409.601
261	Chi phí trả trước dài hạn	9(b)	59.069.502.321	70.478.409.601
270	TỔNG TÀI SẢN		7.763.093.325.248	8.064.358.103.268

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 42 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM

Mẫu số B 01 – DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2020 VND	2019 VND
300	NỢ PHẢI TRẢ		4.582.073.162.617	5.047.543.923.750
310	Nợ ngắn hạn		4.097.976.895.372	4.342.498.959.228
311	Phải trả người bán ngắn hạn	12	1.070.443.509.756	1.818.620.562.140
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13	346.218.920.151	47.636.715.311
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	51.056.523.851	758.814.883
314	Phải trả người lao động		40.385.309.272	16.918.142.598
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	14	27.812.146.715	10.517.706.173
319	Phải trả ngắn hạn khác		1.017.428.026	9.700.352.173
320	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	16(a)	2.520.048.120.256	2.388.861.750.039
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi		40.994.937.345	49.484.915.911
330	Nợ dài hạn		484.096.267.245	705.044.964.522
337	Phải trả dài hạn khác		900.000.000	900.000.000
338	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	16(b),16(c)	482.405.018.648	703.339.289.824
341	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		791.248.597	805.674.698
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		3.181.020.162.631	3.016.814.179.518
410	Vốn chủ sở hữu		3.181.020.162.631	3.016.814.179.518
411	Vốn góp của chủ sở hữu	18, 19	1.819.998.680.000	1.819.998.680.000
411 a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.819.998.680.000	1.819.998.680.000
412	Thặng dư vốn cổ phần	19	766.255.590.000	766.255.590.000
415	Cổ phiếu quỹ	19	(78.043.577.721)	-
418	Quỹ đầu tư phát triển	19	59.804.428.330	38.504.256.821
420	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	19	36.681.287.204	35.734.612.915
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	19	576.323.754.818	356.321.039.782
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước		332.654.182.550	308.987.325.318
421b	- LNST chưa phân phối của năm nay		243.669.572.268	47.333.714.464
440	TỔNG NGUỒN VỐN		7.763.093.325.248	8.064.358.103.268


Nguyễn Ngọc Bảo Châu
Người lập


Vũ Thị Huyền
Kế toán trưởng


Vũ Hoàng Vũ
Tổng Giám đốc
Ngày 2 tháng 4 năm 2021

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 42 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2020 VND	2019 VND
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	11.613.991.092.807	12.224.059.518.891
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	(54.316.572.647)	(47.262.604.234)
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	11.559.674.520.160	12.176.796.914.657
11	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	(10.690.464.691.531)	(11.835.048.249.482)
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	869.209.828.629	341.748.665.175
21	Doanh thu hoạt động tài chính	89.088.183.360	106.993.222.393
22	Chi phí tài chính	(281.258.215.062)	(275.044.712.627)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	(222.154.457.661)	(237.062.837.775)
25	Chi phí bán hàng	(267.948.758.419)	(210.243.639.854)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(91.908.570.848)	(68.680.802.083)
30	Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh	317.182.449.660	(105.227.266.996)
31	Thu nhập khác	3.795.441.330	197.608.346.357
32	Chi phí khác	(165.774.826)	(2.272.295.965)
40	Lợi nhuận khác	3.629.666.504	195.336.050.392
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	320.812.116.164	90.108.783.396
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành	(25.557.009.597)	(42.393.419.864)
52	Thu nhập/(chi phí) thuế TNDN hoãn lại	14.426.101	(381.649.068)
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	295.269.532.668	47.333.714.464
61	Phân bổ cho: Lợi nhuận sau thuế của Công ty	295.269.532.668	47.333.714.464
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	20	252
71	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	20	252

Nguyễn Ngọc Bảo Châu
Người lập

Vũ Thị Huyền
Kế toán trưởng

Võ Hoàng Vũ
Tổng Giám đốc
Ngày 2 tháng 4 năm 2021

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 42 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2020 VND	2019 VND
01	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	320.812.116.164	90.108.783.396
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế		
02	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ")	376.255.520.548	441.808.719.478
03	Các khoản dự phòng	400.000.000	-
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	1.368.014.070	6.255.238.305
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(27.090.757.323)	(268.586.300.923)
06	Chi phí lãi vay	222.154.457.661	237.062.837.775
07	Các khoản điều chỉnh khác	12.357.783.377	-
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	906.257.134.497	516.649.278.031
09	Tăng các khoản phải thu	(497.886.322.468)	(63.335.753.547)
10	Giảm/(tăng) hàng tồn kho	218.291.327.280	(168.857.094.809)
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả	(394.729.139.948)	1.221.047.880.369
12	Giảm/(tăng) chi phí trả trước	28.517.406.648	(38.710.484.428)
14	Tiền lãi vay đã trả	(228.102.720.920)	(242.759.139.169)
15	Thuế TNDN đã nộp	(6.760.599.978)	(42.393.419.864)
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(9.909.990.000)	(661.500.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	15.577.095.111	1.180.979.766.583
21	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(54.273.792.939)	(95.918.214.298)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn khác	-	252.399.306.332
23	Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	(157.965.479.452)	(1.021.203.715.735)
24	Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn và trái phiếu	529.363.404.931	509.503.385.049
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào công ty con	-	105.136.740.000
27	Tiền thu lại tiền gửi	28.614.073.831	20.376.451.055
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	345.738.206.371	(229.706.047.597)
32	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
32	Chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành	(78.043.577.721)	-
33	Tiền thu từ đi vay	11.098.457.061.598	8.961.750.010.468
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	(11.166.449.521.984)	(10.276.432.956.720)
35	Tiền chi trả nợ gốc thuế tài chính	(21.569.995.995)	(21.561.624.950)
36	Tiền có tức đã trả cho cổ đông	(51.599.960.400)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(218.195.994.503)	(1.336.234.571.202)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	143.119.306.979	(384.960.852.216)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	76.042.177.746	460.998.285.030
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	232.120	4.744.932
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	219.161.716.845	76.042.177.746

Các thông tin liên quan tới báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được trình bày tại Thuyết minh 32.

Nguyễn Ngọc Bảo Châu
Người lập

Vũ Thị Huyền
Kế toán trưởng

Võ Hoàng Vũ
Tổng Giám đốc
Ngày 2 tháng 4 năm 2021

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 42 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020**

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

Công ty Cổ phần Thép Nam Kim (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3700477019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 23 tháng 12 năm 2002.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là NKG vào ngày 14 tháng 1 năm 2011 theo Quyết định số 05/2011/QĐ-SGDHCM của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty và các công ty con (“Tập đoàn”) bao gồm:

- ☒ Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu, chi tiết sản xuất các loại tôn thép: tôn mạ kẽm, tôn mạ hợp kim nhôm kẽm (tôn lạnh), tôn mạ hợp kim nhôm kẽm phủ sơn; tôn mạ kẽm phủ sơn;
- ☒ Sản xuất sắt, thép, gang, chi tiết: sản xuất thép ống, thép hộp, thép hình và các sản phẩm từ thép cuộn, thép cán nguội, thép mạ kẽm, bằng thép đen, bằng thép mạ kẽm;
- ☒ Bán buôn kim loại và quặng kim loại, chi tiết: bán buôn sắt, thép các loại;
- ☒ Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại (không gia công tại địa điểm trụ sở chính); và
- ☒ Mua bán phế liệu (không chứa, phân loại, xử lý, tái chế tại trụ sở chính).

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn là 12 tháng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có 2 công ty con và 1 đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc. Chi tiết như sau:

Tên công ty/đơn vị trực thuộc	Địa chỉ đăng ký hoạt động	Ngành, nghề kinh doanh chính	Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết	
			2020	2019
Công ty con				
Công ty TNHH Một Thành Viên Ông thép Nam Kim	Tỉnh Long An, Việt Nam	Sản xuất các loại tôn thép: tôn mạ màu, tôn mạ kẽm; kinh doanh sắt thép các loại.	100%	100%
Công ty TNHH MTV Ông thép Nam Kim Chu Lai (*)	Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam	Sản xuất các loại tôn thép: tôn mạ màu, tôn mạ kẽm; kinh doanh sắt thép các loại.	100%	-
Chi nhánh				
Chi nhánh Công ty Cổ phần Thép Nam Kim	Tỉnh Bình Dương, Việt Nam			

(*) Tại ngày 13 tháng 12 năm 2019, Công ty TNHH MTV Ông thép Nam Kim Chu Lai được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 4001197204 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Nam cấp với vốn điều lệ 68 tỷ đồng, trong đó, Công ty sở hữu 100% vốn điều lệ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, tiến độ góp vốn vẫn đang được thực hiện.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Tập đoàn có 1.485 nhân viên (2019: 1.309 nhân viên).

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm vào việc trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thực hành kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thực hành kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thực hành kế toán tại các nước và các thể chế khác.

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Tập đoàn sử dụng đơn vị trong kế toán và trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất là Đồng Việt Nam (“VND” hoặc “đồng”). Tập đoàn xác định đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán dựa vào đơn vị tiền tệ chủ yếu sử dụng trong các giao dịch bán hàng, cung cấp dịch vụ, có ảnh hưởng lớn đến giá bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ; đơn vị tiền tệ dùng để niêm yết giá bán và nhận thanh toán; đơn vị tiền tệ sử dụng chủ yếu trong việc mua hàng hóa, dịch vụ; có ảnh hưởng lớn đến chi phí nhân công, nguyên vật liệu và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác, và thông thường dùng để thanh toán cho các chi phí đó.

Ngoài ra, Công ty còn sử dụng đơn vị tiền tệ này để huy động các nguồn lực tài chính và thường xuyên thu được từ các hoạt động kinh doanh và tích trữ lại.

2.4 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.5 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính****Công ty con**

Công ty con là những doanh nghiệp mà Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Tập đoàn có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không. Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày quyền kiểm soát đã chuyển giao cho Công ty. Việc hợp nhất chấm dứt kể từ lúc quyền kiểm soát không còn.

Giao dịch, công nợ và các khoản lãi, các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh giữa các công ty trong cùng Tập đoàn được loại trừ khi hợp nhất. Chính sách kế toán của công ty con cũng thay đổi nếu cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán đang được Tập đoàn áp dụng.

2.6 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

2.7 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ; và các khoản phải thu khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Các khoản nợ phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản nợ phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất.

2.8 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên mức độ hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng. Chênh lệch giữa khoản dự phải lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm giá vốn bán hàng trong năm.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.9 Các khoản đầu tư****(a) Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là chứng khoán do Tập đoàn nắm giữ cho mục đích kinh doanh và được nắm giữ chủ yếu cho mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua chứng khoán kinh doanh. Sau đó, Ban Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối kỳ kế toán. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán kinh doanh được lập khi giá gốc cao hơn giá trị thị trường của các khoản chứng khoán kinh doanh này. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Thời điểm ghi nhận chứng khoán kinh doanh là thời điểm Tập đoàn có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh; và
- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Lãi hoặc lỗ từ việc thanh lý, nhượng bán chứng khoán kinh doanh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động hoặc phương pháp nhập trước xuất trước.

(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai. Các khoản đầu tư này ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Sau đó, Ban Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối kỳ kế toán.

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

2.10 Tài sản cố định ("TSCĐ")**TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình**

TSCĐ được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được TSCĐ ở trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.10 Tài sản cố định (“TSCĐ”) (tiếp theo)***Khấu hao*

TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao của các loại tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 50 năm
Máy móc, thiết bị	2 – 20 năm
Phương tiện vận tải	6 – 30 năm
Thiết bị văn phòng	3 – 10 năm
Phần mềm vi tính	5 năm
TSCĐ khác	5 – 40 năm

Quyền sử dụng đất không thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không khấu hao.

Quyền sử dụng đất có thời hạn được ghi nhận căn cứ trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 44 năm đến 49 năm.

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán TSCĐ được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của TSCĐ và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị của các tài sản trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng; chi phí thiết bị; chi phí quản lý dự án; chi phí tư vấn đầu tư xây dựng; và chi phí vay được vốn hóa đối với tài sản đủ điều kiện phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại TSCĐ khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.11 Thuê tài sản**

Việc thuê tài sản mà bên cho thuê chuyển giao quyền sở hữu vào cuối thời hạn thuê và chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với quyền sở hữu tài sản cho bên thuê thì được hạch toán là thuê tài chính. Thuê tài chính được ghi nhận là tài sản tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản với giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cho thuê và giá trị hiện tại thuần của các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản thanh toán tiền thuê tài chính được chia ra thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc để duy trì một tỷ lệ lãi suất cố định trên số dư nợ thuê tài chính. Khoản phải trả nợ gốc không bao gồm chi phí tài chính, được hạch toán là nợ dài hạn. Chi phí tài chính được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê. TSCĐ thuê tài chính được khấu hao trong thời gian ngắn hơn giữa thời gian sử dụng ước tính của tài sản và thời gian thuê. Tuy nhiên nếu có sự chắc chắn hợp lý rằng bên thuê sẽ có quyền sở hữu ở cuối thời hạn thuê thì khấu hao sẽ được dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản.

Thuê hoạt động là loại hình thuê TSCĐ mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.12 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các khoản chi phí trả trước được hạch toán theo giá gốc và phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn hữu dụng ước tính.

2.13 Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất.

2.14 Vay và nợ thuê tài chính

Vay và nợ thuê tài chính bao gồm các khoản tiền vay và nợ thuê tài chính từ các ngân hàng và công ty tài chính.

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản vay và nợ thuê tài chính tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.14 Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Đối với các khoản vay chung trong đó có sử dụng vốn cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn thì Tập đoàn xác định chi phí đi vay được vốn hóa theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đủ tiêu chuẩn đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

2.15 Chi phí phải trả

Bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ báo cáo.

2.16 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính. Chênh lệch giữa khoản dự phải trả phải lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng phải trả đã lập chưa sử dụng ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

2.17 Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Luật Lao động Việt Nam, người lao động của Tập đoàn đã làm việc thường xuyên đủ 12 tháng trở lên được hưởng khoản trợ cấp thôi việc. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho Tập đoàn trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Tập đoàn chi trả trợ cấp thôi việc.

Trợ cấp thôi việc của người lao động được trích trước cuối mỗi kỳ báo cáo theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc dựa trên mức lương bình quân theo hợp đồng lao động của sáu tháng gần nhất tính đến trước ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất này.

Khoản trích trước này được sử dụng để trả một lần khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định hiện hành.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.18 Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Thặng dư vốn cổ phần là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu; chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

LNST chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế TNDN tại thời điểm báo cáo.

2.19 Phân chia lợi nhuận

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong các báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ kế toán mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông.

LNST TNDN có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tập đoàn trích lập các quỹ sau:

(a) Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ LNST của Tập đoàn và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên. Quỹ được trình bày là một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho nhân viên.

(b) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ LNST của Tập đoàn và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên. Quỹ được sử dụng để phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Tập đoàn.

(c) Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ khác thuộc chủ sở hữu được trích lập từ LNST của Tập đoàn và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên. Quỹ này được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.20 Ghi nhận doanh thu****(a) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- ☒ Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- ☒ Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm hoặc hàng hóa như người sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa hoặc quyền kiểm soát sản phẩm hoặc hàng hóa;
- ☒ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- ☒ Tập đoàn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- ☒ Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu được ghi nhận phù hợp với bản chất hơn hình thức và được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng hàng hóa. Trường hợp Tập đoàn dùng sản phẩm, hàng hóa để khuyến mãi cho khách hàng kèm theo điều kiện mua hàng của Tập đoàn thì Tập đoàn phân bổ số tiền thu được để tính doanh thu cho cả hàng khuyến mãi và giá trị hàng khuyến mãi được tính vào giá vốn hàng bán.

(b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

- ☒ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- ☒ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- ☒ Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- ☒ Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

(c) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

(d) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi Tập đoàn xác lập quyền nhận cổ tức từ các đơn vị đầu tư.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.21 Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu năm phát sinh.

Các khoản giảm trừ doanh thu đối với sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ trong năm, phát sinh sau ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của năm lập báo cáo.

2.22 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

2.23 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong năm chủ yếu bao gồm chi phí lãi vay và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái.

2.24 Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ.

2.25 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Tập đoàn.

2.26 Thuế TNDN và thuế TNDN hoãn lại

Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế TNDN, kể cả các khoản thu nhập nhận được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ tại nước ngoài mà Việt Nam chưa ký hiệp định về tránh đánh thuế hai lần. Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế tại thuế suất thuế TNDN của năm hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng năm hay một năm khác.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.26 Thuế TNDN và thuế TNDN hoãn lại (tiếp theo)**

Thuế thu nhập hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính hợp nhất và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

2.27 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tập đoàn hoặc chịu sự kiểm soát của Tập đoàn, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tập đoàn, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tập đoàn mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tập đoàn, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Ban Giám đốc, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Tập đoàn căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.28 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm:

- ☒ Thời gian hữu dụng ước tính của TSCĐ (Thuyết minh 2.10 và 10); và
- ☒ Chi phí phải trả và các khoản dự phòng (Thuyết minh 2.15, 2.16, 2.17 và 14).

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và được Ban Giám đốc đánh giá là hợp lý.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.29 Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo khu vực địa lý.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hợp nhất hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Tập đoàn một cách toàn diện.

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	2020 VND	2019 VND
Tiền mặt	2.125.944.499	2.336.937.909
Tiền gửi ngân hàng	43.345.772.346	61.330.037.180
Các khoản tương đương tiền (*)	173.690.000.000	12.375.202.657
	<u>219.161.716.845</u>	<u>76.042.177.746</u>

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn đáo hạn ban đầu không quá 3 tháng.

4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**(a) Chứng khoán kinh doanh**

	2020		2019	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Cổ phiếu	9.353.176	44.738.600	9.353.176	43.104.100

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM

Mẫu số B 09 – DN/HN

4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	2020		2019	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi số VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi số VND
Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	369.517.049.419	369.517.049.419	401.737.991.164	401.737.991.164
Trái phiếu (***)	-	-	300.414.287.671	300.414.287.671
	<u>369.517.049.419</u>	<u>369.517.049.419</u>	<u>702.152.278.835</u>	<u>702.152.278.835</u>
Dài hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn (**)	15.000.000.000	15.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000
Trái phiếu (***)	8.180.000.000	8.180.000.000	47.370.000.000	47.370.000.000
	<u>23.180.000.000</u>	<u>23.180.000.000</u>	<u>48.370.000.000</u>	<u>48.370.000.000</u>

(*) Số dư này thể hiện các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng và không quá 12 tháng và hưởng lãi suất cố định bằng Đồng Việt Nam.

(**) Số dư này thể hiện các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn còn lại trên 12 tháng và hưởng lãi suất cố định bằng Đồng Việt Nam.

(***) Số dư này thể hiện trái phiếu được phát hành bởi các ngân hàng thương mại ở Việt Nam và hưởng lãi suất 7,30%/năm.

5 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	2020 VND	2019 VND
Bên thứ ba	<u>1.218.090.460.560</u>	<u>692.875.071.303</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019, số dư các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng đã quá hạn thanh toán lần lượt là 2.758.351.426 đồng và 2.358.351.426 đồng đã được lập dự phòng toàn bộ.

6 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	2020 VND	2019 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Giải trí Đại Dương	164.778.814.382	164.778.814.382
Khác	40.018.034.956	6.175.327.636
	<u>204.796.849.338</u>	<u>170.954.142.018</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM

Mẫu số B 09 – DN/HN

7 PHẢI THU KHÁC

(a) Ngắn hạn

	2020 VND	2019 VND
Lãi tiền gửi và trái phiếu	8.087.825.278	9.611.141.786
Tạm ứng	7.026.143.389	3.283.099.110
Phải thu khác	2.297.539.174	2.320.096.445
	<u>17.411.507.841</u>	<u>15.214.337.341</u>

(b) Dài hạn

	2020 VND	2019 VND
Ký quỹ, ký cược	<u>3.470.966.092</u>	<u>3.453.843.850</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và 31 tháng 12 năm 2019, Tập đoàn không có khoản phải thu khác quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi.

8 HÀNG TỒN KHO

	2020 VND	2019 VND
Hàng mua đang đi trên đường	272.612.429.606	508.987.546.243
Nguyên vật liệu	254.132.704.137	772.309.353.088
Công cụ, dụng cụ	178.268.516.915	137.580.135.497
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	17.118.273	8.046.782.820
Thành phẩm	1.666.007.063.883	1.161.637.542.022
Hàng hóa	39.346.425	807.146.849
	<u>2.371.077.179.239</u>	<u>2.589.368.506.519</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM

Mẫu số B 09 – DN/HN

9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

(a) Ngắn hạn

	2020 VND	2019 VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	7.719.873.340	23.042.849.494
Chi phí quảng cáo	40.170.097	880.610.192
Khác	1.453.370.072	2.398.453.191
	<u>9.213.413.509</u>	<u>26.321.912.877</u>

Biến động chi phí trả trước ngắn hạn trong năm như sau:

	2020 VND	2019 VND
Số dư đầu năm	26.321.912.877	26.520.771.987
Tăng	28.746.100.179	63.870.861.556
Phân bổ	(45.854.599.547)	(64.069.720.666)
Số dư cuối năm	<u>9.213.413.509</u>	<u>26.321.912.877</u>

(b) Dài hạn

	2020 VND	2019 VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	43.793.331.212	33.724.800.920
Chi phí quảng cáo	3.390.891.475	6.024.584.830
Chi phí sửa chữa, đại tu nhà xưởng	11.484.896.003	30.729.023.851
Khác	400.383.631	-
	<u>59.069.502.321</u>	<u>70.478.409.601</u>

Biến động chi phí trả trước dài hạn trong năm như sau:

	2020 VND	2019 VND
Số dư đầu năm	70.478.409.601	31.569.066.063
Tăng	27.196.120.202	65.793.437.809
Phân bổ	(38.605.027.482)	(26.884.094.271)
Số dư cuối năm	<u>59.069.502.321</u>	<u>70.478.409.601</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM

10 TSCĐ

(a) TSCĐ hữu hình

	Nguyên giá	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	TSCĐ khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	707.271.361.828	3.629.137.647.292	249.428.650.014	15.530.538.756	725.753.480	4.602.093.971.370
Tăng trong năm	456.140.156	13.056.033.920	970.000.000	69.050.000	-	14.551.224.076
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 11)	239.327.551	17.988.243.875	2.719.772.455	-	-	20.947.343.881
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	<u>707.966.849.535</u>	<u>3.660.181.925.087</u>	<u>253.118.422.469</u>	<u>15.599.588.756</u>	<u>725.753.480</u>	<u>4.637.592.539.327</u>
Giá trị khấu hao lũy kế						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	206.281.863.935	1.267.243.399.226	74.381.227.922	4.890.671.630	352.560.383	1.553.149.723.096
Khấu hao trong năm	46.783.045.105	290.296.746.027	18.469.990.438	1.933.537.513	50.242.963	357.533.562.046
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	<u>253.064.909.040</u>	<u>1.557.540.145.253</u>	<u>92.851.218.360</u>	<u>6.824.209.143</u>	<u>402.803.346</u>	<u>1.910.683.285.142</u>
Giá trị còn lại						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	500.989.517.893	2.361.894.248.066	175.047.422.092	10.639.867.126	373.193.097	3.048.944.248.274
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	<u>454.901.940.495</u>	<u>2.102.641.779.834</u>	<u>160.267.204.109</u>	<u>8.775.379.613</u>	<u>322.950.134</u>	<u>2.726.909.254.185</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, TSCĐ hữu hình của Tập đoàn với tổng giá trị còn lại là 2.493 tỷ đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 2.701 tỷ đồng) đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay từ các ngân hàng (Thuyết minh 16).

Nguyên giá TSCĐ hữu hình của Tập đoàn đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 11,6 tỷ đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 8,7 tỷ đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM

Mẫu số B 09 – DN/HN

10 TSCĐ (tiếp theo)

(b) TSCĐ thuê tài chính

**Máy móc thiết bị
VND**

Nguyên giá

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020 và 31 tháng 12 năm 2020 169.433.832.365

Giá trị khấu hao lũy kế

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020 7.500.028.062
Khấu hao trong năm 11.297.707.277

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 18.797.735.339

Giá trị còn lại

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020 161.933.804.303

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 150.636.097.026

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019, toàn bộ TSCĐ thuê tài chính của Tập đoàn đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho khoản nợ thuê tài chính từ Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một Thành viên Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Thuyết minh 16).

(c) TSCĐ vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm vi tính VND	Tổng cộng VND
--	--------------------------	----------------------------	------------------

Nguyên giá

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020 269.452.694.657 206.842.000 **269.659.536.657**
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 11) - 9.770.176.000 **9.770.176.000**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 269.452.694.657 9.977.018.000 **279.429.712.657**

Giá trị khấu hao lũy kế

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020 22.844.189.925 174.031.112 **23.018.221.037**
Khấu hao trong năm 6.596.008.084 828.243.141 **7.424.251.225**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 29.440.198.009 1.002.274.253 **30.442.472.262**

Giá trị còn lại

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020 246.608.504.732 32.810.888 **246.641.315.620**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 240.012.496.648 8.974.743.747 **248.987.240.395**

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM

Mẫu số B 09 – DN/HN

10 TSCĐ (tiếp theo)

(c) TSCĐ vô hình (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019, Quyền sử dụng đất của Tập đoàn đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay từ các ngân hàng (Thuyết minh 16).

Nguyên giá TSCĐ vô hình của Tập đoàn đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 135.600.000 đồng.

11 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	2020 VND	2019 VND
Mua sắm	13.299.417.352	14.402.142.001
Dự án nhà máy thép	45.276.310.909	34.668.464.990
	<u>58.575.728.261</u>	<u>49.070.606.991</u>

Biến động chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm như sau:

	2020 VND	2019 VND
Số dư đầu năm	49.070.606.991	443.787.276.170
Mua sắm	52.580.424.528	91.541.201.098
Chuyển sang TSCĐ hữu hình (Thuyết minh 10(a))	(20.947.343.881)	(252.180.134.144)
Chuyển sang TSCĐ vô hình (Thuyết minh 10(c))	(9.770.176.000)	-
Chuyển sang TSCĐ thuê tài chính	-	(169.433.832.365)
Khác	(12.357.783.377)	(64.643.903.768)
Số dư cuối năm	<u>58.575.728.261</u>	<u>49.070.606.991</u>

12 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	2020 VND	2019 VND
Win Faith Trading Limited	159.461.824.896	-
Cargill International Trading Pte Ltd	121.544.382.682	-
Công ty TNHH Gang Thép Hưng Nghiệp Formosa Hà Tĩnh	220.915.339.715	672.481.052.760
Cumic Steel Limited	116.108.764.538	-
Khác	452.413.197.925	1.146.139.509.380
	<u>1.070.443.509.756</u>	<u>1.818.620.562.140</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và 31 tháng 12 năm 2019, Tập đoàn không có khoản phải trả người bán nào bị quá hạn thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM

Mẫu số B 09 – DN/HN

13 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	2020 VND	2019 VND
Aceros Y Overrollings de Mexico S.A.de C.V	34.130.252.600	-
Aceros Y Galvanizados De Celaya, S.A. De C.V.	32.817.404.730	-
Khác	279.271.262.821	47.636.715.311
	<u>346.218.920.151</u>	<u>47.636.715.311</u>

14 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	2020 VND	2019 VND
Chi phí điện sản xuất	13.548.831.400	-
Chi phí vận chuyển	9.329.977.497	-
Chi phí quảng cáo	1.744.875.000	2.826.874.200
Chi phí lãi vay	654.221.488	6.602.484.747
Khác	2.534.241.330	1.088.347.226
	<u>27.812.146.715</u>	<u>10.517.706.173</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM

Mẫu số B 09 – DN/HN

15 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Biến động về thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước trong năm như sau:

	Tại ngày 1.1.2020		Số phải trả/ đã thực nộp trong năm		Số phải trả/ đã thực nộp trong năm		Tại ngày 31.12.2020	
	Phải thu VND	Phải nộp VND	Phải thu VND	Phải nộp VND	Phải thu VND	Phải nộp VND	Phải thu VND	Phải nộp VND
Thuế GTGT được khấu trừ	153.077.866.590	-	1.628.492.468.204	1.559.036.222.401	85.745.358.467	-	-	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	9.939.579.339	-	435.490.687.385	394.118.870.640	-	-	31.432.237.406	43.892.158
Thuế xuất, nhập khẩu	1.866.727.526	-	3.371.411.403	3.327.529.245	-	-	-	16.929.682.093
Thuế TNDN	-	-	25.557.009.597	6.760.599.978	-	-	-	2.650.722.194
Thuế thu nhập cá nhân	2.272.785	758.814.883	7.235.559.777	5.341.379.681	-	-	-	-
Các loại thuế khác	-	-	542.488.288	542.488.288	-	-	-	-
	<u>164.886.446.240</u>	<u>758.814.883</u>	<u>2.100.689.624.654</u>	<u>1.969.127.090.233</u>	<u>85.745.358.467</u>	<u>85.745.358.467</u>	<u>31.432.237.406</u>	<u>51.056.523.851</u>

16 VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

(a) Ngân hạn

	Tại ngày 1.1.2020 VND	Tăng VND	Giảm VND	Đánh giá lại VND	Nợ dài hạn đến hạn trả VND	Tại ngày 31.12.2020 VND
Vay ngân hàng (*)	2.367.301.754.043	11.098.457.061.598	(11.165.099.521.964)	(1.195.444.577)	199.024.275.180	2.498.488.124.260
Nợ thuế tài chính (Thuyết minh 16(c))	21.559.995.996	-	(21.559.995.996)	-	21.559.995.996	21.559.995.996
	<u>2.388.861.750.039</u>	<u>11.098.457.061.598</u>	<u>(11.186.659.517.980)</u>	<u>(1.195.444.577)</u>	<u>220.584.271.176</u>	<u>2.520.048.120.256</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM

Mẫu số B 09 – DN/HN

16 VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(a) Ngắn hạn (tiếp theo)

(*) Chi tiết các khoản vay ngắn hạn ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 như sau:

Ngân hàng	Giá trị (VND)	Tiền tệ gốc	Đảo hạn	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	143.834.616.298	USD	từ tháng 3 đến tháng 4 năm 2021	Nhà cửa, vật kiến trúc; máy móc thiết bị; phương tiện vận tải và hàng tồn kho
Nợ dài hạn đến hạn trả VND	1.128.973.756.675	VND	từ tháng 2 đến tháng 6 năm 2021	
	169.200.000.000	VND	từ tháng 8 đến tháng 11 năm 2021	
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam	65.428.981.875	USD	từ tháng 5 đến tháng 6 năm 2021	Hợp đồng tiền gửi; máy móc thiết bị và trái phiếu
	378.027.251.702	VND	từ tháng 5 đến tháng 6 năm 2021	
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	169.363.874.851	USD	từ tháng 2 đến tháng 6 năm 2021	Hợp đồng tiền gửi; máy móc thiết bị
	152.010.770.510	VND	từ tháng 4 đến tháng 6 năm 2021	
Ngân hàng Sincopac - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh	69.040.645.456	VND	từ tháng 2 đến tháng 6 năm 2021	Tin chấp
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xăng dầu Petrolimex	45.053.978.872	USD	từ tháng 3 đến tháng 5 năm 2021	Hàng tồn kho luân chuyển
	50.326.327.417	VND	từ tháng 1 đến tháng 3 năm 2021	
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam	70.958.677.958	USD	tháng 3 năm 2021	Tin chấp
	26.444.967.414	VND	từ tháng 3 đến tháng 4 năm 2021	
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong	29.824.275.232	VND	tháng 12 năm 2021	Quyền sử dụng đất; máy móc, thiết bị; và nhà xưởng
Nợ dài hạn đến hạn trả VND	<u>2.496.488.124.260</u>			

Lãi suất cho các khoản nợ dài hạn đến hạn trả VND từ 9,0%/năm đến 9,9%/năm. Lãi suất cho các khoản vay VND và USD còn lại lần lượt từ 4,0%/năm đến 6,0%/năm và từ 2,2%/năm đến 3,9%/năm.

30

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM

Mẫu số B 09 – DN/HN

16 VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(b) Dài hạn

	Tại ngày 1.1.2020 VND	Giảm VND	Nợ dài hạn đến hạn trả VND	Tại ngày 31.12.2020 VND
Vay ngân hàng (*)	656.625.965.177	(350.000.000)	(199.024.275.180)	457.251.689.997
Nợ thuế tài chính (Thuyết minh 16(c))	46.713.324.647	-	(21.559.995.996)	25.153.328.651
	<u>703.339.289.824</u>	<u>(350.000.000)</u>	<u>(220.584.271.176)</u>	<u>482.405.018.648</u>

(*) Chi tiết các khoản vay dài hạn ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 như sau:

Ngân hàng	Giá trị (VND)	Tiền tệ gốc	Đảo hạn	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	432.398.127.416	VND	Từ tháng 8 năm 2020 đến tháng 11 năm 2022	Nhà cửa, vật kiến trúc; máy móc thiết bị; phương tiện vận tải; và dụng cụ quản lý
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong	24.853.562.581	VND	Tháng 10 năm 2022	Quyền sử dụng đất; máy móc, thiết bị; và nhà xưởng
	<u>457.251.689.997</u>			

Lãi suất cho các khoản vay từ 9,0%/năm đến 9,9%/năm.

31

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM

Mẫu số B 09 – DN/HN

16 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(c) Nợ thuê tài chính

	2020		
	Tổng nợ thuê tài chính VND	Chi phí lãi thuê VND	Nợ gốc VND
Trong vòng 1 năm	25.171.879.241	3.611.883.245	21.559.995.996
Từ 1 - 5 năm	26.695.676.863	1.542.348.212	25.153.328.651
	<u>51.867.556.104</u>	<u>5.154.231.457</u>	<u>46.713.324.647</u>
	2019		
	Tổng nợ thuê tài chính VND	Chi phí lãi thuê VND	Nợ gốc VND
Trong vòng 1 năm	27.306.494.134	5.746.498.138	21.559.995.996
Từ 1 - 5 năm	51.843.541.453	5.130.216.806	46.713.324.647
	<u>79.150.035.587</u>	<u>10.876.714.944</u>	<u>68.273.320.643</u>

17 QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

Biến động quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2020 VND	2019 VND
Số dư đầu năm	49.484.915.911	48.426.380.192
Trích quỹ (Thuyết minh 19)	1.420.011.434	1.720.035.719
Chi quỹ	<u>(9.909.990.000)</u>	<u>(661.500.000)</u>
Số dư cuối năm	<u>40.994.937.345</u>	<u>49.484.915.911</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM

Mẫu số B 09 – DN/HN

18 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

(a) Số lượng cổ phiếu phổ thông

	2020	2019
Số lượng cổ phiếu đăng ký	<u>181.999.868</u>	<u>181.999.868</u>
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	181.999.868	181.999.868
Số lượng cổ phiếu đã mua lại	<u>(10.000.000)</u>	<u>-</u>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	<u>171.999.868</u>	<u>181.999.868</u>

(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	2020		2019	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Ông Hồ Minh Quang	23.466.044	12,89	20.007.024	10,99
Ông Võ Hoàng Vũ	19.010.000	10,45	19.010.000	10,45
Kim Vietnam Ground Equity Fund	8	0,00	12.936.318	7,11
Unicoh Specialty Chemical Co., Ltd	12.600.000	6,92	12.600.000	6,92
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương Mại SMC	9.100.000	5,00	9.100.000	5,00
Vietnam Enterprise Investments Limited	-	0,00	17.066.400	9,38
Amersham Industries Limited	-	0,00	11.156.600	6,13
Các cổ đông khác	107.823.816	59,25	80.123.526	44,02
Cổ phiếu quỹ	10.000.000	5,49	-	0,00
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	<u>181.999.868</u>	<u>100,00</u>	<u>181.999.868</u>	<u>100,00</u>

(c) Tình hình biến động của vốn cổ phần

	Cổ phiếu phổ thông	
	Số cổ phiếu	VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2019	181.999.868	1.819.998.680.000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	181.999.868	1.819.998.680.000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	<u>181.999.868</u>	<u>1.819.998.680.000</u>

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng trên một cổ phiếu.

19 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	LNST chưa phân phối lũy kế VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2019	1.819.998.680.000	766.255.590.000	37.357.566.342	34.587.922.436	-	312.977.212.587	2.871.176.971.365
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	47.333.714.464	47.333.714.464
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(1.720.035.719)	(1.720.035.719)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	1.146.690.479	-	-	(1.146.690.479)	-
Trích quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	1.146.690.479	-	(1.146.690.479)	-
Tăng do bán công ty con	-	-	-	-	-	23.529.408	23.529.408
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	1.819.998.680.000	766.255.590.000	38.504.256.821	35.734.612.915	-	356.321.039.782	3.016.814.179.518
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	295.269.532.668	295.269.532.668
Mua lại cổ phiếu đã phát hành (*)	-	-	-	-	(78.043.577.721)	-	(78.043.577.721)
Cổ tức (**)	-	-	-	-	-	(51.599.960.400)	(51.599.960.400)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (**)	-	-	-	-	-	(1.420.011.434)	(1,420,011,434)
Trích quỹ đầu tư phát triển (**)	-	-	21.300.171.509	-	-	(21.300.171.509)	-
Trích quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu (**)	-	-	-	946.674.289	-	(946.674.289)	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	1.819.998.680.000	766.255.590.000	59.804.428.330	36.681.287.204	(78.043.577.721)	576.323.754.818	3.181.020.162.631

(*) Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số NQ-HĐQT/20002 ngày 24 tháng 4 năm 2020, Công ty đã thông qua phương án mua lại cổ phiếu làm cổ phiếu quỹ với số lượng 10.000.000 cổ phiếu từ các cổ đông hiện hữu của Công ty bằng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 và thặng dư vốn cổ phần trên báo cáo tài chính riêng năm 2019.

(**) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18 tháng 6 năm 2020, Công ty đã trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ đầu tư phát triển và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu lần lượt theo tỷ lệ 3%, 45% và 2% từ LNST chưa phân phối năm 2019.

(***) Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 08/2020/NQ-HĐQT ngày 17 tháng 11 năm 2020, Công ty đã thông quan quyết định chi trả cổ tức đợt 1 năm 2020 bằng tiền với tỷ lệ 3% mệnh giá cổ phiếu. Công ty đã thực hiện việc chi trả cổ tức trong tháng 12 năm 2020.

34

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM

Mẫu số B 09 – DN/HN

20 LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ:

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2020	31.12.2019 (**)
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	295.269.532.668	47.333.714.464
Điều chỉnh giảm số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)	-	(1.420.011.434)
	<u>295.269.532.668</u>	<u>45.913.703.030</u>
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	176.593.576	181.999.868
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	<u>1.672</u>	<u>252</u>

(*) Công ty và các công ty con không có kế hoạch trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm 2020 đến ngày của báo cáo tài chính hợp nhất này.

(**) Lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm 2019 đã được tính lại do số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi thực tế thay đổi so với số dự kiến như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2019		
	Số liệu báo cáo trước đây	Điều chỉnh	Số liệu trình bày lại
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	47.333.714.464	-	47.333.714.464
Điều chỉnh giảm số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	-	(1.420.011.434)	(1,420,011,434)
	<u>47.333.714.464</u>	<u>(1,420,011,434)</u>	<u>45,913,703,030</u>
Bình quân gia quyền số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	181.999.868	-	181.999.868
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	<u>260</u>		<u>252</u>

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm lãi trên cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM

Mẫu số B 09 – DN/HN

21 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

(a) Cam kết thuê hoạt động

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang được trình bày tại Thuyết minh 34.

(b) Ngoại tệ các loại

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền đã bao gồm số ngoại tệ 716.608,05 Đô la Mỹ (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 1.590.929,17 Đô la Mỹ).

22 DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2020 VND	2019 VND
Doanh thu		
Doanh thu bán thành phẩm	11.598.722.551.476	12.183.464.686.821
Doanh thu cung cấp dịch vụ	15.268.541.331	40.594.832.070
	<u>11.613.991.092.807</u>	<u>12.224.059.518.891</u>
Các khoản giảm trừ		
Chiết khấu thương mại	(28.333.656.064)	(28.760.568.840)
Giảm giá hàng bán	(4.683.908.665)	(4.428.651.886)
Hàng bán bị trả lại	(21.299.007.918)	(14.073.383.508)
	<u>(54.316.572.647)</u>	<u>(47.262.604.234)</u>
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu thuần về bán thành phẩm	11.544.405.978.829	12.136.202.082.587
Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	15.268.541.331	40.594.832.070
	<u>11.559.674.520.160</u>	<u>12.176.796.914.657</u>

23 GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2020 VND	2019 VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	10.681.607.682.473	11.791.600.275.176
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	8.857.009.058	43.447.974.306
	<u>10.690.464.691.531</u>	<u>11.835.048.249.482</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM

Mẫu số B 09 – DN/HN

24 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2020 VND	2019 VND
Lãi do bán khoản đầu tư	-	33.066.740.000
Lãi tiền gửi	27.090.757.323	30.166.675.370
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	59.600.960.577	38.596.918.483
Doanh thu hoạt động tài chính khác	2.396.445.460	5.162.888.540
	<u>89.088.163.360</u>	<u>106.993.222.393</u>

25 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2020 VND	2019 VND
Chi phí lãi vay	222.154.457.661	237.062.837.775
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	57.345.696.286	31.726.632.996
Lỗ thuần do đánh giá lại các khoản có gốc ngoại tệ cuối năm	1.368.014.070	6.255.238.305
Khác	390.047.045	3.551
	<u>281.258.215.062</u>	<u>275.044.712.627</u>

26 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	2020 VND	2019 VND
Chi phí vận chuyển	222.857.994.097	179.808.974.637
Chi phí nhân viên	19.086.067.118	15.460.059.560
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.596.286.510	5.523.628.818
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.790.663.306	6.547.784.833
Khác	3.617.745.388	2.903.192.006
	<u>267.948.756.419</u>	<u>210.243.639.854</u>

27 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2020 VND	2019 VND
Chi phí nhân viên	42.121.352.623	36.301.807.320
Chi phí khấu hao TSCĐ	9.568.055.286	7.015.112.200
Chi phí dịch vụ mua ngoài	36.608.640.826	24.315.444.284
Khác	3.610.522.113	1.048.438.279
	<u>91.908.570.848</u>	<u>68.680.802.083</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM

Mẫu số B 09 – DN/HN

28 THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	2020 VND	2019 VND
Thu nhập khác		
Lãi thuần do thanh lý, nhượng bán TSCĐ (*)	-	191.207.037.367
Khác	3.795.441.330	6.401.308.990
	<u>3.795.441.330</u>	<u>197.608.346.357</u>
Chi phí khác		
Khác	(165.774.826)	(2.272.295.965)
Lợi nhuận khác	<u>3.629.666.504</u>	<u>195.336.050.392</u>

(*) Bao gồm trong lãi thuần do thanh lý, nhượng bán TSCĐ là lãi thuần từ bán nhà máy thép Nam Kim 1 cho một khách hàng bên thứ ba.

29 THUẾ TNDN

Theo Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài chính, Tập đoàn được hưởng ưu đãi thuế cho phần đầu tư mở rộng như sau:

(a) Đối với dự án nhà máy thép Nam Kim 2:

Tập đoàn được miễn thuế TNDN 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (2015 – 2016) và giảm 50% số thuế TNDN phải nộp trong 4 năm tiếp theo (2017 – 2020) đối với thu nhập thực hiện từ dự án.

(b) Đối với dự án nhà máy thép Nam Kim 3:

Tập đoàn được miễn thuế TNDN 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (2017 – 2018) và giảm 50% số thuế TNDN phải nộp trong 4 năm tiếp theo (2019 – 2022) đối với thu nhập thực hiện từ dự án.

(c) Đối với Công ty TNHH Một Thành viên Ông thép Nam Kim (“Công ty Ông thép”):

Tập đoàn được miễn thuế TNDN 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (2017 – 2018) và giảm 50% số thuế TNDN phải nộp trong 4 năm tiếp theo (2019 – 2022) đối với thu nhập thực hiện từ công ty này.

Các hoạt động khác áp dụng mức thuế suất thuế TNDN phổ thông là 20%.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM

Mẫu số B 09 – DN/HN

29 THUẾ TNDN (tiếp theo)

Số thuế TNDN trên lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn khác với số thuế khi được tính theo thuế suất phổ thông áp dụng 20% như sau:

	2020 VND	2019 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	320.812.116.164	90.108.783.396
Thuế tính ở thuế suất 20%	64.162.423.233	18.021.756.679
Điều chỉnh:		
Chi phí không được khấu trừ	154.029.782	448.118.882
Lỗ tính thuế đã được sử dụng	(24.305.193.370)	-
Lỗ tính thuế mà không ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại	10.678.314	24.305.193.371
Ưu đãi thuế	(14.479.354.463)	-
Chi phí thuế TNDN	<u>25.542.583.496</u>	<u>42.775.068.932</u>
Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:		
Thuế thu TNDN - hiện hành (*)	25.557.009.597	42.393.419.864
Thuế TNDN - hoãn lại	(14.426.101)	381.649.068
	<u>25.542.583.496</u>	<u>42.775.068.932</u>

(*) Chi phí thuế TNDN hiện hành cho năm tài chính được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

30 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2020 VND	2019 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	11.015.687.792.814	12.444.911.441.833
Chi phí nhân viên	266.561.269.659	211.070.722.611
Chi phí khấu hao TSCĐ	376.255.520.548	441.808.719.478
Chi phí dịch vụ mua ngoài	685.298.379.960	572.034.492.062
Khác	5.019.034.577	2.465.492.322
	<u>12.348.821.997.558</u>	<u>13.672.290.868.306</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM

Mẫu số B 09 – DN/HN

31 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý:

Hoạt động của Tập đoàn được phân bổ chủ yếu ở trong nước và xuất khẩu. Tập đoàn không thực hiện theo dõi các thông tin về kết quả kinh doanh, TSCĐ, các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng.

	2020 VND	2019 VND
Xuất khẩu	4.739.549.068.859	4.908.750.305.550
Trong nước	6.820.125.451.301	7.268.046.609.107
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	<u>11.559.674.520.160</u>	<u>12.176.796.914.657</u>

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh:

Hoạt động sản xuất và kinh doanh các loại tôn thép, tôn mạ kẽm, tôn mạ hợp kim nhôm kẽm là hoạt động chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Tập đoàn, trong khi các khoản doanh thu khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu của Tập đoàn, do vậy Ban Giám đốc cho rằng Tập đoàn hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất.

32 THUYẾT MINH CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(a) Số tiền đi vay thực thu trong năm

	2020 VND	2019 VND
Vay theo kế ước thông thường	<u>11.098.457.061.598</u>	<u>8.961.750.010.468</u>

(b) Số tiền đã thực trả nợ gốc vay trong năm

	2020 VND	2019 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	<u>11.165.449.521.984</u>	<u>10.276.432.956.720</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM

Mẫu số B 09 – DN/HN

33 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

(a) Giao dịch với các bên liên quan

	2020 VND	2019 VND
<i>Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt</i>		
Lương và các quyền lợi gộp khác	<u>8.912.101.235</u>	<u>9.248.886.446</u>

Trong đó:

Thù lao cho Hội đồng Quản trị:

	2020 VND
Ông Hồ Minh Quang	120.000.000
Ông Võ Hoàng Vũ	30.495.000
Ông Nguyễn Vinh An	60.000.000
Bà Nguyễn Ngọc Ý Nhi	30.495.000
Ông Phạm Mạnh Hùng	(đến ngày 1.9.2019) 40.055.000
Bà Trần Uyên Nhân	(đến ngày 29.6.2019) 29.505.000
Ông Lương Thanh Bình	(đến ngày 29.6.2019) 29.505.000

Lương và các quyền lợi gộp khác cho các nhân sự quản lý chủ chốt:

Ông Hồ Minh Quang	Chủ tịch	2.056.316.187
Ông Võ Hoàng Vũ	Tổng Giám đốc	1.797.696.125
Ông Quảng Trọng Lăng	Phó Tổng Giám đốc	788.365.128
Ông Nguyễn Vinh An	Phó Tổng Giám đốc	909.085.436
Bà Trần Ngọc Diệu	Phó Tổng Giám đốc	920.855.669
Bà Nguyễn Thị Ngọc Liên	Phó Tổng Giám đốc	2.099.727.690
		<u>8.912.101.235</u>

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan

	2020 VND	2019 VND
Các khoản phải thu ngắn hạn khác		
Ông Hồ Minh Quang - Chủ tịch Hội đồng Quản trị	<u>6.000.000.000</u>	<u>-</u>
Phải trả ngắn hạn khác		
Ông Hồ Minh Quang - Chủ tịch Hội đồng Quản trị	<u>-</u>	<u>8.100.000.000</u>


34 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tập đoàn phải trả mức tối thiểu cho các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang trong tương lai như sau:

	2020 VND	2019 VND
Trong vòng 1 năm	900.466.236	130.900.000
Từ 1 đến 5 năm	225.116.559	-
Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu	1.125.582.795	130.900.000

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được Ban Giám đốc phê chuẩn ngày 2 tháng 4 năm 2021.


Nguyễn Ngọc Bảo Châu
Người lập


Vũ Thị Huyền
Kế toán trưởng


Võ Hoàng Vũ
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM

Bình Dương, Ngày 20 tháng 04 năm 2021
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY


Tổng Giám Đốc
VÕ HOÀNG VŨ